

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao

(dịch theo bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Phật Học Hội,

ấn bản tháng Sáu năm Dân Quốc 80 (1991)

Đời Thanh, Triết Giang, chùa Từ Vân, Hương Nghiêm hành giả sa-môn
Quán Đảnh Tục Pháp¹ soạn

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

---o0o---

Quyển Thượng

Lời Dẫn Nhập

Nghĩ tới tiên sinh Đông Cao từ ngàn dặm gửi thư cho tôi, tự nói suốt năm qua một mực chú tâm nơi Tịnh Độ. Gió cảnh giới Sa Bà lộng lộng, Chân Như Triết, Thảo Đường Thanh đều chẳng khỏi lỡ bước, tiên sinh khuyên tôi gắng lưu tâm sự kiện này. Tôi ngẫu nhiên nhắc đến chuyện này với pháp sư Bách Đình (tức hòa thượng Tục Pháp), pháp sư cho biết đã có cuốn Thế Chí Niệm Phật Chương Sớ Sao để trên án sách. Hai người cùng mở sách ra xem lại, đều hết sức nồng nhiệt khen ngợi, cho rằng: “Tiên sinh dùng thân để thực hiện [những giáo nghĩa này], đúng là những lời lẽ chữa bệnh cứu vãn thời thế vậy”. Tôi bèn bảo con cái quyền mộ để khắc ra. Khắc xong, pháp sư lại bảo tôi viết lời dẫn nhập.

Tôi nghĩ rằng trong đại kinh Hoa Nghiêm, [khi Thiện Tài đồng tử tham học với các vị thiện tri thức], trước hết ngài Đức Vân tuyên dạy pháp Niệm Phật, Mã Minh Bồ Tát là vị tổ tạo luận coi trọng cả Niệm Phật lẫn Chỉ Quán. Lăng Nghiêm là sách luận bàn về Tánh, chương Thế Chí Niệm Phật được xếp vào phần Viên Thông, rõ ràng Thiên Tông chẳng thể chèn ép Liên Tông, bảo đây chẳng phải là đường lối để trở về nguồn thấy tánh được! Nay những tác phẩm Di Đà Sớ Sao, Long Thư Tịnh Độ Văn v.v... được lưu truyền trong chốn Thiền

lâm. Nghĩ tới chương Thế Chí chỉ được giảng giải kèm thêm trong chánh kinh, chưa từng được viết sớ giải chuyên biệt. Pháp sư giảng giải kinh văn, giải thích ý nghĩa, khắc thành sách đã ban thêm cho người trong cõi Chân Đán (Trung Hoa) một chiếc bè vãng sanh nữa, há chẳng đáng gọi là bậc công thân trong Tịnh Độ ư? Điều này càng rõ ràng hơn nữa. Do vậy, tôi bèn đem ý này phúc đáp Cao tiên sinh, rồi lại nói mò rằng:

- Liên Trì đại sư bảo: “Niệm Phật một tiếng để thay thế tạp niệm trong trăm ngàn vạn ức kiếp. Niệm ấy chính là Không, Không chính là niệm, bản thể đành rành! Chẳng phải ở ngoài niệm lại tìm được Bồ Đề nào khác”. Lại nói: “Chấp trì danh hiệu đến mức nhất tâm sẽ khôi phục được cái Thể không tịch”. Lại nói: “Cần biết do Tịnh Độ duy tâm nên không có ngoại cảnh. Tự tánh trở về bản thể, chính là ý nghĩa nguyện sanh về cõi ấy”. Như vậy là ngài Liên Trì tuy cực lực chủ trương Tây Phương Tịnh Độ nhưng chẳng bỏ sót tông chỉ kiến tánh của Tông môn, rành rành như thế đó! Cho nên nói rằng: Kiến tánh là chỗ chỉ quy của Tịnh Độ, nhưng Tịnh Độ là đường để vào kiến tánh, chẳng mâu thuẫn nhau. Kiến tánh thì chạm tay vào chỗ nào cũng đều là Tịnh Độ, nhưng chẳng thể bỏ không nói đến đài sen. Chưa kiến tánh thì chưa thể hoàn toàn thấu hiểu Tịnh Độ được, nhưng cái nhân đã gieo chẳng hề lỡ làng. Do vậy, dù kiến tánh hay không đều chẳng thể xem thường niệm Phật tu Tịnh Độ được! Dường như nghĩa này chưa được chương Thế Chí Viên Thông này nhắc tới. Tôi đã đem ý này phúc đáp ông Cao, nay viết vào đây để hỏi người thật sự niệm Phật nghĩ như thế nào?

Năm Canh Thân (1680) niên hiệu Khang Hy, Đới Kinh Tăng sinh trưởng ở Tiên Đường kính ghi.

---o0o---

Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương

Đường Thiên Trúc sa-môn Bát Lạt Mật Đề dịch

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử dữ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ Tát, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:

- Ngã ức vãng tích Hằng hà sa kiếp hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang, thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp. Kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bỉ Phật giáo ngã Niệm Phật tam-muội. Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong. Như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến. Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm. Như thị nãi chí từng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương quai dị. Thập phương Như Lai, lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược tử đào thế, tuy ức hà vi? Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời. Mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn. Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai. Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh viết Hương Quang Trang Nghiêm. Ngã bốn nhân địa, dĩ niệm Phật tâm nhập Vô Sanh Nhân, kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư Tịnh Độ. Phật vấn Viên Thông, ngã vô tuyền trách, đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất.

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng hạnh với Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, bạch Phật rằng:

- Con nhớ trong hằng hà sa kiếp xưa kia, có đức Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai liên tiếp [xuất hiện] trong cùng một kiếp. Vị Phật cuối cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Đức Phật ấy dạy con pháp Niệm Phật tam-muội. Ví như có người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. Hai người như thế dù có gặp nhau mà như chẳng gặp, hoặc có thấy nhau cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau, hai cái nhớ ấy càng sâu. Như thế cho đến từ đời này sang đời khác như hình và bóng chẳng hề trái nghịch, sai khác nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn đâu nhớ để làm gì? Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì mẹ con trải qua nhiều đời chẳng xa cách nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng cần đến phương tiện, tâm tự được mở mang. Như người nhiễm hương, thân thường có mùi hương. Đấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Lúc con tu nhân vốn là dùng tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân. Nay con ở trong thế giới này nhiếp người niệm Phật quay về Tịnh Độ. Phật hỏi pháp nào Viên Thông, con chẳng chọn lựa. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, đấy là bậc nhất.

Kinh Lăng Nghiêm chép: *“Phật bảo A Nan: - Nếu như có kẻ thân phạm đủ [các tội] Tứ Trọng, mười Ba-la-di², trong chớp mắt sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ*

trong thế giới này lẫn thế giới khác cho đến đọa khắp [các ngục] Vô Gian trong tất cả mười phương, không ngục nào là chẳng bị đọa vào. Nếu trong thời mạt kiếp, có thể trong khoảng một niệm đem pháp môn này dạy cho người chưa được học đến thì tội chướng của người ấy sẽ liền tiêu diệt ngay trong niệm ấy, biến các nhân khổ sở trong địa ngục mà người ấy phải gánh chịu thành cõi yên vui”. Do vậy, chương kinh này thật đúng là lò luyện lớn lao đốt tan tội lỗi, là linh đan trị lành bệnh, là đường tắt để tu tâm, là phương cách trọng yếu để cầu vãng sanh. Nếu có thể thường thọ trì thì không khổ nào chẳng trừ, không niềm vui nào chẳng được hưởng, không nguyện nào chẳng thỏa, không quả nào chẳng đạt được. Phạm ai thấy nghe hãy đều nên suy đi nghĩ lại.

*** Cách thức trì tụng hằng ngày:**

Người có ba hạng:

- 1) Một là kẻ cực nhàn rỗi, hãy nên ngày đêm sáu thời trì kinh niệm Phật.
- 2) Hai là người nửa nhàn, nửa bận, mỗi ngày hãy nên hai thời sáng tối nhất tâm trì niệm.
- 3) Ba là người cực bận bịu, mỗi buổi sáng sớm hãy nên chuyên tâm trì niệm.

Pháp tắc trì tụng thì trước hết hãy xưng niệm Bốn Sư Phật ba lượt rồi đọc chương Thế Chí một biến, Vãng Sanh Chú ba biến, kệ Tán Phật một biến, niệm Phật mấy trăm câu, một ngàn câu hoặc một vạn câu tùy ý, niệm ba danh hiệu Bồ Tát mỗi danh hiệu ba lượt, rồi đọc kệ phát nguyện hồi hướng một biến. Trước khi tụng và sau khi tụng, đều phải đối trước thánh tượng chấp tay lễ ba lần. Nếu không có tượng Phật thì đối trước kinh hoặc hướng lên không trung lễ bái cũng được. Nếu có thể thường làm như thế không gián đoạn, ắt Phật thương xót, phạm có cầu nguyện chi không gì chẳng được toại ý, lúc lâm chung Phật và thánh chúng phóng quang tiếp dẫn, mau sanh về Cực Lạc. Hành giả hãy nên sanh lòng tín nguyện, chớ nên ngờ vực, coi thường!

Dưới đây là nói về cách thức tụng kinh và niệm Phật mỗi ngày. Nếu chỉ trì danh hiệu Phật và là người cực nhàn rỗi thì trừ sáu thời ra, hãy nên thời thời, khắc khắc niệm Phật không gián đoạn. Người nửa nhàn nửa bận thì hãy nên khi làm lụng xong xuôi liền niệm Phật ngay. Người cực bận bịu hãy nên tranh thủ lúc nhàn rỗi trong khi bận bịu, niệm Phật mười niệm. Cách này gọi

là chẳng bỏ phí thời gian vậy. Trọn hết một đời này chẳng gián đoạn ngày nào thì tâm và miệng niệm Phật của chính mình ắt sẽ trở thành tâm và miệng của Phật. Kinh dạy: “*Hạnh giống như Phật, mang khí phận của Phật, đích thân là con Phật*”, chẳng phải đúng như thế hay sao?

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Tiếp đây, tụng Thệ Chí Chương xong, liền niệm tiếp Vãng Sanh Chú

Nam mô a di đà bà dạ, đá tha già đa dạ, đa địa dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đá, tất đām bà tỳ, a di rị đá, tỳ ca lan đế, a di rị đá, tỳ ca lan đá, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha.

Bát Tư Nghị Thần Lục Truyện chép: “*Cách thức trì chú là thân thể sạch sẽ, súc miệng, thắp hương đối trước Phật, ngày đêm sáu thời, mỗi thời đều tụng hai mươi một biến, sẽ diệt được những tội như Ngũ Nghịch, báng pháp v.v... Tụng đủ ba mươi vạn biến sẽ thấy A Di Đà Phật*”. Sách Di Đà Sớ Sao viết: “*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tụng chú này thì A Di Đà Phật thường ở trên đỉnh đầu người ấy, ngày đêm ủng hộ không để cho oán gia có dịp thuận tiện [hãm hại] được, trong đời hiện tại thường được an ổn. Lúc mạng chung, tùy ý vãng sanh*”.

Tiếp đây đọc bài kệ tán Phật:

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên, Tứ
thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.*

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật (trăm, ngàn, vạn câu tùy ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (mỗi danh hiệu mười lượt)

Sau đây đọc kệ phát nguyện hồi hướng:

Ngã kim xưng niệm A Di Đà, chân thật công đức Phật danh hiệu. Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ, chứng tri sám hối cấp sở nguyện. Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thủy tham sân si. Tùng thân ngữ ý chi sở sanh, nhất thiết ngã kim giai sám hối. Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà. Tức đắc vãng sanh An Lạc sát. Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ. Nhược hữu kiến văn giả, tất phát Bồ Đề tâm. Tận thử nhất báo thân, đồng sanh Cực Lạc quốc. Thập phương tam thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

(Con nay xưng niệm A Di Đà, danh hiệu Phật công đức chân thật. Kính xin từ bi thương nhiếp thọ, chứng biết con sám hối, nguyện cầu. Xưa kia đã tạo bao nghiệp ác, đều do vô thủy tham sân si. Từ thân - miệng - ý phát sanh ra, hết thấy con nay xin sám hối. Nguyện con vào lúc sắp lâm chung, trừ sạch hết thấy các chướng ngại, tận mặt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc. Nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường. Nếu có ai thấy nghe, đều phát Bồ Đề tâm. Hết một báo thân này, cùng sanh cõi Cực Lạc. Mười phương ba đời Phật, hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

Bài này nên quỳ đọc trước tượng Phật. Đọc xong, đứng dậy lễ ba lạy rồi lui ra.

Kệ rằng:

Một bữa vô thường đến,

Mới biết ta đang mơ,

Muôn thứ đành bỏ lại,

Riêng mình nghiệp theo thân.

Thế nào là “*muôn thứ đành bỏ lại?*” Quan tước, của cải, đồ quý giá, nhà cửa, ruộng vườn, quần áo, món ăn, cho đến vợ đẹp, con yêu, hễ vô thường xảy đến đều không mang theo được. Thế nào là “*riêng mình nghiệp theo thân?*” Các ác nghiệp tham, sân, si, mạn, Ngũ Nghịch, Thập Ác do con người đã tạo, các thiện nghiệp Giới, Định, Huệ, Ngũ Giới, Thập Thiện con người đã hành, hễ vô thường xộc tới, chúng đều theo quý vị cả. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Khi lâm chung, lúc hơi nóng chưa tan hết, sự thiện điều ác trong cả một đời đều cùng một lúc nhanh chóng hiện ra. Ác thì liền cảm khổ báo trong tam đồ. Thiện thì cảm quả báo vui trong cõi trời người*”. Nếu trong thiện tâm lại còn kèm thêm tín nguyện niệm Phật cầu vãng sanh ắt sẽ hiện cảnh tương cõi Cực Lạc của Phật. Phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện dạy: “*Khi người ấy chết, hết thấy các căn thấy đều hư hoại, hết thấy thân thuộc thấy đều bỏ lìa, hết thấy oai thế thấy đều biến mất, voi, ngựa, xe cộ, trân bảo, kho đụn, không còn thuộc về kẻ ấy nữa. Chỉ có nguyện vương này là trong hết thấy lúc thường dẫn đường trước mặt, trong một sát-na liền sanh về thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật và các thánh chúng*”. Đã là như thế, sao chẳng giành ngay lúc khỏe mạnh này nỗ lực siêng năng tu tập? Ngài Thiện Đạo nói: “*Dầu cho vàng ngọc đầy nhà, khó khỏi suy tàn già bệnh! Dầu người khoái lạc ngàn muôn, rốt cuộc vô thường xảy tới, chỉ có nẻo tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật*”. Nếu đợi lâm chung mới hối, dầu hối còn kịp hay chẳng? Kính khuyên mọi người hãy kịp thời tận tu. Sanh tử là chuyện lớn, vô thường mau chóng, hãy hết sức cẩn thận đối với chuyện này, xin hãy gắng lên nhé!

Hơn nữa, người tu Tịnh nghiệp phải có đủ ba thứ tư lương:

1) Một là Tín: Tin luân hồi khổ nhất, tin niệm Phật mâu nhiệm nhất, tin rằng tu hành trong cõi này khó thể thành tựu đạo quả. Tin rằng nguyện sanh về cõi kia, thậm chí mười niệm, quyết được vãng sanh. Tin rằng với quả báo được sanh trong cõi trời người thì khi hết phước sẽ lại đọa. Tin rằng hễ sanh về cõi Cực Lạc, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, sẽ thành Chánh Giác. Tin rằng hễ xưng danh hiệu Phật một tiếng sẽ diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Tin rằng người niệm Phật được Phật Di Đà gia hộ, dắt dìu, khi bị bệnh sẽ được Ngài cứu vớt, che chở, khi lâm chung được Phật đến đón.

2) Hai là Nguyện: Nguyện tiêu nghiệp chướng, nguyện diệt các khổ, nguyện tâm mở mang, nguyện thấy Phật. Nguyện tịnh nghiệp thành tựu. Nguyện sanh về cõi An Dưỡng, nguyện được Phật thọ ký, nguyện độ sanh.

3) Ba là Hạnh: Thân lễ tượng Phật, miệng xưng danh, tâm quán tưởng, đều phải sao cho chuyên nhất, trọn chẳng tán loạn. Phải hiểu biết rằng khi tín nguyện chính là đã vun trồng hoa sen; khi chuyên niệm thì hoa sen bèn vượt khỏi mặt nước. Lúc công lao thành tựu, hoa sen bèn nở trên không. Nếu dấy lòng nghi ngờ, hối tiếc, hoa sen lại héo đi.

Do vậy, ngày đêm sáu thời không có một niệm nào tham luyến Sa Bà. Phàm đi đứng, ăn ở, ăn uống, nói năng, im lặng, động, tịnh, đều chẳng quên Tịnh Độ. Tới lúc lâm chung, hãy nên niệm Phật phát nguyện, chẳng được sợ chết, tham sống. Thường tự nghĩ rằng: Cái thân hiện tại của ta đây mọi thứ khổ chen nhau buộc ràng, những món bất tịnh trần trề, nếu bỏ được cõi này, gởi thân nơi ao sen, hưởng vô lượng vui, mọi chuyện tốt bậc vừa ý, như trút được cái áo hôi xấu, được mặc quần áo quý báu, sang cả, buông xuống vạn duyên, thân tâm giải thoát. Hễ vừa bị bệnh, chẳng cần biết là nặng hay nhẹ, liền nghĩ tới vô thường, một lòng đợi chết, liền dặn dò hết thầy mọi người: “Phàm ai đến gặp tôi đều niệm Phật cho tôi, chớ đừng nói tạp nhạp chuyện đời, tình cảnh gia đình hay dở!” Lại mời pháp sư nhiều lượt tới khuyên nhắc, nương theo kinh để chỉ dạy. Cho đến lúc bệnh nặng xả báo, người nhà thân thuộc chẳng được khóc lóc, thốt ra tiếng than thở buồn bã, áo não vì vẫn sợ làm cho tâm thần người sắp mất bị làm lẫn, rối loạn, quên mất chánh niệm, chỉ lớn tiếng niệm A Di Đà Phật. Giữ như vậy cho đến khi người ấy tắt hơi, thần thức đã rời khỏi xác rồi mới được cất tiếng khóc. Nếu được như thế thì vạn người cầu, vạn người vãng sanh, ắt chẳng còn ngờ chi nữa!

Lại có kẻ gặp phải chướng nạn, chẳng thể chánh niệm vãng sanh, [chẳng hạn] như trúng phong, cảm khẫu, cuồng loạn mất trí, nước lửa, sét đánh, bị trùng thú quỷ ăn, trúng phải độc dược, chết trận, oán tặc, nạn vua, cũng phải sám hối sẵn, ắt sẽ được Phật che chở. Bởi lẽ người niệm Phật có sáu thứ lợi ích thù thắng:

1. Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm. Đức Di Đà đứng trên đỉnh đầu phóng quang. Chư thiên, thần tướng ngày đêm ngậm gia hộ.
2. Ác quỷ, độc dược đều chẳng thể làm hại được.
3. Tam tai bát nạn³ thầy đều tiêu trừ. Chướng duyên đời trước tiêu tan, được thoát khỏi kẻ thù oán đời mạng.
4. Khí lực sung mãn, không mắc phải các thứ bệnh tật ngang trái.

5. Đêm nằm mộng tốt lành, thấy hình tượng Phật. Không bị những thứ phi nhân đoạt mất tinh khí.

6. Trong hiện tại được hết thảy lễ kính, lâm chung Tam Thánh tiếp dẫn.

Do vậy, biết: Hằng ngày thường một dạ niệm Phật hiệu chính là pháp chuẩn bị sẵn để ngăn ngừa lo sầu. Như người vào thành làm việc, ắt trước hết phải kiếm chỗ an cư, ngõ hầu khi trời đêm tối om sẽ có chỗ để ngủ. “Kiếm chỗ để ở” chính là tu sẵn Tịnh nghiệp. “Khi trời đêm tối om” chính là khi đại hạn xảy tới. “Có chỗ để ngủ” chính là sanh trong hoa sen, chẳng gặp chướng ngại. Nếu con người y theo đó để dụng tâm, lúc lâm chung chắc chắn được vãng sanh. Đây lại là điều dặn dò thiết tha dành cho người tu Tịnh Độ vậy.

Chùa Từ Vân, Hương Nghiêm hành giả Tục Pháp thuật bày, kính khuyên. ---
o0o---

Lãng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật

Viên Thông Chương Sớ Sao

Quyển Thượng

Đời Thanh, tỉnh Chiết Giang, chùa Từ Vân, Quán

Đánh sa-môn Tục Pháp soạn

Phân giải thích:

Một chương kinh này được chia thành ba ý lớn:

1. Những ý chánh trong phần Thông Tự.
2. Giải thích kinh văn.
3. Quy mạng, hồi hướng.

---o0o---

I. Thông tự đại ý

(những ý chánh yếu trong phần Thông Tự)

Gồm hai phần:

1. Giải thích rõ tông chỉ, nghĩa thú 2.

Lược giải tựa đề kinh

---o0o---

1. Giải thích về tông chỉ, nghĩa thú:

Gồm 3 phần:

1.1. Tông thú⁴ của pháp niệm Phật

1.2. Nêu bày những điều được giảng giải trong chương kinh này

1.3. Dẫn chứng những sự lợi ích thù thắng để khuyên tu ---o0o---

1.1. Tông thú của pháp niệm Phật

Số⁵: Lớn lao thay, pháp môn Niệm Phật gồm thâu cả Tiểu lẫn Đại, bao trọn lợi căn lẫn độn căn, Sự - Lý viên dung, Tánh - Tướng vô ngại. Phật chính là tâm, không tâm nào chẳng phải là tâm Phật. Tâm chính là Phật, không một Phật nào chẳng phải là Phật tâm. Tâm vừa nghĩ tới, Phật, Phật trọn bày. Vừa xưng danh hiệu Phật, tâm, tâm được hiển lộ ngay. Chẳng có Phật ở ngoài tâm để tâm nhớ tới, mà cũng chẳng có tâm ở ngoài Phật để đức Phật được xưng niệm bởi cái tâm ấy. Chúng sanh niệm Phật: Phật ở ngay trong tâm chúng sanh. Phật niệm chúng sanh: Chúng sanh ở ngay trong tâm Phật. Tâm này làm Phật, nếu tâm chẳng niệm Phật thì chẳng thể làm Phật được! Chính do Phật mà tâm được hiển lộ, nếu chẳng xưng niệm Phật thì tâm chẳng thể hiển lộ được. Cho nên biết rằng: Một môn Niệm Phật quả thật là diệu pháp để kiến tánh thành Phật vậy.

Sao: Từ chữ “*lớn vậy thay*” trở đi, chia làm hai phần. Trước hết là phần giải thích, lại gồm có ba ý:

1.1.1. [Ý thứ nhất]: Trước hết là trình bày tổng quát về phạm vi bao quát của pháp môn niệm Phật. “*Lớn lao thay*” chính từ ngữ khen ngợi, cũng là từ ngữ mở đầu [lời nhận định]. Từ chữ “*pháp môn Niệm Phật*” trở đi, chính là nói về pháp được khen ngợi. Câu đầu tiên nêu lên Thể (bản thể)⁶: Niệm Phật chính là nói riêng, “*pháp môn*” là nói chung.

Bốn câu kế tiếp (tức “*pháp môn Niệm Phật gồm thâu cả Tiểu lẫn Đại, bao trọn lợi căn lẫn độn căn, Sự - Lý viên dung, Tánh - Tướng vô ngại*”) giải thích về Tướng⁷:

Hai câu đầu nói về Người (tức đối tượng chủ yếu) [được nhiếp hóa bởi pháp môn này]. Nói “*Đại, Tiểu*” là ước về Thừa (giáo pháp); nói lợi, độn là ước về Căn (căn cơ được tiếp độ).

“*Gồm thâu*” là hướng dẫn, chỉ dạy căn tánh Tiểu Thừa, tức dẫn dắt căn tánh Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa; khuyên lơn, khích lệ căn tánh Đại Thừa hãy bỏ Quyền (phương tiện) hướng đến Thật, khiến cho ba tâm của bậc thượng căn (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm) được phát khởi trọn vẹn, tiến thẳng vào Vô Sanh, làm cho kẻ hạ căn mười niệm thành công, cũng được sanh về cõi kia (nước Cực Lạc).

Hai câu kế đó nói về Pháp. Sự, Lý là ước về hạnh. Tánh, Tướng là ước về Đê⁸. “*Viên dung, vô ngại*”: Kẻ hạ căn ngu độn chấp Sự, mê Lý, người trí nhỏ chấp Lý bỏ Sự. Nay [pháp môn Niệm Phật] khiến cho họ thông suốt cả Sự lẫn Lý. Nương theo Lý đề tu liền chứng Chân Đê, thấy được tự tánh Di Đà. Nương theo Sự đề tu liền chứng Tục Đê, sanh vào Cực Lạc tướng độ⁹.

1.1.2. [Ý thứ hai]: Tiếp đây, [trong đoạn “*Phật chính là tâm, chẳng có tâm nào chẳng phải là tâm Phật. Tâm chính là Phật, không một Phật nào chẳng phải là Phật tâm*”] lời Sớ lại đặc biệt chỉ rõ lý Bất Nhị trong ấy:

1.1.2.1. Trước hết là tâm và Phật không hai:

Bốn câu đầu ước theo Tánh để lập luận. Giảng về tâm và Phật, lời Sớ chia ra năm cặp:

- Một: Tâm ở ngoài Phật, Phật ở ngoài tâm.
- Hai: Phật ở trong tâm, Phật chỉ là tâm.
- Ba: Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm.
- Bốn: Tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là tâm.
- Năm: Tâm và Phật viên dung, vô chướng, vô ngại.

Dem Ngũ Giáo (Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên) theo thứ tự phối hợp với năm cặp này sẽ hiểu được ý nghĩa. Nay tôi chỉ rõ ý nghĩa của câu thứ ba:

Tâm và Phật ở đây, xét về Thể, sẽ bao quát khắp tất cả, giống như kim loại và đồ vật vậy. Nếu dùng kim loại để thâu nhiếp đồ vật (tức là thấy toàn bộ những món đồ vật đều làm bằng kim loại) thì chẳng bỏ sót một món vật nào. Dùng đồ vật để nhiếp kim loại (tức là tìm kim loại từ nơi đồ vật), không một món nào chẳng bằng kim loại.

1.1.2.2. Tám câu tiếp theo kể từ chữ ‘tâm’ (tức từ câu: “*Tâm vừa nghĩ tới...*”) trở đi là ước theo phương diện Tu để nói:

“*Tâm nghĩ tới Phật, Phật được xưng niệm bởi tâm*” đều là giảng theo phương diện Tu. Tâm nghĩ tới Phật, Phật liền hiện bày; bởi lẽ, tâm chính là Phật. Xưng niệm Phật thì tỏ rõ được cái tâm, bởi lẽ, Phật chính là tâm. Không có gì để tâm nhớ nghĩ tới nên ngoài tâm không có Phật. Không có gì để xưng niệm Phật, cho nên ngoài Phật không có tâm. Phẩm Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm có câu: “*Vô hữu trí ngoại Như vi trí sở nhập, diệc vô Như ngoại trí, năng chứng u Như*” (Chẳng có Như ở ngoài trí để được chứng nhập bởi trí ấy, mà cũng không có trí ngoài Như để chứng được cái Như¹⁰ ấy) chính là giảng về nghĩa này.

1.1.3. [Ý thứ ba]: Từ chữ “*chúng sanh*” trở đi, lời Sớ bàn về ba thứ vô sai biệt, tức là: Tâm, Phật, chúng sanh chính là ba thứ vô sai biệt.

Bốn câu đầu [trong tiểu đoạn này] nhằm giảng rõ sự không sai biệt:

1.1.3.1. “*Chúng sanh niệm Phật*” nghĩa là chúng sanh ở trong tâm chư Phật đang niệm chư Phật ở chính ngay trong tâm chúng sanh. “*Phật ở ngay trong tâm chúng sanh*” nghĩa là ở ngoài tâm của chúng sanh không có đức Phật nào khác; bởi lẽ, chân tâm của Phật chính là chân tâm của chúng sanh. [Nói cách khác] câu này ngụ ý gồm thâu mọi pháp thuộc về mặt Nhân, không bỏ sót pháp nào. Vì thế mới nói: “*Chúng sanh niệm Phật, hiện tiền, tương lai ắt được thấy Phật*”. Kinh Hoa Nghiêm cũng dạy: “*Hãy nên biết trong tự tâm, trong mỗi niệm thường có Phật thành Chánh Giác. Vì sao vậy? Do chư Phật Như Lai chẳng lìa tâm này để thành Chánh Giác vậy*”.

1.1.3.2. “*Phật niệm chúng sanh*” là chư Phật trong tâm chúng sanh niệm chúng sanh trong tâm của chư Phật. “*Chúng sanh ở trong tâm Phật*” nghĩa là ngoài chân tâm của Phật chẳng có chúng sanh, nhưng chân tâm của chúng

sanh lại chính là chân tâm của Phật. [Nói cách khác] đoạn này gồm thâu các pháp thuộc về mặt Quả chẳng còn sót pháp nào. Do vậy, nói: “*Mười phương Như Lai nghĩ thương chúng sanh như mẹ nhớ con*”. Phật Tánh Luận chép: “*Hết thấy chúng sanh đều ở trong trí của Như Lai, hết thấy chúng sanh quyết định chẳng ra ngoài cảnh Như Như, đều được Như Lai nhiếp trì*”.

1.1.3.3. Dựa theo Thanh Lương Sớ¹¹, [tâm, chúng sanh và Phật] lại được chia thành bốn câu như sau:

- Một là ở ngoài tâm của chư Phật, không có chúng sanh nào khác.
- Hai là ở ngoài tâm của chúng sanh, chẳng có Phật nào khác.
- Ba là tâm Phật, tâm chúng sanh, cả hai thứ cùng tồn tại, cùng hiện diện.
- Bốn là tâm chúng sanh và tâm Phật, đoạt lẫn nhau, cùng mất.

Nay tôi bèn dựa theo hai ý đầu [trong bốn câu vừa nêu trên đây] để giải thích lời Sớ như sau:

Bốn câu tiếp theo chữ “*Tâm này*” (tức các câu: “*Tâm này làm Phật, nếu tâm chẳng niệm Phật thì chẳng làm Phật. Chính do Phật mà tâm được hiển, nếu chẳng xưng niệm Phật thì tâm chẳng thể hiển lộ được*”) nhằm giảng rõ lại ý nghĩa của đoạn trước:

- Tâm vốn là Phật, do chẳng giác nên Phật ẩn. Nếu muốn làm Phật thì phải niệm tâm. Do vậy, Khởi Tín Luận viết: “*Bốn Giác của chúng sanh và Bốn Giác của Phật chẳng có hai Thể. Nếu chẳng niệm tâm, khó thể thành Phật vậy*”.
- Phật vốn là tâm, do vô minh nên tâm tăm tối. Nếu muốn tâm được sáng tỏ, phải nên niệm Phật. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Phật trí rộng lớn, trọn khắp tâm của chúng sanh. Lời ăn tiếng nói của chúng sanh đều chẳng lìa ngoài pháp luân của Như Lai*”. Nếu chẳng xưng niệm Phật, khó thể nào minh tâm được!

Từ chữ “*cho nên biết*” trở đi là lời kết. Di Đà tức là tự tánh, Tịnh Độ hoàn toàn chỉ là nhất tâm. Hễ lìa ngoài tâm tánh, sẽ chẳng tìm được mảy may gì! Nếu có thể ức niệm thì đức Phật trong bốn tánh sẽ được hiển lộ. Khởi Tín

Luận giảng: “*Nhất tướng của pháp giới chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai. Hễ đức Phật nơi Tánh được hiển lộ, sẽ tự chứng được Phật đạo nơi Quả*”. Do đó, ngài Khuê Sơn nói: “*Nay biết tâm chính là tâm của Phật, nhất định sẽ thành Phật*”, chẳng đúng như thế hay sao? Nếu rời ngoài môn Niệm Phật ra mà muốn mau kiến tánh thành Phật tức là bỏ cái gần, cái dễ để cầu cái xa, cái khó vậy!

---o0o---

1.2. Nêu bày những điều được giảng giải trong chương kinh này

Sớ: Bởi vậy, mười hai đức Như Lai gọi [pháp niệm Phật] là tam-muội; còn Thế Chí Bồ Tát gọi là Viên Thông. Tam-muội bao gồm trọn hết các loại Thiền. [Danh xưng] Viên Thông hàm nghĩa “đầy đủ vạn hạnh”. Nhất tâm tu học Đốn Giáo, Thật Giáo, cũng chẳng đáng nên làm hay sao?

Sao: Từ chữ “*bởi vậy*” trở đi, chia thành ba đoạn:

1.2.1. Trước hết là phần Chánh Hiện (phần nêu rõ giáo pháp nào sẽ được giảng dạy trong chương kinh này):

Từ ngữ “*bởi vậy*” là từ ngữ dùng để tiếp nối đoạn trước nhằm khởi đầu đoạn sau.

“*Mười hai đức Như Lai gọi [pháp niệm Phật] là tam-muội*”: Tâm phàm phu như bản, đục ngầu như Hoàng hà, còn tâm ngoại đạo vọng tưởng phóng túng như ngựa chạy lồng lên; cho nên gọi pháp Niệm Phật là tam-muội ngõ hầu họ sẽ bỏ như để trở thành tịnh, bỏ tán loạn hồng chứng nhập tịch tĩnh vậy.

“*Thế Chí Bồ Tát gọi là Viên Thông*”: Để đoạn Hoặc, chứng Chân, Tiểu Thừa phải trải qua bảy lần sanh [trong nhân gian], Quyên giáo phải trải qua ba A-tăng-kỳ¹² thì nhân mới đầy đủ, quả mới viên mãn được! Do vậy, nói “*Viên Thông*” là muốn cho họ mau chứng, chóng thành, vượt thoát trọn vẹn, chứng nhập trực tiếp vậy.

1.2.2. Từ “*tam-muội bao gồm*” trở đi, nêu ra hai tầng phân biệt. Tức là:

a. Tam-muội này bao gồm trọn khắp hết thảy các thứ Thiền Định thế gian lẫn xuất thế gian, khác hẳn các thứ tam-muội khác; giống như một lò nung to lớn đúc thành ngàn món vật.

b. Viên Thông là trọn vẹn tám vạn bốn ngàn hết thảy các thứ Quán Hạnh, khác hẳn những thứ Viên Thông khác, ví như thuốc A Già Đà¹³ trị chung vạn bệnh.

1.2.3. Hai câu sau cùng là ba thứ khuyên răn: Tam-muội là điều được giảng giải bởi Thật giáo. Viên Thông là pháp được giảng giải bởi Đốn giáo. Học Đốn Giáo và Thật Giáo là điều đáng nên làm.

Thêm nữa, lời Sớ trong phần trên (tức phần Tông Thú) nhằm chỉ ra ý nghĩa pháp Niệm Phật là Viên, còn lời Sớ trong phần này nhằm nêu thêm ý nghĩa: Pháp môn Niệm Phật cũng là Đốn và Thật.

a. Chúng sanh niệm Phật nhất định sẽ thành Phật, đây là Thật. Luận Khởi Tín chép: “*Chuyên niệm Di Đà, tu thiện, hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, cuối cùng được thấy Phật*”. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Lúc mạng sắp hết, các căn rời rã, hư hoại, chỉ có nguyện vương này dẫn đường đằng trước, liền được vắng sanh, thấy Phật Di Đà, được Phật thọ ký, chẳng lâu sẽ ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng, thành Đẳng Chánh Giác*”. Chúng sanh nhớ Phật, hiện tiền liền thấy, tức là Đốn (nhánh chóng) vậy.

b. Kinh Phật Tạng dạy: “*Không giác, không quán gọi là Niệm Phật. Không có tưởng, không có lời lẽ nào gọi là Niệm Phật*”. Kinh Ma Ha Bát Nhã dạy: “*Bồ Tát Ma Ha Tát niệm Phật, chẳng dùng Sắc để niệm, chẳng dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức để niệm do tự tánh của các pháp không tịch vậy*”. Vì chương kinh này đã giảng kèm thêm các nghĩa Đốn và Thật, do vậy, pháp môn này đáng phải nên học.

---o0o---

1.3. Dẫn chứng lợi ích thù thắng để khuyên tu

Sớ: Nghe nói danh hiệu Phật, Oai Quang¹⁴ chứng nhập vô tận, nhớ tưởng cảnh Phật, Đức Vân đắc nhiều môn giải thoát. Có ích lợi thù thắng như thế ấy, sao lại tự ruồng, tự bỏ, chẳng nguyện, chẳng tu ư?

Sao: Đối với bốn câu từ chữ “*nghe nói*”, trước hết là phần dẫn nhập. “*Nói danh hiệu Phật*” là như kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc đức Thắng Vân Phật hiện nơi rừng Bảo Hoa, vang ra âm thanh nói danh hiệu của hết thảy chư Phật trong ba đời. Lúc ấy, đức Như Lai đó ở giữa chúng hội, nói kinh Phổ Tập Nhất Thiết Tam Thế Phật Tự Tại Pháp.

“*Nhập vô tận*” là như kinh Hoa Nghiêm đã chép: “*Ở nơi Thắng Vân Phật, [thái tử Đại Oai Quang] chứng được Nhất Thiết Chư Phật Công Đức Luân tam-muội, chứng được Nhất Thiết Phật Pháp Phổ Môn Đà-ra-ni, biết rõ biến ‘hiểu quyết định trang nghiêm thành tựu’ của hết thảy chư Phật, biết rõ vô biên biến hiện thân thông trước hết thảy chúng sanh của Phật, rõ biết hết thảy pháp vô úy nơi Phật lực. Ở chỗ Thiện Nhân Phật liền đắc Niệm Phật tam-muội có tên là Vô Biên Hải Tạng Môn. Mười ngàn pháp môn như thế đều thông đạt*”.

“*Nhớ tưởng cảnh Phật*” là như trong kinh Hoa Nghiêm, ngài Đức Vân bảo Thiện Tài rằng: “*Này thiện nam tử! Ta chỉ chứng được pháp môn Nghĩ Nhớ Thấy Trọn Khắp Cảnh Giới Trí Huệ Quang Minh Của Hết Thảy Chư Phật này*”.

“*Nhiều môn giải thoát*” là như Kinh Hoa Nghiêm đã liệt kê hai mươi một thứ [giải thoát môn] từ Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật môn cho tới Trụ Hu Không Niệm Phật môn¹⁵ v.v...

Từ chữ “*có ích lợi*” trở đi, gồm hai ý khuyên lơn, để kết thúc tiêu đoạn này:

1. Trước hết là phần Khuyên Nhủ. Các pháp môn khác thì hoặc là nông cạn nên chẳng xứng hợp thượng căn, hoặc sâu xa nên hạ căn tuyệt chẳng có phần. Chỉ có một pháp này là gồm thâm lợi căn lẫn độn căn, giống như Thủy Thanh Châu¹⁶ nên đến đâu cũng có ích. Do vậy, hãy nên tin nhận, hành trì. Niệm Phật giống như trồng lúa, tâm mình như ruộng nhà. Đối với Tín, hãy nên tin [chắc chắn] giống như hễ gieo cấy giống lúa ấy sẽ nhất định thu được thóc. Nguyện phải giống như khi biết giống lúa tốt ấy, nhất tâm mong thu hoạch được thóc. Hạnh phải như vui sướng cầu mong có được thóc, ra sức cày bừa.

2. Hai câu kể từ chữ “*sao lại*” trở đi chính là ý kết luận gồm hai ý trách móc. Nhân quả của mười cõi đều chỉ do tâm biến hiện. Cái tâm trong một niệm nếu nóng giận, tà dâm liền là cõi địa ngục. Nếu keo bần, tham lam chẳng bố thí thì là cõi ngạ quỷ. Hễ ngu si tăm tối tức là cõi súc sanh. Nếu ngã mạn kiêu căng liền là cõi Tu La. Giữ vững Ngũ Giới bèn là Nhân pháp giới. Chuyên tu Thập Thiện bèn là Thiên pháp giới. Chứng ngộ Nhân Không là Thanh Văn giới. Biết tánh của duyên vốn rời lìa, đấy chính là Duyên Giác giới. Lục Độ đều cùng tu, đấy là Bồ Tát giới. Lòng Từ bình đẳng chân thật là Phật pháp

giới. Nay chương kinh này dạy pháp Niệm Phật là muốn cho hành nhân niệm tự tâm, thành đức Phật của chính ta sẵn có. Sao lại bỏ đức Phật trong tự tâm, phụ bạc lời Phật dạy ư? Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh dạy: “*Bồ Tát biết rõ chư Phật cùng hết thấy pháp đều chỉ là do tâm lượng nên đắc Tùy Thuận Nhân*¹⁷, khi xả thân mau sanh về tịnh độ Cực Lạc”.

Chiếu luật sư hỏi:

- Kinh chép: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. Tâm đã là Phật, sao lại cần phải niệm đức Phật khác?

Đáp:

- Chỉ vì tâm vốn là Phật cho nên mới dạy chuyên niệm vị Phật ấy. Kinh Phạm Võng [Bồ Tát] Giới dạy: “*Tin biết hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, ta là Phật chưa thành, chư Phật là Phật đã thành*”. Vị Phật trong tâm ông là Phật chưa thành, Phật Di Đà là Phật đã thành. Vị Phật chưa thành chìm đắm trong biển dục đã lâu, trọn đủ các phiền não, khó biết thuở thoát ra. Vị Phật đã thành thì chúng Bồ Đề từ lâu, có đầy đủ oai thần, hay cứu giúp chúng sanh. Do vậy, chư Phật khuyên phải niệm Phật. Tức là dùng vị Phật chưa thành của ta để cầu vị Phật đã thành của người, hầu cứu giúp cho vậy. Chúng sanh nếu chẳng niệm Phật thì thánh - phàm sẽ mãi mãi cách biệt. Cha con chống trái nhau sẽ ở mãi trong luân hồi, cách Phật thật xa. Bởi thế, các vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền v.v... đều nguyện niệm Phật vãng sanh, hướng hộ bọn phàm phu chúng ta ư? Và nữa, loài sâu bọ kia nghe lời giáo hóa còn được thành tựu, loài người vẫn chẳng bằng loài trùng hay sao? Đã chẳng nguyện mà còn tự buông bỏ thì là mê lầm quá sức vậy!

---o0o---

2. Lược giải tựa đề của kinh

Sớ: Lăng Nghiêm (Surangama) nghĩa là “hết thấy sự rốt ráo, kiên cố”, chính là tên chung của cả bộ kinh. Viên Thông là thánh tánh pháp môn, không gì chẳng thông, là đề mục riêng của một chương kinh này. Thế Chí là người khai giáo¹⁸. Niệm Phật là pháp để tu hành. Phần kinh văn này tuy chỉ gồm mười hai hàng, nhưng nghĩa bao trùm các kinh Tịnh Độ: có Giáo, có Cơ (căn cơ), có Pháp, có Dụng (thí dụ), bao gồm trọn khắp sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật, nhân, quả, ta, người đều thấu triệt. Làm đèn, làm trăng cho tâm cảnh, là

thuyền bè cho thánh phàm. Do vậy, có tên là Lăng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương.

Sao: Từ chữ “*Lăng Nghiêm*” trở đi, trước hết, lời Sớ giải thích tên kinh. “*Hết thấy sự*” chính là ba khoa¹⁹, bảy đại²⁰. “*Rốt ráo*” là Không, “*kiên cố*” là Bất Không. Hợp cả hai nghĩa này tức là Không Bất Không. Uẩn, Xứ, Giới, Đại vốn là Như Lai Tạng²¹, nên mọi sự rốt ráo kiên cố thì gọi là Lăng Nghiêm Định. Đã trụ nơi pháp vị, tướng thế gian thường trụ, nên Định này còn được gọi là Kiện Tướng (tướng mạnh mẽ) tam-muội. “*Thánh tánh*” là nói về Lý, “*pháp môn*” là ước về Giáo. Qua sự trình bày đại lược về Hạnh và Quả, ta có thể hiểu được ý nghĩa tên kinh này. Tựa đề kinh và tên của chương kinh này đã chỉ ra bốn pháp hỗ tương: Viên (tròn đủ), Biến (trọn khắp), Cai (gồm cả), Thông (thông suốt). Nương vào Chi²² để thành tựu Định thì gọi là Lăng Nghiêm. Nương vào Quán để thành tựu Huệ thì gọi là Viên Thông.

“*Đề mục riêng*” (tên gọi riêng của chương kinh này) chính là pháp Niệm Phật Viên Thông của ngài Thế Chí, đây là một trong hai mươi lăm pháp Viên Thông để tu đạo.

Từ chữ “*Thế Chí là người*” trở đi cũng là nói đại lược nhưng ý nghĩa vẫn đầy đủ. Đúng ra phải nói là: Người có thể khơi mở, có thể tu tập [pháp môn này] chính là ngài Thế Chí. Cái được khơi mở, được tu tập chính là pháp Niệm Phật.

Đoạn văn tiếp đó là lời tiêu kết ở cuối phần này nhằm khen ngợi, gồm hai ý:

1. Trước hết là lời khen riêng. Đức Phật dạy ta niệm Phật là Cơ Giáo (dạy dễ thuận theo căn cơ. Phần Sớ viết là “*có Giáo*” – chú thích của người dịch). Dùng hình ảnh “mẹ con, nhiễm mùi hương” là những thí dụ của Pháp này. Đức Như Lai thương nghĩ chúng sanh, chúng sanh nhất tâm nhớ Phật, đây là sự cảm ứng giữa Phật và chúng sanh. Ta do niệm Phật, chứng nhập Nhân liên nhiếp người niệm Phật trở về với Tịnh, đây chính là nhân và quả của ta và người.

2. “*Làm đèn, làm trăng cho tâm cảnh*”: Nương vào tự tâm của chính mình để niệm cảnh Phật ấy, cảnh Phật sẽ hiển hiện. Dựa vào cảnh Phật đó để niệm tự tâm của chính mình thì tự tâm dễ hiển lộ.

Những điều được chỉ bày trong chương này đều là nhờ vào giáo pháp giống như trăng, như đèn để chiếu soi hòng thấy được. “*Ngoài tâm có cảnh*” là giáo pháp Tiểu Thừa. “*Cảnh chỉ là tâm*” là Thi Giáo. “*Tâm chính là cảnh, cảnh chính là tâm*” là Chung Giáo. “*Chẳng phải cảnh, chẳng phải tâm*” là Đốn Giáo. “*Tâm cảnh vô tận*” là Viên Giáo.

Đối với những pháp được giảng giải (sở thuyên pháp) thì dùng đèn và trăng để ví cho năng thuyên giáo (giáo lý dùng để giảng giải những pháp ấy) thì: Thanh, danh, cú nghĩa²³ môn giống như ánh đom đóm, là Tiểu Giáo. Nhiếp cảnh duy tâm môn (thâu gom cảnh về tâm, tức thấy hết thấy các cảnh chỉ là do tâm biến hiện) giống như lửa đèn, là Thi Giáo. Lý Sự vô ngại môn giống như ánh sao là Chung Giáo. Gom hết tất cả những môn trên đây lại để quy về tánh giống như vầng trăng chính là Đốn Giáo. Hàm chứa vô tận khắp các môn giống như mặt trời chính là Viên Giáo. Nay trong lời Sớ này, lấy đại lược hai nghĩa trong các nghĩa ấy để nói.

“*Thuyền bè cho thánh phàm*”: Niệm danh hiệu Phật, thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, vượt khỏi tam đồ. Hạ Hạ Phẩm vãng sanh được gọi là Nhân Thừa, ví như thuyền nhẹ chỉ vượt được khe lạch. Niệm sắc tượng Phật (tức phép Quán Tượng), tu hành Thiên và các điều thiện, vượt thoát bốn châu²⁴, sanh trong hoa sen hạ phẩm, gọi là Thiên Thừa, ví như thuyền nhỏ²⁵, vượt được cửa sông nhỏ. Niệm Ứng Hóa Phật, quán Tứ Chân Đế (Tứ Thánh Đế), vượt khỏi ba cõi, sanh trong hoa sen Trung Phẩm, gọi là Thanh Văn Thừa, ví như chiến thuyền, vượt qua hồ lớn. Niệm Thọ Dụng Phật²⁶, liễu ngộ nhân duyên, chứng nhị Niết Bàn (Hữu Dư và Vô Dư Niết Bàn), sanh trong hoa sen Thượng Phẩm, gọi là Duyên Giác thừa, ví như thuyền lớn, vượt qua sông to. Niệm đức Phật nơi pháp tánh, vận dụng Trí lãn Bi, hưng khởi vạn hạnh chặt chẽ, thành Vô Thượng Đạo, vượt trôi các cõi phàm phu, Tiểu Thừa, vãng sanh Thượng Phẩm, gọi là Bồ Tát Thừa, ví như hạm thuyền, vượt thẳng qua biển cả.

Lại nữa, Trì Danh Niệm Phật như đặc thuyền, là Thanh Văn Thừa. Quán Tượng Niệm Phật như phương thuyền, là Bích Chi Phật. Quán Tượng Niệm Phật như duy thuyền, là Bồ Tát thừa. Thật Tướng Niệm Phật như tạo thuyền²⁷, là Phật Thừa vậy.

“*Thánh phàm*” chính là người được hóa độ. “*Thuyền bè*” ví von pháp dùng để giáo hóa. Chữ “*Do vậy, gọi là*” dùng để tổng kết.

---o0o---

II. Giải thích kinh văn

Gồm hai phần:

1. Trình bày đại lược ý nghĩa chánh yếu. 2.

Giải thích tường tận ý nghĩa kinh văn.

---o0o---

1. Trình bày đại lược ý nghĩa chánh yếu Sớ: Phần

giải thích ý nghĩa kinh này được chia thành năm môn:

- Một là nhân duyên phát khởi giáo pháp này.
- Hai là phân định giáo pháp này thuộc về tạng nào, thừa nào.
- Ba là tông thú, chỉ quy.
- Bốn là lược giải tựa đề của kinh.
- Năm là giải thích tường tận ý nghĩa kinh văn.

Sao: Hai câu đầu là lời trình bày tổng quát. Từ chữ “*Một là*” trở đi là phân biệt từng môn. Ở đây dựa theo ý tưởng của Bát Nhã Sớ, chia đại lược thành năm chương. Ba chương đầu thuộc về nghĩa môn (luận bàn về ý nghĩa), hai chương sau là phần giải thích chánh yếu.

---o0o---

2. Giải thích tường tận ý nghĩa kinh văn

Gồm năm phần:

- Giáo hưng (nguyên nhân phát khởi giáo pháp)
- Tạng nhiếp (phán định kinh văn thuộc về tạng nào)

- Tông thú (tông chỉ, chỗ quy hướng của kinh)
- Giải thích đề mục kinh
- Giải thích kinh văn

---o0o---

2.1. Giáo hưng

Sớ: Thứ nhất, nhọn duyên khởi giáo. Trí Độ Luận chép: “*Như núi Tu Di, chẳng phải là không có nhân duyên, chẳng phải là do nhân duyên ít ỏi mà có thể lay động nó được*”. Giáo pháp Niệm Phật được khởi lên cũng giống như thế, phải hội đủ nhiều nhân duyên:

- a. Một là chỉ ra con đường tu hành nhanh tắt.
- b. Hai là nhằm chỉ bày trực tiếp vào đức Phật trong tự tâm của đương nhân (người được giáo hóa hoặc đối tượng nghe pháp này).
- c. Ba là nhằm làm cho họ ngộ nhập tâm tánh của Phật.
- d. Bốn là hiển thị tâm, chúng sanh, và Phật không sai biệt.
- e. Năm là độ thoát phàm phu, ngoại đạo được vượt thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang (hoành siêu).
- f. Sáu là tiếp dẫn Quyền, Tiểu viên thành Phật quả.
- g. Bảy là khiến cho ba bậc vãng sanh được trọn đủ, chẳng còn nghi ngờ, hối hận.
- h. Tám là tạo lợi ích cho đời này, đời sau, bao hàm trọn khắp vô tận.
- i. Chín là mau chóng thâm nhiếp sáu căn chứng cảnh Viên Thông.
- j. Mười là mau sạch hết phiền não, quyết định sanh sang nước Phật.

Sao: Câu đầu tiên trong lời Sớ là câu dẫn khởi. Từ chữ “*Trí Độ Luận*” trở đi là lời giải thích ý nghĩa [vì sao pháp môn Niệm Phật được hưng khởi], gồm hai ý:

1. Trước hết là dẫn chứng. Câu “*như núi Tu Di*” là thí dụ.

2. Từ chữ “*niệm Phật*” trở đi là Hợp (tức là dựa vào ví dụ để nêu lên luận điểm của mình).

Từ chữ “*một là*” trở đi chính là phần giải thích chánh thức. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Sơ tâm nhập tam-muội, lâu mau chẳng giống nhau*”. Do vậy, biết là: Học đạo nơi các pháp môn khác quanh co, hiểm trở, gian nan, ví như tổ kiến; còn môn Niệm Phật, từ xưa đã gọi là “*đường tắt*” thì rất giống như gió và nước. Tổ Thiện Đạo nói: “*Chỉ có đường tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật. Huống chi nay lại trì danh, đây lại là đường tắt nhất trong các đường tắt. Nếu muốn thành tựu trong một đời hãy nên lưu tâm nơi pháp này*”.

Từ chữ “*hai là*” trở đi, như Quán Kinh dạy: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh*”. Vì thế, dạy cho con người niệm Phật chính là dạy họ niệm đức Phật trong tự tâm vậy.

Câu “*ba là*” giảng về tâm tánh của Phật. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Ta do bất diệt bất sanh mà hợp với Như Lai Tạng, nhưng Như Lai Tạng chỉ là diệu giác minh, chiếu trọn vẹn pháp giới*”. Vô Sai Biệt Luận giảng: “*Tâm tánh này sáng sạch, có cùng một Thể với pháp giới. Như Lai dựa vào tâm này để nói ra pháp chẳng thể nghĩ bàn*”. Do vậy, biết: Đức Phật lấy pháp tánh thanh tịnh nơi Như Lai Tạng để làm tâm vậy.

“*Làm cho họ ngộ nhập*”: Luận Khởi Tín chép: “*Tướng tự thể của Chân Như ở phàm phu hay chư Phật đều chẳng tăng, giảm*”. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài Phú Lô Na nói: “*Cái tâm trong sạch, chân thật, mẫu nhiệm, quý báu, giác ngộ, tròn đủ, trong sáng của con và Như Lai đều viên mãn không hai*”. Quán Kinh dạy: “*Lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình*”. Vì thế, lúc chúng sanh niệm đức Phật trong tâm liền có thể ngộ nhập tâm tánh của Phật.

Đôi với câu “*bốn là*”, Vô Sai Biệt Luận giảng: “*Chúng sanh giới chẳng khác Pháp Thân, Pháp Thân chính là chúng sanh giới*”. Quán Kinh dạy: “*Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh*”. Trong đoạn sau, chương kinh Lăng Nghiêm này lại dạy: “*Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, hiện tiền nhất định thấy Phật*”, tức là pháp môn này có thể tỏ lộ rõ ràng tâm, Phật, chúng sanh ba thứ vô sai biệt vậy.

Trong câu “*năm là*”, phàm phu ngoại đạo do Kiến Tư Hoặc mà khởi nghiệp, cảm báo, luân chuyển chẳng ngơi. Nếu nương theo các pháp khác để tu thì phải cho đến khi hết Hoặc mới được xuất ly, nên gọi là “*vượt thoát tam giới theo chiều dọc*” (Thụ Xuất). Chỉ có pháp môn Niệm Phật là có thể mang theo [Kiến Tư] Hoặc để vãng sanh, nên gọi là “*vượt thoát tam giới theo chiều ngang*” (Hoành Siêu). Như con sâu ở trong cây tre nếu đục thủng từng đốt theo chiều dọc sẽ khó thoát ra được, còn đục ngang lóng thì trong chốc lát sẽ thoát ra. Pháp sư Đồng Giang nói: “*Thụ Xuất là nương theo Tứ Đế, nhân duyên, các Độ, trải qua các địa vị, như muốn đỗ đạt phải có tài học. Như để được lần lượt thăng chức trong quan trường, phải có công lao. Hoành Siêu là pháp môn Niệm Phật, giống như người được tập ấm²⁸, do công của tổ phụ, do sức của người khác, bất luận có học vấn có hay không. Lại như bây tôi được vua ban ân phong chức cho tổ phụ nhiều đời, công do quốc vương, chẳng cần biết làm quan lâu hay mau*”.

Trong câu “*sáu là*”, sáu thứ tâm của Bồ Tát khiến họ đọa vào địa vị Thanh Văn, trải qua kiếp số nhiều như vi trần chẳng hồi phục được tâm Đại Thừa. Ví như hoa Yêm La (hoa xoài), như cá con, về mặt nhân tuy có thật nhiều, nhưng kết quả thật ít. Nếu có thể niệm Phật, phát ra ba tâm viên mãn (tức chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), tự nhiên sẽ chuyển Quyền thành Thật, hồi Tiểu hướng Đại, như kẻ áo trắng chột trở thành quý hiển, từ đất bằng lên tiên vậy. Do đó, kinh Đại Bản (Vô Lượng Thọ Kinh) dạy: “*Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh mau chóng an trụ nơi Vô Thượng Bồ Đề thì hãy nên dấy lên sức tinh tấn nghe pháp môn này*”. Hơn nữa, mười địa vị thuộc bậc Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm, trước sau chẳng ra ngoài pháp Niệm Phật. Bậc Đẳng Địa²⁹ trong Viên Giáo còn phải như thế, huống là những người thuộc hạng Quyền, Tiểu, Sơ Tâm ư?

Câu “*bảy là*” ngụ ý: Thượng phẩm lợi căn nghe giáo pháp Tiểu Thừa liền hồi tiếc, hạ phẩm độn căn nghe giáo pháp Đại Thừa liền nghi. Do vậy, trong hội Hoa Nghiêm, hàng Thanh Văn tuyệt chẳng có phần. Trong thời A Hàm, Bồ Tát chẳng dự. Nay một pháp Niệm Phật đây, như Vạn Ứng Cao (tức thuốc A Già Đà), bệnh ngật đều khỏi; như mưa đúng thời, cỏ cây đều tươi tốt. Thế nên, pháp này thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, gồm thâm thượng phẩm lẫn hạ phẩm.

Trong câu “*tám là*”, “*lợi ích cho đời này*” nghĩa là trong hiện tại, đức Phật giảng dạy phù hợp cơ nghi, “*lợi ích cho mai sau*” chính là tạo lợi ích cho kẻ thấy nghe ngay cả khi đức Phật đã diệt độ. Như trong phần sau của chương

kinh này đã dạy: “*Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật quay về Tịnh Độ*”. Quán kinh chép: “*Nay đức Như Lai vì hết thấy chúng sanh bị giặc phiền não làm hại trong đời vị lai mà nói nghiệp thanh tịnh*”. Do vậy, pháp Niệm Phật giống như Như Ý Châu, lợi lạc trọn khắp vô tận vậy.

Câu “*chín là*” ngụ ý: Hết thấy chúng sanh do mê mất cái tâm thường trụ nên khởi lên các thứ vọng tưởng, mắc vào sắc, thanh, trái nghịch cảnh viên thông. Nay niệm Phật sẽ nhiếp trọn sáu căn, giữ được chân thường, thường quang hiện tiền, cảnh Viên Thông dấy lên, dầu chẳng muốn chứng cũng không thể được. Bởi vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Giải Thoát nói: “*Biết hết thấy Phật giống như ảnh, hình tượng, tự tâm giống như nước. Hễ nước trong lặng, trăng sẽ hiện toàn thể*”. Lại còn nói kệ như sau:

Bồ Tát giống như trăng trong mát,

Thường dạo chơi nơi Tát Cánh Không³⁰.

Do tâm chúng sanh nhớ hay sạch, Mà

Bồ Tát hiện bóng hay không.

Cho nên biết rằng: Chúng sanh tịnh niệm, Di Đà quyết định phóng quang minh. Hễ tâm thủy chẳng tịnh, cảnh trăng Viên Thông của Bồ Tát cũng chẳng hiện.

Câu “*mười là*” ý nói: Đời Mạt Pháp tu hành có nhiều thứ chướng nạn, tà ma nhiễu loạn, Phật đạo khó thành. Nay tu Niệm Phật tam-muội, nương vào nguyện lực oai thần của Phật, mau trừ được phiền não, nhanh chóng phá vô minh, ma Ngũ Uẩn tiêu tan, ba thân Phật sẽ hiện, sẽ sanh về cõi Phật Cực Lạc, thành tựu hai quả Chân và Ứng vậy. Như ngọn đèn sáng lớn thấp ở trong nhà, không những xóa tan bóng tối ngàn năm mà còn soi tỏ các vật.

Nhưng mười nguyên nhân này lại sanh khởi theo thứ tự:

- Trước hết, để nhập đạo thì có nhiều môn, nhưng sự khó - dễ trong mỗi môn đều khác, chỉ ra pháp Niệm Phật là đường tắt nhất.
- Thứ hai, đây là đường tắt vì niệm đức Phật trong tự tâm.

- Ba là do niệm đức Phật ở trong tâm nên mới có thể thành tựu cái tâm của Phật.
- Bốn là nếu khế hợp Phật tâm thì chúng sanh và Phật đồng thể, chẳng có hai.
- Năm là nếu đã chẳng phải hai, há còn có phạm phu, ngoại đạo nào chẳng được độ thoát ư?
- Sáu là chẳng tiếp độ riêng mình phạm phu, ngoại đạo, mà còn tiếp độ những người thuộc hạng Quyền, Tiểu.
- Bảy là chẳng chỉ Ngũ Thừa mà còn độ trọn khắp hết thảy chúng sanh dù thiện hay ác.
- Tám là chẳng chỉ lợi lạc trong hiện tại mà còn lợi khắp đời vị lai chẳng cùng tận.
- Chín là tế độ rộng lớn như thế chính là viên thông.
- Mười là hễ tu nơi Hữu Tác³¹ thì cuối cùng sẽ thành bại hoại. Nay đã viên thông, ắt sẽ thấy Phật sanh về Tịnh Độ.

Lại nữa, do quyết định sanh sang cõi Phật, cho nên chỉ ra pháp môn đường nẻo nhanh tắt là nhằm muốn cho hành nhân tu hành mau được thành Phật. Trước sau liên hoàn như thế, giống như các mắt xích móc vào nhau. Giáo pháp này được hưng khởi chẳng phải là không có nguyên nhân vậy!

---o0o---

2.2. Tạng nhiếp

Sớ: Hai là xét xem giáo pháp thuộc về thừa nào, tạng nào. Trong ba tạng, [kinh này] thuộc về Khế Kinh Tạng. Trong hai tạng, kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng. Trong ba thừa, kinh này thuộc về Đại Thừa. Trong Ngũ Giáo, kinh này thuộc về ba giáo sau.

Sao: Chữ “hai là” để nêu vấn đề. Từ chữ “Trong” trở đi là lời giải thích về tướng. Tam Tạng là:

1) Tu Đa La (Sutra), Hán dịch là Khế Kinh, tức là Kinh Tạng, giảng về Định Học.

2) Tỳ Nại Da (Vinaya), Hán dịch là Điều Phục, tức là Luật Tạng, giảng về Giới Học.

3) A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma), Hán dịch là Đối Pháp, giảng về Huệ Học.

Nay kinh này thuộc về Kinh Tạng, từ đầu đến cuối, chuyên nói về Niệm Phật tam-muội.

Hai tạng là:

1) Bồ Tát Tạng: Nói bày lý, hạnh, quả của Bồ Tát.

2) Thanh Văn Tạng: Giảng bày về lý, hạnh, quả của Thanh Văn.

Nay kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng; kinh này diễn nói pháp Niệm Phật Viên Thông của hàng Bồ Tát.

Tam Thừa là:

1) Tiểu Thừa Thanh Văn, tức là pháp môn Tứ Đế chuyên chở chúng sanh ra khỏi tam giới đến thành Niết Bàn, thành A La Hán, ví như xe dê.

2) Trung Thừa Duyên Giác, tức là pháp môn [Thập Nhị] Nhân Duyên, chuyên chở chúng sanh vượt khỏi Tứ Không³², ở nhà tịch tĩnh, thành Bích Chi Phật, ví như xe nai.

3) Đại Thừa Bồ Tát, tức là pháp môn Lục Độ, chuyên chở chúng sanh vượt thoát cảnh phàm phu, Tiểu Thừa, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, bờ kia Đại Bát Niết Bàn, thành tựu Phật quả, ví như xe trâu.

Nay kinh này thuộc về Đại Thừa, do Như Lai nghĩ thương chúng sanh, Thế Chí nhiếp thọ người niệm Phật, khiến cho các thừa được yên vui, độ thoát chín cõi.

Ngũ Giáo là:

1) Tiểu Giáo: Chỉ nói về Nhân Không.

2) Thỉ Giáo: Chỉ luận về Pháp Không, còn gọi là Phần giáo vì chỉ nói đến pháp tướng.

3) Chung Giáo: Do nói về Trung Đạo, còn gọi là Thật Giáo, thường giảng nói nhiều về pháp tánh.

4) Đôn Giáo: Chỉ luận về chân tánh.

5) Viên giáo: Chỉ nói về pháp giới.

Nay kinh này thuộc về ba giáo sau. Trong đoạn sau của chương kinh này có câu: *“Hai người nhớ nhau, hai cái nhớ ấy càng sâu, mẹ con trải qua nhiều đời chẳng cách xa nhau”*, đây chính là Chung Giáo do kể từ lúc niệm dần dần cho đến khi cuối cùng trở thành Phật. Tiếp đây, kinh lại dạy: *“Dùng tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân, chẳng cần đến phương tiện”*, đây chính là Đôn Giáo do biết Phật chính là tâm, mau thành Phật đạo! Trong kinh này lại dạy: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, đắc tam-ma-địa”*, đây chính là Viên Giáo do biết rõ ba thứ này không sai biệt thì pháp giới viên thông. Dựa theo đó sẽ biết giáo nghĩa kinh này sâu rộng, u viễn, chẳng phải là thiển cận!

---o0o---

2.3. Tông thú

Sớ: Ba là tông thú chỉ quy, có Tông, có Biệt.

Tông là lấy *“nhớ Phật, niệm Phật”* làm Tông, *“thấy Phật, nhập Nhân, tâm cảnh viên thông”* làm Thú.

Biệt gồm năm cặp:

1) Giáo nghĩa: Lấy giáo thuyết làm Tông, lấy *“khiến cho người nghe thấu đạt ý nghĩa”* làm Thú.

2) Sự lý: Lấy nêu sự tướng làm Tông, giảng rõ lý làm Thú.

3) Cảnh trí: Lấy ba Phật cảnh làm Tông, lấy hai quán trí làm Thú.

4) Hạnh vị: Lấy Tín, Hạnh, Nguyện làm Tông, lấy nhập Bất Thoái làm Thú.

5) Nhân, quả: Lấy nhân và hạnh làm Tông, lấy chứng đắc quả đức làm Thú.

Sao: Chữ “*ba là*” dùng để dẫn khởi nhằm giảng giải tông chỉ và chỗ quy thú. Điều được kinh này đề xướng thì gọi là Tông, chỗ hướng đến của Tông thì gọi là Thú. Nếu chẳng nhận biết Tông thì biết quy hướng về đâu?

Từ chữ “*có Tông*” trở đi là phân giải thích ý nghĩa:

1) “*Giáo thuyết*” chính là pháp môn Niệm Phật. “*Thấu đạt ý nghĩa*” là hiểu thông suốt tâm cảnh duyên niệm đã được giảng nói trong giáo pháp, tức là [hiểu thấu đạt] những nghĩa như sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật, nhiệm mùi thơm, chứng nhập Nhẫn, tự, tha, sanh (sanh về cõi Cực Lạc), độ (cõi nước) vậy.

2) “*Sự lý*” trọn đủ các ý nghĩa, tức là đề cao các chuyện thuộc về mặt Sự như niệm Phật v.v... nhằm ý gì? Chính là vì muốn tỏ rõ lý tột cùng “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*” vậy.

3) “*Cảnh trí*” là những điều được chia chẻ dựa theo mặt Lý. Cảnh chính là cái lý được quán. Trí chính là cái tâm dùng để quán sát [lý ấy]. Ba thân viên dung (Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân) của Phật (lời Sớ gọi là “*ba Phật cảnh*”) là chân cảnh. Sự nhất tâm và Lý nhất tâm (lời Sớ gọi là “*hai quán trí*”) là chân quán.

4) “*Hạnh vị*” thuận theo trí mà khởi. Tín - Hạnh - Nguyện là ba món tư lương. Bất Thoái là tin Tịnh Độ thoát lìa tam giới, đây chính là Vị Bất Thoái. Nguyện thấy Phật, niệm cái tâm của Phật, đây là Niệm Bất Thoái. Hành tịnh nghiệp, nhiếp thọ người niệm Phật, đây là Hạnh Bất Thoái.

Thêm nữa, tin vào lời dạy của Hóa Phật, vượt khỏi phàm phu, ngoại đạo, đây là Tín Bất Thoái. Nguyện đắc quả như Báo Thân Phật, vượt khỏi cảnh Nhị Thừa, đây là Niệm Bất Thoái. Hạnh noi theo Phật lý, vượt khỏi sự tu chứng của địa vị Quyền Giáo, đây là Hạnh Bất Thoái. Khởi Tín Sớ giảng: “*Nói đại lược thì có ba phẩm vị. Một là tín hạnh (những hạnh thuộc địa vị Thập Tín) chưa trọn, chưa thể gọi là Bất Thoái, chỉ vì ở nơi chẳng có duyên gây lui sụt nên gọi Bất Thoái. Hai là tín hạnh đã xong, nhập địa vị Thập Trụ, được thấy Pháp Thân, trụ trong Chánh Định, nên gọi là Bất Thoái. Ba là đã mãn địa vị Tam Hiền³³, đã nhập Sơ Địa, chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên*

cõi Phật, nên gọi là Bất Thoái”. Do Tín nên trở thành Tín Bất Thoái. Do Nguyễn nên trở thành Trụ Bất Thoái. Do Hạnh nên thành Vị Bất Thoái.

Du Già Sư Địa Luận giảng: “[Thập] Trụ là Chứng Bất Thoái. [Thập] Hạnh là Vị Bất Thoái. [Thập Hối] Hướng là Hành Bất Thoái. [Thập] Địa là Niệm Bất Thoái”. Do Tín nên thành Chứng và Vị [Bất Thoái], do Hạnh nên thành Hạnh Bất Thoái. Do Nguyễn nên thành Niệm Bất Thoái.

5) “Nhân quả” là do Bất Thoái mà thành. Nếu nhân chẳng lui sụt thì gọi là Chân Nhân (nhân chân thật). Quả nếu chẳng lui sụt thì gọi là Chân Quả. Tín nguyện cõi Phật, thâm nhiếp các căn, tịnh niệm, chính là nhân hạnh để không bị lui sụt Bồ Đề. Đắc tam-ma-địa, viên thông bậc nhất chính là chẳng lui sụt nơi quả đức Bồ Đề vậy.

Kinh văn của chương Thế Chí Niệm Phật Viên Thông này gồm ba tầng:

1) Nhớ nghĩ đức Phật là nhân, trong hiện tại, tương lai sẽ thấy Phật là quả.

2) Do niệm mà thấy được thân cận Phật là nhân, tâm khai mở, được Hương Quang Trang Nghiêm là quả.

3) Do niệm tâm nên chứng nhập Nhẫn là nhân, nhiếp thọ người [niệm Phật] hướng về Tịnh Độ là quả.

Năm cặp nhân quả như thế, lần lượt làm nhân cho nhau để sanh khởi.

---o0o---

2.4. Thích đề mục (giải thích tựa đề kinh)

Sớ: Bốn là giải thích tựa đề, có bốn cặp ý nghĩa:

1. Ý nghĩa Tổng và Biệt, nghĩa là: Ba chữ Lăng Nghiêm Kinh chính là tổng xưng vì nói tới trọn bộ kinh vậy. Bảy chữ “Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương” là danh hiệu riêng, vì chỉ hạn cuộc trong một chương này mà thôi!

2. Giáo nghĩa: Trong phần Biệt Xưng (danh xưng riêng) đã nói trên đây, phân ra thành hai loại giáo nghĩa, tức là: Một chữ Chương chính là giáo pháp nhằm giảng dạy, còn sáu chữ “Thế Chí Niệm Phật Viên Thông” chính là nghĩa được giảng bởi giáo pháp ấy.

3. Quả nhân: Trong nghĩa trên đây, lại tách ra một cặp ý nghĩa như sau: Viên Thông là quả, là cảnh được chứng, Thế Chí Niệm Phật là nhân, vì đây là chủ thể tu quán.

4. Nhân, pháp: Trong phần nhân vừa được nói ở trên đây, lại chia ra thành một cặp ý nghĩa như sau: Niệm Phật là pháp, tức là pháp được nhận lãnh. Thế Chí là người, tức là người có thể hoằng truyền [pháp ấy].

Căn cứ vào bốn cặp nghĩa này để đặt tên cho chương này vậy.

Sao: Chữ “*bốn là*” là chữ để giới thiệu ý nghĩa. Từ chữ “*có bốn cặp*” trở đi là phần giải nghĩa, câu này dùng để liệt kê [các ý nghĩa]. Câu “*một là*” để giải thích.

Trong phần Tổng Xung (tên gọi chung của toàn bộ kinh này) cũng có một cặp ý nghĩa. Lăng Nghiêm là nghĩa hạn cuộc, còn chữ Kinh là giáo pháp, là nghĩa chung; nay chẳng trình bày những nghĩa ấy vì sợ rườm rà. Chương thuộc về chủ thể giảng nói (năng thuyết), nghĩa là: Chương là văn tự viên thông, chương kinh này dạy về pháp Niệm Phật, thuộc về cặp ý nghĩa “quả nhân” mà cũng có thể nói là thuộc về cặp ý nghĩa “cảnh trí” [như trong phần Sớ đã phán định]. Viên Thông là Cảnh, Niệm Phật là Trí; mà cũng có thể phán định là Chân - Tục, Lý - Sự, Tánh - Tu, thuộc về cặp ý nghĩa Tịch Hạnh. Viên Thông là Lý tánh của Chân, vốn lặng lẽ. Thế Chí Niệm Phật là Tục, thuộc về chuyện tu hành trên mặt Sự.

Từ chữ “*bốn là*” trở đi, trong pháp Niệm Phật nếu niệm Biến Hóa Phật chứ không phải là niệm Thọ Dụng Phật (tức là niệm Hóa Phật) thì là Tiểu Giáo. Niệm Thọ Dụng Phật chứ không niệm Biến Hóa Phật (tức niệm Báo Thân của đức Phật trong tự tâm) thì là Chung Giáo. Niệm cả thân Biến Hóa lẫn thân Thọ Dụng (tức là niệm Năng Báo) thì là Thi Giáo. Niệm chẳng phải Thọ Dụng, chẳng phải Biến Hóa Phật (tức là niệm Pháp Thân) thì là Đốn Giáo. Niệm viên thông vô chướng ngại Phật (tức là niệm trọn đủ mười thân của Phật³⁴) thì là Viên Giáo.

“*Thế Chí là người*”: Hễ đắc Ứng Hóa Phật lực thì là Thế Chí trong Tiểu Giáo, đắc Công Đức Phật lực thì là Thế Chí trong Thi Giáo, đắc Trí Huệ Phật lực thì là Thế Chí trong Chung Giáo (hai loại này thuộc về Báo Thân Phật) đắc Như Như Phật lực (Pháp Thân Phật) là Thế Chí trong Đốn Giáo, đắc vô tận Phật lực (mười thân Phật) là Thế Chí trong Viên Giáo.

Ở đây cũng chỉ là ước theo giáo để giải thích đại lược, trong những đoạn sau sẽ giải thích tường tận. Qua những điều trình bày trên đây, biết được rằng trong cái tên của kinh này đã nêu bày nhân (người) lẫn pháp, nhân lẫn quả cùng phô bày, lý tận, nghĩa trọn. Do vậy, đem cái tên ấy đặt ở đầu chương kinh này.

---o0o---

2.5. Giải thích kinh văn

Gồm có ba phần:

- Trình bày về Thể để nghĩa lý của kinh được minh bạch.
- Phần thuật bày sở chứng [của Đại Thế Chí Bồ Tát]
- Kết luận để đáp câu hỏi về pháp Viên Thông.

---o0o---

2.5.1. Trình bày về Thể để nghĩa lý của kinh được minh bạch

Chánh kinh: *Đại Thế Chí pháp vương tử dữ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ Tát, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn.*

(Đại Thế Chí pháp vương tử, cùng với những người cùng hàng với ngài gồm năm mươi hai vị Bồ Tát liền từ tòa ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng)

Sớ: Tiếng Phạn là Ma Ha Na Bát (Mahā-sthāma-prāpta), ở cõi này (Trung Hoa) dịch là Đại Thế Chí. Kinh Tư Ích³⁵ chép: “*Chỗ tôi đặt chân xuống, chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của Ma, nên tên là Đại Thế Chí*”. Quán kinh cho biết: “*Lúc vị Bồ Tát này đi, hết thấy mọi thứ trong mười phương thế giới đều chấn động. Lúc Bồ Tát này ngồi, cõi nước bảy báu cùng lúc lay động. Ngài còn có tên là Đắc Đại Thế Chí*”. Kinh Bi Hoa chép: “*Nguyện thế giới của tôi giống như thế giới của Quán Thế Âm chẳng sai khác*”. Bảo Tạng Phật³⁶ nói: “*Do nguyện của ông nhận lấy khắp cả cõi đại thiên, nay ta sẽ đặt tên cho ông là Đắc Đại Thế, cũng gọi là Vô Biên Quang*”. Quán kinh chép: “*Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thấy, khiến cho chúng sanh là tam đồ, được sức vô thượng*”.

Nếu dựa theo bản kinh Lăng Nghiêm này thì Ngài có thể niệm vị Phật có thể lực lớn lao, có thể nhiếp phục vọng niệm nơi sáu căn, có thể tiếp độ người niệm Phật, cho nên có tên là Thế Chí vậy. Nhờ vào vị Bồ Tát này phát khởi để biểu thị ý: Pháp môn Niệm Phật có thể phát sanh trí quang, đạt được thể lực lớn lao, lìa khỏi sự khổ trong ba cõi, đạt được sự vui sướng nơi Tịnh Độ.

Do tự tại đối với pháp nên gọi là “pháp vương”. Từ pháp hóa sanh thì gọi là “tử” (con). Kinh Bi Hoa chép: *“Trong cái nhân thuở quá khứ, lúc Phật Di Đà làm Luân Vương, Quán Âm là con trưởng, Thế Chí là con thứ. Nay tại Cực Lạc, [Quán Âm và Thế Chí] ở hai bên đức Phật, giúp Ngài giáo hóa hết thảy. Rồi sẽ kế vị làm Phật nên gọi là Pháp Vương Tử”*.

“Dữ” (cùng) nghĩa là chung với. “Luân” là loại (cùng loại, giống nhau). Thanh khí tương ứng nên gọi là “đồng loại”

“Ngũ thập nhị” (năm mươi hai) là con số nhằm biểu thị một môn Niệm Phật của ngài Thế Chí có phạm vi nhiếp hóa năm mươi hai địa vị thuộc các pháp hạnh như Thập Tín v.v...

“Bồ Tát” nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Ngài Tăng Triệu giảng: *“Bồ Đề là tên của Phật đạo, Tát Đỏa dịch sang tiếng Hán là Đại Tâm Chúng Sanh. Có cái tâm lớn lao để nhập Phật đạo nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa”*. Ngài Hiền Đạo giảng: *“Cõi này dịch Bồ Đề là Giác, còn Tát Đỏa được cõi này dịch là Chúng Sanh. Do trên là dùng Trí để cầu Bồ Đề, dưới là dùng Bi để cứu chúng sanh, nên gọi Bồ Đề Tát Đỏa”*.

“Tùng tòa khởi” (Từ tòa ngồi đứng dậy): Tôn ty thầy trò, danh phận theo thứ tự. Hễ có việc thưa bày, chẳng nên ngồi nói.

“Đánh lễ Phật túc” (đánh lễ dưới chân Phật): Dùng đỉnh đầu lễ sát dưới chân Phật nhằm tỏ lòng thành kính tới hết mức. Những điều trên đây (tức từ tòa ngồi đứng dậy và đánh lễ dưới chân Phật) đều là thân nghiệp.

“Bạch Phật”: Người trên nói thì gọi là Cáo (báo ban), người dưới thưa thì gọi là Bạch. Đây là khẩu nghiệp.

Thân và khẩu cung kính thì sẽ biết ý nghiệp [đương nhiên phải cung kính].

Sao: Từ chữ “*tiếng Phạn*” trở đi là lời giải thích về tên người.

1) Trước hết, trong phần giảng về danh hiệu của ngài Thế Chí thì:

- Đầu tiên, trong phần xét theo mặt Hạnh thì lời Sớ đã luận về phương diện tu tự hạnh của ngài Thế Chí. Do có oai thế của Trí Đoạn³⁷ nên có thể chấn động hết thầy.

- Từ chữ “*còn có tên*” trở đi là ý kế tiếp: Xét theo mặt Nguyện, đức Thế Chí trên cầu Phật đạo. Do có thể lực của tướng niệm nên có thể giữ lấy, chứng đắc Tịnh Độ.

- Từ chữ “*cũng gọi là Vô Biên Quang*” trở đi, là ý thứ ba: Xét theo mặt Bi, ngài Thế Chí dưới độ chúng sanh. Do có thể lực hóa độ, dẫn dắt, nên Ngài có thể cứu bạt tam đồ. Hai ý đầu là tự lợi, còn ý này là lợi người.

“*Nếu y vào bốn kinh này*”: Trên đây đã dựa theo các kinh để giải thích danh hiệu của Thế Chí Bồ Tát, còn đến đây chỉ hạn cuộc trong kinh này (tức kinh Lăng Nghiêm) để giải thích. Ba câu từ chữ “*có thể niệm*” trở đi (tức “*có thể niệm vị Phật có thể lực lớn lao, có thể nhiếp phục vọng niệm nơi sáu căn, có thể tiếp độ người niệm Phật*”) cũng ước theo ba nghĩa “trên cầu, giữa tu, dưới độ” để giải thích:

- Từ ngữ “*đại thế Phật*” (vị Phật có thể lực lớn lao) chỉ Phật Di Đà. Trong thập phương tam thế Phật, Phật Di Đà là bậc nhất.

- “*Có thể niệm*”: Chẳng giống như chúng sanh chẳng cầu đại thế Phật và đoạn pháp khổ.

- “*Có thể nhiếp*”: Chẳng giống như chúng sanh sáu căn nắm níu sáu trần.

- “*Có thể tiếp độ*”: Chẳng giống như chúng sanh tự lợi, chẳng thể chịu nhọc nhằn thay cho người khác.

Do có ba đức lớn lao như thế ấy nên oai thế đạt đến mức cùng cực. Bồ Tát danh xứng với Thật, chúng sanh không cách nào biết được nổi!

2) Từ chữ “*do tự tại đối với pháp*” trở đi là ý kế tiếp [nhằm giải thích từ ngữ] “*pháp vương tử*”:

- Do tự tại nên gọi là Vương, vì vua có nghĩa là tự tại.

- Nghĩa kế tiếp là Ngài sẽ kế vị làm Phật. Trong cõi ấy (tức cõi Cực Lạc), sau Phật Di Đà, Quán Âm sẽ nối ngôi. Sau Quán Âm, ngài Thế Chí sẽ nối ngôi. Ví như Thái Tử, tạm ở Đông Cung, sau này ắt sẽ xoay mặt về hướng Nam³⁸, nối ngôi vua vậy.

3) Từ chữ “*dữ*” trở đi, là ý thứ ba. “*Dữ kỳ đồng luân*” (Cùng với những vị có cùng hạnh với Ngài). Kinh Dịch có câu: “*Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*” nên nói “*thanh khí tương ứng*”. Nếu dựa theo kinh Hoa Nghiêm thì do có tám mươi bốn thứ giống nhau nên gọi là “đồng loại” như đã chép trong quyển bảy mươi ba (bắt đầu là Niệm, Huệ, Thú, Giác, cho đến cuối cùng là Bất Hư, Xuất Ly). Do vậy, ở đây chẳng sao lục chi tiết! Đạo chẳng đồng thì chẳng thể cùng bàn tính với nhau. Người đồng tâm nói với nhau, thơm tho như hoa lan, cho nên mới bảo là “*dữ kỳ đồng luân*” (cùng với những người cùng hạnh).

4) Từ chữ “*năm mươi hai*” trở đi là ý thứ tư, luận về năm mươi hai địa vị:

- Tin “Phật là tâm”, tin “tâm làm Phật” là hạnh thuộc về pháp Thập Tín.
- Trụ trong tam-muội để quán Thật Tướng của Phật là hạnh thuộc về pháp Thập Trụ.
- Tu hành hạnh Niệm Phật, độ người niệm Phật là hạnh thuộc về pháp Thập Hạnh.
- Xoay trở lại niệm đức Phật trong tâm, hướng về tâm của Phật để trụ thì chính là hạnh thuộc về pháp Thập Hướng (Thập Hồi Hướng).
- Tâm địa quán Phật, địa vị giống như địa vị Phật là hạnh thuộc về pháp Thập Địa.
- Nhớ Phật, niệm Phật, cách Phật chẳng xa chính là hạnh thuộc về pháp Đẳng Giác.
- Lúc tâm tưởng Phật, tâm này chính là Phật thì chính là hạnh thuộc về pháp Diệu Giác.

Do vậy, biết rằng: Để siêu phàm nhập thánh, chỉ có pháp Niệm Phật là mâu nhiệm mà thôi!

5) Từ chữ “*Bồ Tát*” trở đi là ý thứ năm: Giải thích ý nghĩa của chữ Bồ Tát:

- Nghĩa đầu tiên là ước theo tâm để giải thích, tức là nếu có thể nhớ Phật như thế sẽ liền thành đại đạo tâm chúng sanh, nên gọi là Bồ Tát.

- Nghĩa kế tiếp là ước theo cảnh để giải thích, tức là dùng cái tâm niệm Phật để trên cầu sự giác ngộ của Phật, dưới hóa độ hữu tình thì gọi là Bồ Tát.

6) Từ câu “*Từ tòa ngồi đứng dậy*” trở đi là lời giải thích về sự lễ kính, ý nghĩa dễ nhận biết. Nói cách khác, nếu ý chẳng cung kính thì thân chẳng rời chỗ, miệng chẳng thốt lời. Dùng thân để lễ, dùng miệng để bạch đều do ý làm chủ. Cho nên tam nghiệp đều phải cung kính, nhằm hiển thị: Niệm Phật là pháp hy hữu, hết thảy thế gian khó tin tưởng vậy.

---o0o---

2.5.2. Phần thuật bày sớ chứng [của Đại Thế Chí Bồ Tát] Gồm

hai phần:

- Trước hết, dẫn bày rõ ràng sự giáo hóa của cô Phật.
- Kế đó, lược thuật sự tu hành của chính mình.

---o0o---

2.5.2.1. Dẫn bày rõ ràng sự giáo hóa của cô Phật.

Gồm hai phần:

- Trước hết, kể rõ tên chư Phật xuất thế
- Tiếp đây, thuật bày lời dạy dỗ riêng biệt.

---o0o---

2.5.2.1.1. Kể rõ tên chư Phật xuất thế

Chánh kinh:

Ngã ước vãng tích hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang, thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp. Kỳ tối hậu Phật, danh Siêu Nhật Nguyệt Quang.

(Con nhớ trong hằng hà sa kiếp xưa kia, có đức Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai liên tiếp [xuất hiện] trong cùng một kiếp. Vị Phật cuối cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang).

Sớ: Chữ “Ngã” chỉ cho Pháp Thân, chẳng giống với “Ngã” trong cách so đo của phàm tình. Nhớ rõ ràng chẳng quên gọi là “Ước”. Quá khứ thì gọi là “vãng tích”. “Hằng hà sa kiếp” là ước theo số cát trong sông Hằng để tính số kiếp, minh thị thời gian đã rất lâu xa vậy.

Chữ Phật Đà (Buddha) trong tiếng Phạn cổ này dịch là Giác Giả, giác ngộ cho kẻ chưa giác, nêu ra đại lược ba nghĩa:

1) Tự mình giác ngộ Ngã Không, do nghĩa này nên Phật khác với phàm phu, ngoại đạo.

2) Làm cho người giác ngộ Pháp Không (các pháp là Không), do nghĩa này nên Phật khác với Nhị Thừa.

3) Ba là giác mãn đều không, do nghĩa này nên Phật khác với Bồ Tát.

“*Xuất thế*”: Không hợp với căn cơ bèn chẳng hiện, hễ căn cơ thuận thực liền hiện.

“*Như Lai*”: Từ Chân Như khởi đến thành Chánh Giác.

“*Mười hai*”: Theo kinh Đại Di Đà (kinh Vô Lượng Thọ), danh hiệu của mười hai vị Phật là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xúng Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

Vô Lượng là Thật Trí chiếu Lý chẳng có hạn lượng. Vô Biên là Quyền Trí chiếu Sự chẳng có ngăn mé. Vô Ngại là Từ quang ban vui không chướng ngại. Vô Đối là Bi quang dẹp khổ, không chi có thể chống cự được! Viêm Vương là quang minh lẫn âm thanh ứng hóa tự tại. Thanh Tịnh là trong sạch lìa cấu,

tỏa quang minh. Hoan Hỷ là khiến cho người thọ dụng sanh lòng vui mừng lớn lao. Trí Huệ là dùng đại trí huệ để phá các Hoặc (phiền não). Bất Đoạn là ánh sáng thường còn, chẳng đoạn dứt. Nan Tư là bốn quang chẳng thể nghĩ bàn được! Vô Xúng: Tỏa ra trăm ánh sáng báu chẳng thể nêu kể được. Siêu Nhật Nguyệt Quang là phóng hết thấy ánh sáng, vượt trời mặt trời, mặt trăng. Mười hai vị danh hiệu này đều có chữ Quang vì trong khi tu nhân, do niệm Bốn Giác Phật mà tâm quang được tỏa rạng. Xét đến khi chứng quả, trở thành Diệu Giác Phật liền hiện khởi thân quang (quang minh nơi thân) vậy.

“*Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp*” (Mười hai vị Như Lai liên tiếp [xuất hiện] trong cùng một kiếp):

1) Ước theo năng niệm (chủ thể niệm Phật) thì điều này nhằm biểu thị cái hạnh. Trong mười hai thời, tịnh niệm nối tiếp nghĩ nhớ đức Phật trong tự tánh Phật, tạo thành một phiên, chẳng để cho cái tâm nghĩ tới Ngũ Dục của thế gian dẫu chỉ trong khoảng khảy ngón tay thì vô lượng tánh quang tự nhiên tỏa rạng.

2) Nếu luận theo sở đắc thì điều này biểu thị sự chuyển được mười hai loại chúng sanh thành mười hai thánh vị, chuyển mười hai Xứ của vọng tưởng thành mười hai Xứ nơi Phật đức (phẩm đức của Phật).

Nhưng mười hai đức Phật ấy là cổ Như Lai, chứ chẳng phải là Di Đà ngày nay, mà danh hiệu của họ giống với [các danh hiệu khác của] A Di Đà Phật là do thầy trò cùng một đạo, xưa nay chẳng khác, giống như Thích Ca, Quán Âm vậy.

Sao: Từ chữ “Ngã” trở đi, gồm hai câu giải thích. Ngã có bốn thứ:

1. Cái Ngã tà vạy chấp vào kiến giải.
2. Cái Ngã ta-người kiêu mạn.
3. Cái Ngã giả dối chỉ tồn tại trên danh tự.
4. Cái Ngã chân thật, tức Pháp Thân.

Người đời có đủ cả hai cái Ngã tà vạy và kiêu mạn. Người học đạo có những cái Ngã tà mạn, giả dối, còn thánh nhân chỉ có Ngã giả dối và cái Ngã chân thật. Nay ngài Thế Chí là bậc Pháp Thân đại sĩ, chẳng giống như Tam Thừa nên chỉ là Chân Ngã.

“*Hằng hà*” còn gọi là sông Căng Già (Gange), cõi này dịch nghĩa là Thiên Đường Lai (từ cõi trời đổ xuống) do sông từ trên cao đổ xuống, từ ao Vô Nhiệt Nã³⁹ chảy ra, rộng bốn mươi dặm, cát mịn như bột mì. Đức Phật thuyết pháp ở Kỳ Viên, do giảng đường gần bên sông nên hễ nói tới điều gì nhiều, Ngài thường lấy đó làm thí dụ.

“*Kiếp*”, tiếng Phạn là Kiếp-ba (kalpa), cõi này dịch là “phân biệt thời phần”. Câu Xá Luận giảng: “*Phần cực nhỏ của thời gian gọi là sát-na, thời gian cực dài gọi là Kiếp*”. Nay lấy cát để ví dụ Kiếp thì dễ thấy là rất dài lâu.

Từ “*chữ Phật Đà trong tiếng Phạn*” trở đi, gồm sáu câu, [trong ấy] Thi Giác và Bốn Giác⁴⁰ hợp nhất thì gọi là “*giác mãn*”. Ngã lần pháp đều hết sạch nên bảo là “*đều không*”.

Từ chữ “*Đại Di Đà*” trở đi là phần trích dẫn kinh [Vô Lượng Thọ]. Từ chữ “*vô lượng*” trở đi là giải thích ý nghĩa [của mười hai danh hiệu]. Danh hiệu chư Phật dùng những ý nghĩa hoặc thí dụ để nêu sự chứng đắc của từng vị Phật chẳng giống nhau: Dùng nhân, hoặc quả, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc bi trí, hoặc nguyện hạnh [để lập danh hiệu]. Mười hai vị Phật này đều dùng Quang để xưng danh.

Quang vốn có hai thứ: Một là trí quang, hai là thân quang. Lại có hai nghĩa: Một là thường quang, hai là phóng quang. Lại có hai nhân: Một là công đức trang nghiêm, hai là bốn nguyện thành tựu. Nay giải thích danh hiệu của mười hai vị Phật, cũng ước theo sáu nghĩa ấy: Hai danh hiệu đầu dựa theo hai trí (tức Thật Trí và Quyền Trí), danh hiệu thứ ba, danh hiệu thứ tư là ước theo hai tâm (Từ và Bi), thuộc về hai nhân [vừa được nói trên đây]. Danh hiệu thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, ước theo bốn thân: Danh hiệu thứ năm là Hóa Phật, danh hiệu thứ sáu là Pháp Thân, danh hiệu thứ bảy là Tha Thọ Dụng Thân, danh hiệu thứ tám là Tự Thọ Dụng thân. Tức là như trong kinh Lăng Già [gọi bốn thân này bằng các từ ngữ] Ứng Hóa Phật, Như Như Phật, Công Đức Phật, và Trí Huệ Phật. Danh hiệu thứ chín và thứ mười là thường quang. Danh hiệu thứ mười một và mười hai là phóng quang.

Câu “*đức Phật trong tự tánh*” ngụ ý: Niệm đức Phật ngay trong tự tánh. “*Chẳng để cho cái tâm nghĩ tới ngũ dục của thế gian*” là như Quán kinh đã dạy: “*Phàm niệm Phật thì chẳng được trong khoảng khảy ngón tay nghĩ tới ngũ dục trong cõi đời*”. Câu này hàm ý sự hệ niệm. Nếu có thể vượt thoát

[Ngũ Dục] được như thế, không một chút gián đoạn xen tạp nào thì vô lượng Phật quang nơi tự tánh sẽ tỏa rạng hoàn toàn, vượt trỗi cả mặt trời, mặt trăng.

“*Mười hai loài chúng sanh*” chính là Thai Sanh (sanh bằng thai), Noãn Sanh (sanh bằng trứng), Thấp Sanh (sanh nơi ẩm ướt), Hóa Sanh (sanh bằng sự biến hóa, như chư Thiên, địa ngục), có hình sắc (chư thiên thuộc Sắc Giới), không hình sắc (chư Thiên thuộc Vô Sắc Giới), có tâm tướng, không tâm tướng, chẳng phải có sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải có tướng, chẳng phải vô tướng.

“*Mười hai thánh vị*” là Càn, Tín, Trụ, Hạnh, Hương, Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế, Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. “*Vô tiệm vị*” là như kinh dạy: Từ đây tiệm tu (tu dần dần) tùy theo hạnh đã phát mà an lập thánh vị như trong quyển bảy và tám của kinh Lăng Nghiêm đã giảng rõ.

“*Mười hai vọng tướng*” là vọng tướng nơi sáu Căn và sáu Trần. Kinh dạy: “*Sáu thứ vọng tướng rối loạn biến thành nghiệp tánh nên do đây mà lần lượt phân chia thành mười hai thứ*”. Vì thế, [sáu trần là] Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp trong thế gian biến thành mười hai thứ, đến cùng tận lại biến chuyển trở lại từ đầu.

“*Mười hai đức tánh của Phật*” chính là công đức của sáu Căn và sáu Trần. Kinh dạy: “*Tổng quát từ đầu đến cuối, trong sáu Căn mỗi một Căn đều có công đức, mỗi Căn có một ngàn hai trăm công đức*” như quyển thứ tư và quyển thứ bảy của kinh Lăng Nghiêm đã giảng rõ.

Từ chữ “*nhưng mười hai đức Phật*” trở đi nhằm giải quyết sự chằng chịt. Nếu có ai vặn rằng: “*Theo như kinh Đại Bản (Vô Lượng Thọ) thì mười hai danh hiệu Phật ấy chính là những danh hiệu khác của Vô Lượng Thọ Phật, chỉ có một thân Phật, sao ở đây lại nói có mười hai đức Phật nối tiếp nhau xuất thế?*” Cho nên ở đây phải đáp rằng: Chư Phật trùng tên rất nhiều. Do vậy, mười hai đức Phật ở đây là chư Phật trong quá khứ, chứ chẳng phải là vị Phật do ngài Pháp Tạng tu thành trong hiện tại. [Người ta lại vặn tiếp]: Nếu như thế, vì sao gì tên hiện nay lại lạm dùng danh hiệu của cổ Phật vậy? Vì thế, lại phải giải thích như sau: Di Đà, Thế Chí phát tâm cùng một lúc, đức Phật được hai vị tôn làm thầy cũng cùng là một vị, chẳng khác nhau. Mười hai biệt hiệu hiện thời của Phật Di Đà giống với danh hiệu [của mười hai vị] cổ Phật nhằm biểu thị rõ ràng: Thầy trò truyền thừa cái đạo “*tâm chính là Phật, Phật chính là tâm*” giống hệt như nhau. Ví như đức Thích Ca lập hiệu trong hiện tại là

phỏng theo danh hiệu của đức cổ Phật Thích Ca. Tên ngài Quán Âm ngày nay cũng là phỏng theo cổ Phật Quán Âm. Vì vậy, kinh Đại Bồn Di Đà chép: “*Qua vô lượng cõi Phật, những vị Phật có cùng tên là Thích Ca cũng chẳng thể đếm xuể!*” Như vậy thì danh hiệu của Vô Lượng Thọ Phật có tới trăm ngàn vạn ức vị Phật chẳng thể cùng tận, há phải chỉ có một vị Phật ư?

---o0o---

2.5.2.1.2. Thuật bày lời dạy dỗ riêng biệt

Gồm hai tiểu đoạn:

- Nêu danh hiệu của pháp Viên Thông
- Giải thích ý nghĩa

---o0o---

2.5.2.1.2.1. Nêu danh hiệu của pháp Viên Thông:

Chánh kinh: *Bỉ Phật giáo ngã Niệm Phật tam-muội.*

(Các đức Phật ấy dạy con Niệm Phật tam-muội)

Sớ: “*Bỉ Phật*” (Các đức Phật ấy) là mười hai vị Phật. Dùng lời lẽ để chỉ bày thì gọi là “*giáo*” (dạy). Nói tới “*niệm Phật*” là nếu xét theo cách niệm trên mặt Sự thì: Tâm nhớ tưởng sẽ gọi là “*niệm*”; tam thân tiếp dẫn là Phật. Như vậy thì kẻ niệm là chính mình, đối tượng được niệm là Phật. Nếu xét theo cách niệm trên mặt Lý thì niệm chính là Thi Giác, Phật là Bồn Giác. Dem Thi hợp với Bồn thì gọi là “*niệm Phật*”.

Niệm Phật có bốn pháp:

- 1) Xung danh, tức là nghe nói danh hiệu Phật, một lòng xung niệm.
- 2) Quán tượng, tức là thiết lập tôn tượng, mắt nhìn chăm chú chiêm ngưỡng.
- 3) Quán tưởng, tức là dùng tâm nhãn của ta để quán tưởng đức Như Lai ấy.

4) Thật tướng, tức là niệm đức Phật trong tự tánh, trong chân thật tướng.

Pháp thứ nhất và thứ hai là Sự Pháp Giới Quán, do tâm chính là Phật vậy. Pháp thứ tư là Lý Pháp Giới Quán, bởi Phật chính là tâm. Pháp thứ ba là Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới Quán bởi “tâm này là Phật, Phật này là tâm” vậy.

Thêm nữa, ngài Thanh Lương nói: “Ước theo cái tâm để niệm thì chẳng ngoài năm thứ:

- Một là môn niệm Phật duyên tướng cảnh giới.

- Hai là môn niệm Phật nhiếp cảnh duy tâm.

- Ba là môn niệm Phật tâm cảnh vô ngại.

- Bốn là môn niệm Phật tâm lẫn cảnh đều tuyệt diệt.

- Năm là môn niệm Phật các thứ vô tận”.

Nay phối hợp với ý tưởng này để nói thì môn thứ nhất gồm hai pháp đầu trong phần trên, tức là Tiểu Thừa Giáo. Môn thứ hai tức là pháp thứ tư vừa được nói trong đoạn trên, tức là Thi Giáo. Môn thứ ba tức là pháp thứ ba vừa được nói trong đoạn trên, tức là Chung Giáo. Không có pháp nào đã nói ở trên thuộc về môn thứ tư và thứ năm, tức là Đốn Giáo và Viên Giáo. Nay trong kinh văn này, ước theo lời Phật dạy thì pháp này (tức pháp Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ Tát) trọn đủ cả môn thứ tư và thứ năm. Ước theo căn cơ nhận lãnh thì chỉ hạn cục trong Trì Danh, nhưng pháp Trì Danh này lại bao gồm cả Viên lẫn Đốn, chứ không chỉ hạn cục trong Tiểu; [cho nên] cũng tách ra thành năm môn:

1) Môn trì niệm danh hiệu Phật: Do ở ngoài tâm có danh hiệu Phật, đây chính là Tiểu Giáo, thuộc về Sự Pháp Giới Quán.

2) Môn thâm nhiếp danh hiệu quy về tâm: Danh hiệu Phật chỉ là do tâm hiện, cho nên môn này là Thi Giáo, thuộc về Lý Pháp Giới Quán.

3) Môn tâm và danh hiệu Phật đều dung thông: Vì tâm chính là Phật, Phật chính là tâm nên môn này thuộc về Chung Giáo.

4) Môn tâm lẫn danh hiệu đều tuyệt diệt: Vì chẳng phải là tâm, chẳng phải là Phật nên là Đốn Giáo, thuộc về Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới Quán.

5) Môn viên thông vô tận: Do tâm trong một niệm, một danh hiệu Phật dung chứa trọn pháp giới chẳng cùng tận nên là Viên Giáo, thuộc về Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới Quán.

Tiếng Phạn Tam-muội (Samādhi), cõi này dịch là Chánh Định, cũng dịch là Chánh Tư, Chánh Tâm Hành Xứ. Nhất tâm niệm Phật thì gọi là Chánh Định Tâm. Nếu nghĩ đến điều nào khác thì gọi là Tà Tư Duy. Tammuội là tên chung của Thiền Quán. Niệm Phật là tên riêng của một hạnh. Pháp Niệm Phật tam-muội này còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội, cũng gọi là Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, Bát Nhã tam-muội, hay Phổ Đẳng tam-muội.

Sao: Từ chữ “*nói tới niệm Phật*” trở đi, lời Sớ giải thích hai chữ Niệm Phật. Từ chữ “*Niệm Phật có bốn pháp*” trở đi giảng rõ ràng về pháp môn Niệm Phật.

“*Xưng danh*” là như kinh Văn Thù Bát Nhã đã dạy: “*Chúng sanh ngu độn chẳng thể hiểu được Quán, chỉ làm sao cho tiếng niệm Phật liên tục sẽ tự được vãng sanh*”, kinh Di Đà dạy: “*Nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu*”.

Pháp quán tượng gồm hai loại:

- Một là quán tượng hảo, quang minh của đức Phật hiện tại như kinh Pháp Hoa chép: “*Đứng dậy, chấp tay, nhất tâm quán Phật*”.

- Hai là quán tượng Phật vẽ vời, khắc, đắp, tô đúc như vua Ưu Điền dùng Chiên Đàn làm tượng Phật vậy.

“*Quán tượng*” là như Thập Lục Quán Kinh đã dạy: “*Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng hết thấy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ*”.

“*Thật tướng*” là như kinh Quán Phật Tam Muội chép: “*Đức Phật bảo A Nan: Trụ nơi niệm Phật thì tâm ấn chẳng hoại*”. Nghĩa là: Biết rõ đúng thật tự tâm thì gọi là niệm Phật. Như như bất động thì gọi là chẳng hoại. [Trong kinh Hoa Nghiêm] trưởng giả Giải Thoát⁴¹ nói: “*Ta muốn thấy A Di Đà Phật trong Cực Lạc thế giới, tùy ý liền thấy*” chính là nói về ý này.

Từ chữ “*pháp thứ nhất, pháp thứ hai*” trở đi là phân định bốn cách niệm Phật dựa theo từng pháp quán vậy. Nếu dựa trên sáu căn thì Xung Danh thuộc về tai và lưỡi, Quán Tượng thuộc mắt và thân, Quán Tướng thuộc mũi và ý, Thật Tướng gồm trọn sáu căn. Do vậy, một môn Niệm Phật tam-muội đối với sáu căn không căn nào chẳng thâm nhiếp.

Từ chữ “*thêm nữa, ngài Thanh Lương*” trở đi, dẫn lời cổ nhân để giảng rõ năm môn. “*Duyên cảnh*”: Xung Danh lẫn Quán Tượng đều thuộc ngoại cảnh. “*Duy tâm*”: Tướng tốt của y báo lẫn chánh báo đều chỉ là do tâm tạo ra. “*Vô ngại*”: Chiếu soi cả Sự lẫn Lý. “*Đều tuyệt diệt*”: Là tướng giống như hư không. “*Vô tận*”: Trong hết thầy thời, xứ, cảnh, niệm, thấy trọn khắp mười thân của Như Lai.

Từ chữ “*nay phối hợp với ý tưởng này*” trở đi là phối hợp cách giải thích của cổ đức với cách giải thích hiện thời. Hơn nữa, Đại Sớ giảng: “*Cổ nhân đã có năm môn*”:

- 1) *Môn xung danh vãng sanh niệm Phật.*
- 2) *Môn quán tượng diệt tội niệm Phật.*
- 3) *Môn nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật.*
- 4) *Môn tâm cảnh vô ngại niệm Phật.*
- 5) *Môn duyên khởi viên thông niệm Phật”.*

Năm môn này tuy tên hay tuyệt, nhưng phần giải thích ý nghĩa chẳng trọn vẹn nên nay tôi thay đổi. Nếu muốn thấu hiểu cặn kẽ thì môn thứ nhất và môn thứ hai thuộc vào hai môn Duyên Cảnh, Vô Ngại, đồng thời cũng thuộc môn “*đều tuyệt diệt*” của ngài Thanh Lương. Môn [duyên khởi] viên thông [trong Đại Sớ] chính là môn [viên thông] vô tận [của ngài Thanh Lương]. Nói Tiểu Giáo v.v... là ước theo bốn pháp niệm Phật trong phần trước (tức Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng) để nói, đây là căn cứ theo pháp Quán; còn năm môn này (tức xung danh, quán tượng, nhiếp cảnh, tâm cảnh vô ngại và duyên khởi viên thông) là ước theo Giáo. Hai cách giải thích này soi rọi lẫn nhau, cứ suy ra sẽ biết.

Từ chữ “*nay trong kinh văn này*” trở đi chính là ước theo bốn cách niệm Phật và năm môn niệm Phật [như vừa mới nói trong phần trên] để phán định

kinh này. “*Lời Phật dạy*” chính là lời dạy của mười hai vị Như Lai. “*Bao gồm cả môn thứ tư và thứ năm*” là như trong đoạn sau sẽ giải thích: Nhớ Phật, niệm Phật không thuộc riêng một môn nào. Từ ngữ “*căn cơ nhận lãnh*” chỉ ngài Thế Chí. “*Hạn cục trong Trì Danh*”: Trong phần kinh văn “*Phật hỏi pháp Viên Thông*” sẽ được giảng trong phần sau mới nói tới “*tịnh niệm tiếp nối*”, tức là nhằm chỉ ra pháp [của Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ dạy trong chương kinh này là pháp] Trì Danh; do vậy mới hỏi: Vì sao ngài Thế Chí chẳng chỉ dạy chung các pháp Niệm Phật, [mà lại chỉ dạy riêng một pháp Trì Danh]?

Đáp: Tuy Niệm Phật tam-muội được cổ đức gọi là đường tắt, nhưng pháp Trì Danh lại là con đường tắt nhất trong những đường tắt. Có sao? Bởi lẽ, Quán Tượng thì nếu bỏ tượng đi sẽ lại trở thành không [quán được], do vậy trở thành gián đoạn. Quán Tướng thì tâm thô, cảnh tế, pháp Quán mầu nhiệm khó thành. Đối với Thật Tướng Niệm Phật thì chúng sanh chướng nặng, giải ngộ ít ỏi, đối với chỗ vô tận thì cảnh giới sâu rộng, làm sao gánh vác được? Chỉ có pháp Trì Danh này là giản tiện, nhanh chóng nhất. Chỉ cần niệm được liên tục liền có thể vãng sanh. Như ngựa Ký phi nước đại (chỉ các môn Niệm Phật khác) tuy bỏ xa các loài ngựa khác (tức các môn tu hành khác) vẫn chẳng bằng rồng bay (tức pháp Trì Danh Niệm Phật). Như chim hạc (tức các pháp Niệm Phật) bay bổng tuy đã vượt xa các loài chim tầm thường (tức các pháp môn khác), vẫn chẳng bằng đại bàng (tức pháp môn Trì Danh Niệm Phật) bay vút lên. Vì thế, ngài Long Thọ viết trong Tỳ Bà Sa Luận: “*Phật pháp có vô lượng môn giống như đường đi trong thế gian có khó, có dễ. Ví như người thọt chân, đi đường bộ thì khổ sở, một ngày chẳng đi hơn vài dặm, nếu theo đường thủy ngồi thuyền thì vui vẻ, trong khoảnh khắc đã vượt ngàn dặm. Để đi mau đến, hãy nên niệm Phật, xưng danh hiệu Ngài là vì Phật đã có bốn nguyện như thế*”.

Hỏi: Phật có vô lượng công đức, một danh hiệu khó thể bao gồm hết, huống chi Thật Tướng đã là tướng danh tự, sao lại chuyên xưng danh?

Đáp: Đối với y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, hễ nói đến Phật liền trọn khắp. Đối với biển công đức của Phật, chỉ cần nêu danh hiệu đã trọn gồm. Kinh dạy: “*Lời lẽ để ứng xử trong thế gian đều chẳng trái nghịch Thật Tướng*”. Há lẽ nào vạn đức hồng danh chẳng chính là Thật Tướng hay sao?

Từ chữ “*nhưng pháp Trì Danh này*” trở đi, lời Sớ minh thị một lần nữa: Pháp Trì Danh bao quát giáo pháp Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa! Bất luận lợi căn hay độn căn đều có thể y theo pháp này để tu hành.

Từ ngữ “*Chánh Định*” hàm ý phân định: Ngoại trừ Niệm Phật ra, những thứ khác đều gọi là Tà Định.

“*Chánh Tư*”: Đối với cảnh được niệm, chánh trực suy xét. Chánh là chọn lựa, tìm cầu. Tư là suy nghĩ để phân biệt đâu là hôn trầm.

“*Chánh Tâm Hành Xứ*” chính là cảnh để tâm Chánh Định duyên vào, khác với cảnh được nhận lãnh tà vạy bởi vô minh. [Chánh Tâm Hành Xứ] còn gọi là Điều Trục Định. [Gọi là Điều Trục Định nhằm ngụ ý] do chúng sanh cong vạy tán loạn nên đức Phật dùng các môn tam-muội sửa cho ngay cái cong vạy, uốn nắn cho đúng cái tán loạn đó.

Nói “*tên chung của Thiền Quán*” là vì như trong Trí Độ Luận đã giảng: “*Hết thấy Thiền Định nhiếp tâm đều gọi tam-muội*”.

Có hai cách giải thích câu “*tên riêng của một hạnh*”:

1) Một là nói tới một hạnh trong vạn hạnh, như trong các kinh hoặc gọi Chân Như Hải Ấn Đức Tạng là tam-muội, hoặc coi Như Huyền Ngữ Ngôn Pháp Giới là tam-muội, hoặc hiểu là hữu duyên, hữu tướng, vô đắc, vô tranh v.v...

2) Hai là chỉ Niệm Phật tam-muội. Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: “*Phật bảo Văn Thù: Muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, nên ở chốn thanh vắng, bỏ các loạn ý, chẳng giữ lấy tướng mạo, buộc tâm vào một vị Phật, chuyên xưng danh hiệu của Ngài, tùy theo Ngài ở phương vị nào bèn ngồi ngay ngấn hướng thẳng về đó. Nếu có thể đối với một đức Phật, niệm niệm tiếp nối thì ngay trong niệm ấy sẽ có thể thấy được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Niệm công đức của một đức Phật chẳng khác gì niệm công đức của vô lượng chư Phật*”. Nếu đắc Nhất Hạnh tam-muội thì đối với các pháp môn trong hết thấy các kinh đều hiểu rõ.

Hỏi: Ở đây dạy niệm Phật là niệm mười phương Phật hay là niệm A Di Đà Phật?

Đáp: Chỉ niệm A Di Đà Phật. Do mười hai vị Như Lai có cùng tên với A Di Đà Phật. Trong đoạn sau của chánh kinh có nói: “*Nhiếp người niệm Phật, quy về Tịnh Độ*”. Hơn nữa, ngài Phổ Quang hỏi Phật: “*Trong mười phương đều có cõi Phật, sao lại chỉ khen mình cõi Tây phương?*” Phật dạy: “*Người Diêm Phù Đề tâm nhiều tán loạn, dạy họ chuyên tâm một cảnh họ sẽ được*

vãng sanh. Nếu niệm mười phương chư Phật, cảnh nhiều, tâm tán, tam-muội chẳng thành”. Huống chi, chư Phật có cùng một Pháp Thân, niệm một vị Phật tức là niệm hết thầy chư Phật vậy.

Hỏi: Vì sao mười hai đức Phật đều dạy ngài Thế Chí niệm danh hiệu của chính mình?

Đáp: Một là do bốn nguyện của mười hai đức Như Lai là như thế. Như trong hiện tại, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “[*Chúng sanh nào*] nghe danh hiệu của tôi, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh, sẽ chẳng giữ ngôi Chánh Giác”. Hai là dạy niệm danh hiệu của mười hai vị Phật chính là dạy niệm mười hai biệt hiệu của cổ Phật Di Đà. Giống như nay Pháp Tạng dạy niệm Vô Lượng Thọ Phật tức là dạy niệm từ Vô Lượng Quang cho đến Siêu Nhật Nguyệt Quang.

Từ chữ “*cũng gọi là*” trở đi, lời sơ nêu các tên khác [của Niệm Phật tam-muội], ước theo ý nghĩa phối hợp với giáo [để đặt tên]. Niệm Phật là Tiểu Giáo. Bát Nhã là Thỉ Giáo. Phật Hiện là Chung Giáo, Nhất Hạnh là Đốn Giáo, Phổ Đăng là Viên Giáo. Cứ theo đúng lý mà suy ra.

Lãng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Số Sao, Quyển Thượng hết

---o0o---
Quyển Hạ

2.5.2.1.2.2. Giải thích ý nghĩa

Gồm hai phần

1. Tu nhân
2. Chứng quả

---o0o---

2.5.2.1.2.2.1. Tu nhân

Gồm hai phần:

1. Nêu thí dụ

2. Hợp lại để giảng pháp

---o0o---

2.5.2.1.2.2.1.1. Nêu thí dụ:

Gồm hai phần:

1. Thí dụ về hai người
2. Thí dụ về mẹ con

---o0o---

2.5.2.1.2.2.1.1.1. Thí dụ về hai người

Chánh kinh:

Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong. Như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến. Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm. Như thị nữ chí tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương quai dị.

(Ví như có người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. Hai người như thế dù gặp mà như chẳng gặp, hoặc có thấy nhau cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau, hai cái nhớ ấy càng sâu. Như thế cho đến từ đời này sang đời khác như hình với bóng chẳng hề trái nghịch, sai khác nhau) **Sớ:** Trước hết thí dụ chỉ có một người nhớ thì sẽ có sự chia lìa. “*Hữu nhân*”: Chúng sanh và Phật được ví như hai người. “*Nhất chuyên vi ức*” (Một người chuyên nhớ): Ví như Phật nghĩ tới chúng sanh. “*Nhất nhân chuyên vong*” (một người chuyên quên) ví cho chúng sanh chẳng niệm Phật. “*Nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến*” (Dù gặp mà như chẳng gặp, hoặc có thấy nhau cũng như không thấy): Do Phật chuyên nghĩ tới chúng sanh, chẳng lúc nào không ở trước chúng sanh mà nay [chúng sanh] chợt gặp, chợt thấy, nên nói “*hoặc phùng, hoặc kiến*” (hoặc gặp, hoặc thấy). Chúng sanh chuyên chẳng niệm Phật, tuy Phật ở ngay trước mặt chúng sanh mà vẫn bỏ qua chẳng thấy, nên nói “*bất phùng, phi kiến*” (cũng như chẳng thấy, chẳng gặp).

Từ chữ “*nhị nhân*” trở đi là thí dụ kế tiếp: Hai người cùng nhớ thì chẳng chia lìa. “*Nhị nhân tương ức*” (Hai người nhớ nhau): Ví như chúng sanh và Phật cùng niệm. “*Nhị ức niệm thâm*” (Hai cái nhớ ấy càng sâu): Sánh ví sự nghĩ nhớ ấy dẫu lâu ngày vẫn chẳng quên. “*Như thị*” là từ ngữ dùng để kết thúc thí dụ. “*Nữ chí*” (cho đến) là từ ngữ nói tóm lược, tức là nói: Nếu có thể niệm như thế chắc chắn sẽ thường thấy nhau trong mọi lúc. “*Tòng sanh chí sanh... bất tương quai dị*” (Từ đời này qua đời khác... chẳng sai khác nhau):

Ví von đời đời chẳng lìa nhau vậy. “*Đồng ư hình ảnh*” (Như hình với bóng): Chúng sanh và Phật đời đời chẳng bỏ lìa nhau, ví như hình và bóng không hề chổng đối, khác biệt nhau!

Sao: Nói “*Phật chuyên nhớ*” là gồm hai ý:

- 1) Một là Phật có nguyện đại bi.
- 2) Hai là lúc Phật còn tu nhân, tự quả (quả vị của chính mình) còn chưa viên mãn mà đã niệm niệm chẳng bỏ chúng sanh, huống là sau khi Ngài đã đắc quả, há còn nghĩ chuyện gì khác hay sao? Như vậy thì Phật nghĩ tới chúng sanh ân cần, khẩn thiết, không chi hơn được nữa!

“*Chúng sanh chuyên quên*” cũng có hai nghĩa:

- 1) Một là chúng sanh chẳng có Tín, Hạnh, Nguyện.
- 2) Hai là chúng sanh còn đang mê, bị khổ sở vì Hoặc nghiệp trôi buộc, Nhân quả cõi trời, cõi người còn chưa thể tu được, huống là Phật quả mà dễ đạt được ư? Như vậy là cái tâm niệm Phật bị vùi lấp, ẩn mất, chẳng thể phát ra.

“*Hoặc phùng*” (chợt gặp gỡ) là chư Phật, Bồ Tát chẳng trái bản nguyện, đạo trong cõi Sa Bà hóa độ khiến cho chúng sanh ngẫu nhiên được gặp gỡ, mà chúng sanh vẫn dễ lỡ dịp. Như gặp ngài Văn Thù chỉ thấy là một ông già hay bà già nghèo khổ v.v... Hoặc thấy được tướng mạo thật sự của Ngài cũng chẳng đạt được lợi ích nơi pháp. Đây là vì bị Hoặc nghiệp chướng ngại, che lấp liền làm lẫn thấy tướng hèn kém. Như kẻ phước mỏng trông thấy vật báu, cho là rắn, là ếch, huống chi thánh hiền có ý vờ ẩn giấu tướng thật ư? “*Chúng sanh và Phật cùng niệm*”: Chúng sanh niệm Phật giống như Phật nghĩ tới chúng sanh. “*Nhớ lâu chẳng quên*” là trong mỗi thời khắc luôn giữ trong lòng, tuy trải qua nhiều năm lắm tháng cho tới khi chết đi vẫn chẳng quên vậy.

“*Kết thúc phần thí dụ*” thì [thí dụ] chỉ cho sự nhớ nghĩ nhau sâu xa trong phần trên. “*Từ ngữ tóm lược*” nghĩa là không chỉ riêng trong một kiếp này thường được thấy Phật, mà cho đến những kiếp khác, đến cùng tốt đời vị lai vẫn thường được thấy Phật. “*Chống đối*” là trái nghịch, “*khác biệt*” là rời lìa.

“*Hình với bóng*”: Nêu đại lược một việc để sánh ví sự chẳng lìa. [Nói chi tiết hơn thì] như âm thanh và tiếng vọng, nước và sóng, gương và hình, đều chẳng thể rời lìa nhau. Hơn nữa, hình và bóng này, gần thì đề đối ứng với thí dụ trong đoạn kinh tiếp theo cho phù hợp với ý nghĩa của đoạn kinh văn nhằm

chỉ rõ sự lợi ích do được thấy Phật; xa là đối ứng với ý chứng quả của đoạn kinh văn trong phần sau nhằm minh thị hai sự lợi ích: Thấy Phật và thành Phật (Trong hiện tại và tương lai thấy Phật là một lợi ích; tâm mở mang, phát khởi giống như nhiễm mùi hương là lợi ích thứ hai).

Do vậy, ứng theo ý này, có thể giải thích như sau: Nhất tâm niệm Phật như thể thì tâm đồng với Phật. Tâm đồng thì hình cũng đồng. Hình đồng thì bóng cũng đồng. Chẳng phải chỉ trong đời này mà trong đời đời kiếp kiếp, hình và bóng đều đồng. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Dung mạo giống như Phật, tâm tướng cũng đồng. Thân tâm hợp thành, nên gọi là Pháp Vương Tử*”. Do ý này chẳng trái nghịch ý của chánh kinh nên lời Sớ không giải thích.

---o0o---

2.5.2.1.2.2.1.1.2. Thí dụ về hai mẹ con:

Chánh kinh:

Thập phương Như Lai, lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược tử đào thệ, tuy ức hà vi? Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời. Mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn.

(Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn dẫu nhớ cũng chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì mẹ con trải qua nhiều đời chẳng xa cách nhau)

Sớ: Thí dụ về hai người trong phần trên là phiếm chỉ về thân hữu, vẫn cảm thấy còn lỏng lẻo, chưa sát sao; nên ở đây lại đem tình mẹ con thân thiết nhất để làm thí dụ nhằm khiến cho người nghe dấy lên tín hạnh vậy. Trong phần này cũng có hai điều:

1) Một là thí dụ chỉ có một người nhớ sẽ có xa lìa. Ba câu đầu (tức “*Thập phương Như Lai, lân niệm chúng sanh*” (Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con)) tương ứng với thí dụ “một người chuyên nhớ” ở phần trên. Hai câu kế tiếp (tức câu “*Nhược tử đào thệ, tuy ức hà vi*” (Nếu con bỏ trốn, dẫu nhớ cũng chẳng làm gì được?)) ứng với thí dụ “một người chuyên quên” ở phần trên. Như Lai là mẹ; chúng sanh là con. Trong những tình thương yêu bao dung nhất trong thế gian, không gì bằng tình mẹ. Nếu con ngỗ nghịch, vong ân bội nghĩa, có lẽ lòng mẹ sẽ bớt nghĩ tới, tâm sanh lòng hối tiếc; nhưng Phật nghĩ tới chúng sanh còn hơn cả mẹ. Kẻ nghịch ác nặng nề, đức Phật càng nghĩ đến kẻ ấy sâu đậm hơn. Thậm chí Phật vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ vô lượng thay cho chúng sanh ấy. Hơn nữa, mẹ nhớ con lòng từ ái chỉ được một đời, còn Phật nghĩ tới chúng sanh, tâm Từ vô tận, đời

đòi theo chúng sanh, chẳng hề lui sụt, thay đổi! Vì vậy, nói: “*Phật nghĩ tới chúng sanh như mẹ nhớ con*”. “*Nhược tử đào thệ*” (Nếu con bỏ trốn): Ví như chúng sanh chẳng niệm Phật, đọa vào ác đạo chịu khổ. “*Tuy ức hà vi*” (Dẫu nhớ cũng chẳng làm gì được) là thí dụ nhằm ngụ ý: Chỉ riêng mình Như Lai nhớ tới chúng sanh thì vô ích.

2) Từ chữ “*nhược tử*” (nếu con) trở đi chính là thí dụ sau: Hai người cùng nhớ nhau sẽ chẳng xa lìa. Hai câu đầu [trong đoạn này] tương ứng với “*nhớ nghĩ sâu xa*” ở phần trên. Hai câu cuối tương ứng với “*đòi đòi chẳng khác biệt*” ở phần trước. Tức là chúng sanh trong sáu đường kính mộ nghĩ nhớ Như Lai giống hết như Như Lai xót nghĩ chúng sanh thì mới có thể cảm ứng đạo giao, chúng sanh và Phật chẳng hai vậy. Do vậy, vào đời Cao Tề42, hòa thượng Đại Hạnh nói: “*Tôn sùng niệm Phật, bốn chữ dạy răn. Tức là hai chữ Tin, Nhớ chẳng lìa trong tâm; hai chữ Xung, Kính chẳng lìa cửa miệng. Tùy lòng sớm tối, trọn chẳng còn trụ vào pháp Sa Bà nữa. Đây gọi là yếu quyết bậc nhất để niệm Phật vậy*”.

Sao: Chữ “*phiếm chỉ*” hàm ý thầy trò, vua tôi, đều gộp trong ấy. Tiếp theo là phần giải thích từ chữ “*Như Lai*” trở đi:

Hỏi: Trong phần trước nói “*niệm Phật là chỉ niệm Di Đà, chẳng niệm chư Phật*”, sao ở đây lại nói mười phương Như Lai?

Đáp: Có hai ý:

1) Một là chỉ Di Đà Phật, vì trong mười phương ba đời có vô lượng Phật Di Đà. Quán Kinh dạy: “*Từ phương dưới cõi của Kim Quang Phật cho tới phương trên là cõi của Quang Minh Vương Phật, trong khoảng giữa ấy, có vô lượng phân thân Vô Lượng Thọ Phật nhiều như số vi trần*”.

2) Hai là chỉ chung mười phương chư Phật, tức là chẳng phải riêng mình đức Phật Di Đà của chúng ta có bị nguyện như thế mà mười phương chư Phật cũng đều nghĩ thương chúng sanh như vậy. Điều này tỏ rõ sự thật “*Phật Phật đạo đồng*”. Trong phẩm Văn Minh của kinh Hoa Nghiêm có chép: “*Các đức Như Lai trong mười phương có cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, sức vô úy cũng vậy*”. Kinh Lăng Già, quyển thứ tư chép rằng: “*Hết thấy chư Phật có bốn thứ bình đẳng, ấy là: tự bình đẳng, ngữ bình đẳng, thân bình đẳng, pháp bình đẳng*43”. Quán kinh dạy: “*Thấy Vô Lượng Thọ Phật tức là thấy mười phương vô lượng chư Phật*”.

“*Xót nghĩ*” là như kinh Tam Muội nói: “*Tâm chư Phật là đại từ bi. Chỗ duyên của lòng từ bi chính là duyên nơi chúng sanh đang khổ. Lúc thấy chúng sanh chịu khổ nã, [chư Phật liền] như bị tên trúng tim, muốn dứt nỗi khổ cho họ*”. Bởi thế, người cầu vãng sanh chớ nên suy nghĩ ta xấu ác, rồi nghi ngờ

Phật chẳng đến tiếp dẫn. Có ai biết tâm Phật chuyên thực hiện đủ thứ cách cứu độ chúng sanh đang ở trong cảnh trái nghịch, đau khổ. Sao lại tự sanh lòng nghi ngờ, chướng ngại, cam tâm hướng đến đau khổ vậy?

Hỏi: Hai câu “*bỏ trốn...*” cùng với ý “chuyên quên, dẫu gặp cũng như chẳng gặp” đã nói trong phần trên có sai biệt hay không?

Đáp: Vừa giống, vừa khác. Giống là nếu chẳng niệm Phật sẽ chẳng thể thấy Phật; dẫu thấy Phật cũng chẳng thể hưởng pháp lợi. Do vậy, cũng giống như bỏ trốn chẳng khác, nhớ kẻ ấy để làm gì? Chỗ khác là trong thí dụ ở phần trước vẫn còn chỉ rõ ý nghĩa: Nếu chúng sanh cũng có lúc niệm, nhưng niệm chẳng khẩn thiết, nhớ chẳng sâu cho nên dẫu có gặp cũng như không gặp thì sự tương nhớ chúng sanh của Phật còn có lợi ích. Chứ trong thí dụ này đã nói rõ: Chúng sanh không chỉ quên niệm mà còn bán Phật. Do bất tín nên đọa trong tam đồ, chịu vô lượng khổ ví như chúng sanh đã bỏ trốn, chớ Phật nghĩ nhớ vô ích. Đối với sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật thì con ví cho chúng sanh cảm; mẹ ví như Phật ứng. Do đạo giao chẳng hai nên hòa hợp, chẳng trái nghịch.

Từ chữ “*do vậy, vào đời Cao Tê*” trở đi, hòa thượng bàn rằng: Để vãng sanh Tịnh Độ cần phải có Tín (lòng tin). Một ngàn kẻ tin thì một ngàn kẻ vãng sanh, một vạn kẻ tin thì một vạn kẻ được vãng sanh. Tin tưởng vào danh hiệu của Phật, miệng, ý chẳng lìa [danh hiệu ấy], chớ Phật liền cứu, chớ Phật liền che chở, tâm thường nhớ Phật, miệng thường xưng danh, thân thường tôn kính thì mới gọi là thâm tín (tin tưởng sâu đậm).

---o0o---

2.5.2.1.2.2.1.2. Hợp lại để giảng pháp

Chánh kinh:

Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật.

(Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật).

Sớ: Nói “*chúng sanh tâm*” nhằm loại trừ “miệng niệm nhưng tâm chẳng niệm”. Ưc là nhớ giữ chẳng quên. Niệm là tâm thường khăng khăng nghĩ đến. Thêm nữa, lúc đầu ngẫu nhiên miễn cưỡng ghi nhớ thì gọi là Ưc. Về sau, lâu ngày thuần thực vượt khỏi duyên niệm thì gọi là Niệm. Lại nữa, Ưc là tạm niệm (tạm thời nghĩ tới), nghĩa là một lần nhớ; còn Niệm là nhiều lần nhớ, tức là nói về thường niệm. Nếu là Sự Ưc Niệm (ức niệm về mặt Sự) thì là chuyên

tâm chú ý, chẳng để cho có may mắn tạp duyên. Nếu là Lý Ưc Niệm thì chỉ có giác minh màu nhiệm chiếu trọn pháp giới.

Phật cũng có hai nghĩa:

- Một là sự tướng, tức là ba thân hay mười thân.

- Hai là lý tánh, chỉ là Nhất Chân pháp giới.

Thêm nữa, trong Sự Ưc Niệm Phật và Lý Ưc Niệm Phật, mỗi thứ lại có hai loại: Một là hành theo thứ tự (Hạnh Bồ), hai là viên dung. Nghĩa là:

1) Trước hết niệm Hóa Thân, Báo Thân, rồi mới niệm Pháp Thân v.v... là thứ tự của Sự Ưc Niệm. Nếu ba thân hay mười thân đều cùng tại nhất tâm thì là Sự Ưc Niệm trong cùng một lúc (còn gọi là Sự Ưc Niệm viên dung).

2) Trước hết là Không, kế đến là Bất Không, cuối cùng là Không Bất Không; đây là Lý Ưc Niệm Phật được hành theo thứ tự. Nếu Phật trong ba Như Lai Tạng tâm được niệm trong cùng một lúc thì là Lý Ưc Niệm Phật viên dung vậy.

Hỏi: Nếu ngoài tâm có Phật thì làm sao dung được Lý Niệm? Còn nếu ở ngoài tâm không có Phật, sao lại dùng Sự để thực hiện?

Đáp: Ngoài tâm có Phật chính là do đức Phật ở trong tâm của ta biến thành vị Phật bên ngoài. Kinh dạy: *“Chánh Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh”* nên cần phải Lý niệm. Ngoài tâm không Phật nhưng mượn đức Phật ở ngoài tâm nhằm hiển lộ vị Phật trong tâm mình. Kinh dạy: *“Lúc tâm tướng Phật, tâm này làm Phật”*, nên phải dùng Sự để niệm. Nếu lìa hai cách niệm Sự và Lý, sao gọi “tâm chính là Phật, Phật chính là tâm” cho được?

Hỏi: Nếu Phật chính là tâm thì chỉ nên niệm tâm, sao lại phải niệm Phật? Lại nữa, tâm chính là Phật thì chỉ nên niệm Phật, cần gì niệm tâm?

Đáp: Chỉ chấp tâm chính là Phật, chẳng biết chính tâm tánh bản giác của ta chính là vị Phật giác ngộ rốt ráo kia. Kinh dạy: *“Tâm này chính là ba mươi hai tướng của Phật”* nên niệm Phật chẳng trở ngại gì. Lại còn chấp tâm này là Phật, chẳng biết đức Phật giác ngộ rốt ráo kia chính là tâm tánh Bản Giác của ta. Kinh dạy: *“Chư Phật vào trong tâm của chúng sanh”* nên chẳng ngại niệm tâm. Nếu chỉ niệm riêng tâm hay Phật thì nghĩa [“tâm chính là Phật, Phật chính là tâm”] sẽ chẳng thành.

Hỏi: Nhất Chân pháp giới, Thể không hai tướng, có sao có việc niệm Phật ở trong hay ngoài tâm?

Đáp: Nhất Chân pháp giới vốn chẳng trong hay ngoài, chẳng thuộc nơi tâm hay Phật. Phật tự chứng [Nhất Chân pháp giới] đến cùng cực, biết tâm chúng sanh đều chấp Có liền muốn khiến cho chúng sanh khai ngộ nên chia thành hai nghĩa tâm và Phật. Phật là ngoại cảnh, tâm là nội cảnh. Công phu ức niệm thành tựu sẽ tự nhiên chứng biết *“Tâm: không có tâm ở ngoài Phật,*

Phật: không có Phật ở ngoài tâm!” Duy nhất pháp giới, chứa đựng trọn khắp vô tận.

“Hiện tiền thấy Phật”: Chẳng lìa Hiện Âm 44 mà trong Định được thấy, hoặc trong mộng được thấy. *“Trương lai thấy Phật”* chính là khi báo thân đã chấm dứt, Ngũ Âm tan hoại, thấy Phật đến đón, hoặc ở trong đài hoa mà thấy Phật.

Nói *“nhất định”* là vì có hai ý:

1) Một là cảm ứng đạo giao khó thể nghĩ bàn. Tức là tin rằng tâm chính là Phật, chuyên dùng Sự niệm để niệm tướng hảo của Phật nên thấy Quả Báo Phật đi vào trong tâm mình. Kinh dạy: *“Tâm này làm Phật. Chư Phật Như Lai vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh”*.

2) Hai là Thi Giác và Bồn Giác khế hợp với nhau, pháp đương nhiên như vậy. Tức là: Tin được Phật chính là tâm, chuyên nơi Lý niệm để niệm đức Phật trong bồn tánh nên thấy Pháp Thân Phật hiện trong tự tâm. Kinh dạy: *“Tâm này là Phật, lúc tâm tưởng Phật thì tâm này chính là ba mươi hai tướng”*. Trong đoạn này chẳng gộp ý “Phật niệm chúng sanh” vào lời giảng vì chú trọng đến khía cạnh “chúng sanh niệm Phật” vậy.

Sao: Từ chữ “Úc” trở đi, như trong Duy Thức nói: *“Sao gọi là niệm? Đối với cảnh từng quen, lấy tâm nhớ rõ chẳng quên làm tánh, dựa chắc vào đó để làm nghiệp. Tức là nhiều lần nhớ giữ cảnh đã từng được cảm nhận chẳng để quên mất thì có thể dẫn đến Định. Đối với cảnh chưa từng nhận lãnh hoàn toàn chẳng khởi niệm. Nếu đã từng nhận lãnh mà chẳng thể nhớ rõ thì niệm cũng chẳng sanh”*.

Ngài Từ Vân Sám Chủ nói: *“Phàm trải qua các duyên, sự việc, mà trong tâm chẳng quên Phật thì gọi là Úc Niệm. Ví như người đời tâm gắn chặt nơi chuyện gì đó, dù nói năng, đến, đi, ngồi, nằm, làm lụng các thứ vẫn chẳng gây trở ngại cho sự thâm nhớ”*. Việc trên đây (tức Úc Niệm) cũng giống hệt như vậy. Cái tâm niệm Phật cũng phải nên giống như thế. Nếu như quên mất, hãy nhiều lần gom tâm trở lại. Lâu ngày sẽ thành tánh, tùy ý thường nhớ. Lại nữa, nhận biết tâm vừa dấy lên đôi chút ác niệm liền nghĩ ngay đến Phật, do bởi Phật lực, ác niệm sẽ tự dứt. Nếu thấy người khác chịu khổ, do tâm niệm Phật liền thương xót họ, nguyện họ được lìa khổ. Buộc lòng niệm Phật liên tục như thế sẽ có thể hoàn thành hết thảy công đức Tịnh Độ.

Từ chữ *“nếu là Sự Úc Niệm”* trở đi, lời Sớ hàm ý: Chuyên tâm ức niệm trong đoạn này cũng như đoạn *“thâu nhiếp các căn tịnh niệm”* trong phần sau của kinh văn chính là nói tới *“nhất tâm bất loạn”* hoặc *“nhất hướng chuyên niệm”* (một mực chuyên niệm) trong kinh Di Đà, hoặc *“nhất tâm hệ niệm”*

trong Quán kinh, đều bao gồm cả Sự lẫn Lý. Sự là có thể đối với mọi thứ mình đã trải qua luôn [nghĩ nhớ] phân minh đức Phật ở trong tâm. Chỉ một niệm này, không có niệm nào khác, niệm niệm liên tục sẽ thành tựu công phu Định lực. Khởi Tín Luận viết: *“Dùng nhân duyên để chuyên dốc ý niệm Phật”* là nói về ý này vậy. Về Lý thì Năng và Sở như một, tâm và Phật chẳng hai; chỉ có một duyên này, chẳng có chuyên nào khác. Duyên tâm tự tại, thành tựu huệ lực, như Khởi Tín Luận đã nói: *“Tuy niệm nhưng vẫn chẳng có người niệm thì mới là niệm”*.

Lại như Phổ Môn Sớ có câu: *“Nếu dụng tâm giữ sao cho niệm chẳng gián đoạn thì gọi là Sự Nhất Tâm. Nếu hiểu được niệm tâm ấy bốn tánh chẳng sanh thì gọi là Lý Nhất Tâm”*. Đối với bốn thứ hay năm cách niệm Phật nói trong phần trước, mỗi một thứ đều có đủ cả hai cách niệm Sự và Lý này.

Hỏi: Bốn cách và năm môn niệm Phật ở phần trước cùng với Sự và Lý ở đây đều ước theo nghĩa năng niệm thì có gì khác nhau đâu?

Đáp: Bốn hay năm cách [niệm Phật] đã nói trong phần trước là nhằm thuật bày pháp môn [Niệm Phật] có lắm phương tiện [để tu tập]; còn Lý, Sự ở đây là ước theo hành nhân dụng tâm sai khác [như thế nào]. Do vậy trong bốn cách hay trong năm môn Niệm Phật, ắt trọn đủ hai tâm. Trong hai tâm, ắt bao gồm bốn cách, năm môn chẳng hỗn độn vậy.

Hỏi: Lý, Sự trong phần này so với bốn cách, năm môn Niệm Phật ở phần trước, nếu phán định Sự quán, Lý quán thì sai khác ra sao?

Đáp: Trong phần trước là phán định riêng biệt. Bốn cách lẫn năm môn Niệm Phật đều thuộc về cả Sự lẫn Lý. Còn ở đây là phán định chung, mỗi một môn trong bốn cách hay năm môn ấy đều có đủ Sự lẫn Lý. Nếu so sánh thì phần trên là giải thích đại lược, ở đây giảng chi tiết, cho nên chẳng giống nhau. Đối với hai cách niệm này (tức Sự niệm và Lý niệm) tuy chẳng được khuyết cách nào, nhưng vẫn có bậc thượng trí chuyên Lý niệm hoặc kẻ độn căn chuyên Sự niệm, hoặc người bậc trung kiêm cả Sự niệm lẫn Lý niệm, đều là thuận theo căn cơ đáng nên tu tập như thế nào để chẳng bị trở ngại. Hễ được thấy Phật thì lợi ích vẫn như nhau.

Đối với câu *“Phật cũng có hai nghĩa...”* có lời gạn rằng: Vì sao Pháp Thân trong ba thân, Trí Không Thân trong mười thân cũng bị gọi là Sự?

Đáp: Do thuộc về số lượng (ba và mười là con số), do thuộc về Phật thân vậy (thân tướng chính là Sự).

Hỏi: Khởi Tín Luận viết: *“Nếu ai chuyên niệm Di Đà Phật thì do căn lành đã tu liền được thấy Phật”*, há chẳng phải là Sự niệm hay sao? Luận còn viết rằng: *“Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng tu tập,*

chắc chắn được vãng sanh”, há chẳng phải là Lý niệm hay sao? Nay sao lại bảo rằng Pháp Thân chẳng thuộc Lý niệm?

Đáp: Đối với Báo Thân, Hóa Thân để luận thì Pháp Thân thuộc về Lý niệm. Nay đem so với Nhất Chân thì Pháp Thân lại thuộc về Sự. Bởi vậy, trong kinh Văn Thù Bát Nhã khi giảng về Nhất Hạnh Niệm Phật tam-muội, trước hết giảng về pháp giới bất động, buộc duyên nơi pháp giới v.v... Đại Sớ cũng giảng: *“Nhất pháp giới hạnh cũng không có một thứ gì”*.

Hỏi: Mười thân Phật xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm, các kinh khác không có. Sao nay lại dạy niệm [mười thân ấy]?

Đáp: Chư Phật nói ra giáo pháp tuy khác nhưng ba thân, mười thân đều giống nhau. Quán Kinh dạy: *“Chư Phật Như Lai là thân pháp giới”*. Như ngài Đức Vân [trong kinh Hoa Nghiêm] chỉ niệm mười thân Phật. Thanh Lương Sớ Sao cũng giảng: *“Niệm Phật tam-muội ấy xét về Tổng tướng là một, nhưng Biệt tướng thì chia thành ba thân hay mười thân, tu quán đều khác”*. Ba thân là nói niệm Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân Phật. Trong ba thân mỗi thân đều có y báo, chánh báo, nên lại thành ra sáu phép Quán. Tức là niệm pháp tánh, thân, cõi nước là y báo và chánh báo của Pháp Thân. Niệm Báo Thân, cõi Hoa Tạng v.v... là y báo, mười thân tướng hải v.v... là chánh báo. Niệm những sự như tịnh độ, nước, chim, cây cối, đều là chỗ nương tựa (y báo) của Hóa Thân, ba mươi hai tướng v.v... là chánh báo của Hóa Thân. Mười thân là “Niệm, Nguyện, Trí, Pháp, Lực, Trì, Ý Sanh, Hóa, Oai Thế và Bồ Đề”, thân phước đức, tướng hảo trang nghiêm. Các thứ như thế tạo thành cảnh Đê vông⁴⁵ liền nhập môn Niệm Phật của Phổ Hiền. Điều này đã được giảng rõ trong cuốn sáu mươi hai [của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm].

“Hạnh Bồ” là tu dần dần theo thứ tự vậy. *“Viên dung”* là [tu trọn mọi hạnh] trong một niệm. Bậc lợi căn thì viên dung; còn kẻ hạ căn, ngu độn thì phải lần lượt thực hành, hạng trung căn thì không nhất định. Hơn nữa, hoặc là bậc lợi căn tu tập trước Lý sau Sự, kẻ độn căn thì trước Sự sau Lý, đều là nhằm thích hợp căn cơ, chứ chẳng có một tướng nhất định.

Nói *“trước hết là Không”* là ước theo Tam Như Lai Tạng⁴⁶ tâm minh trong quyển bốn kinh Lăng Nghiêm. Nếu xét theo pháp giới của cái Lý đang được niệm thì nên nói: Trước hết là niệm đức Phật trong Vô Vi Lý pháp giới, kế đến là niệm đức Phật trong Hữu Vi Sự pháp giới, sau đây là niệm đức Phật trong Lý Sự Vô Chương Ngại pháp giới, bởi pháp giới và Như Lai Tạng đều cùng là một tâm vậy, chỉ nói trước hay sau mà thôi. Từ chữ *“Hỏi: Nếu”* trở đi là lời gạn chung. Trước hết, giải thích trong hai niệm, tùy ý dùng một thứ, chẳng cần phải kiêm trọn cả hai cho khó. Kế đó là giải thích giữa “tâm chính là Phật” và “Phật chính là tâm”, niệm thứ nào cũng được, chẳng bắt buộc phải

tu hết cho khó khăn. Ba là giải thích: Niệm “tâm chính là Phật, Phật chính là tâm” để thành hai thứ tâm và Phật cùng giữ được sẽ khó khăn.

“Trong Định được thấy” là như trong quyển bốn mươi sáu của kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “Nếu có chúng sanh chuyên tâm ức niệm thì Phật hiện trước mặt họ”. Quyển sáu mươi hai chép: “Trụ trong Tự Tại Tâm Niệm Phật môn, tùy theo ý mình ưa thích mà [Phật] hiện hình tượng vậy. Trụ trong Nhất Thiết Cảnh Niệm Phật môn sẽ thấy Phật hiện trong khắp các cảnh”. Kinh Lăng Già dạy: “Chư Phật có hai thứ gia trì, tức là khiến cho [chúng sanh] nhập tam-muội và hiện thân quán đảnh. Các hàng Bồ Tát được hai thứ gia trì này sẽ có thể đích thân thấy hết thấy chư Phật”. Quán kinh dạy: “Vô Lượng Thọ Phật, tướng hảo, quang minh, trọn khắp mười phương cõi, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ nên trong Thiên Quán [hành nhân niệm Phật] đều được thấy”.

“Trong mộng được thấy” là như kinh Pháp Hoa chép: “Hoặc ở trong mộng thấy các đức Như Lai ngồi trên tòa sư tử thuyết pháp giữa [thính chúng] vây quanh”. Phần kinh văn nói về Bạc Hạ Vãng Sanh trong kinh [Đại] Di Đà (Vô Lượng Thọ Kinh) có chép: “Người ấy lúc lâm chung mộng thấy đức Phật ấy cũng được vãng sanh”.

“Khi báo thân chấm dứt sẽ thấy Phật” là như kinh Xung Dương Công Đức Chư Phật đã dạy: “Nếu được nghe danh hiệu Di Đà, nhất tâm tin ưa, khi người ấy mạng chung, A Di Đà Phật sẽ ở trước mặt người ấy”. Cổ Âm Vương Kinh⁴⁷ chép: “Nếu có người thọ trì danh hiệu đức Phật ấy, khi lâm chung, A Di Đà Phật liền cùng đại chúng ở trước mặt kẻ ấy khiến cho kẻ ấy được thấy”.

“Trong hoa được thấy” là như trong phần Hạ Phẩm Trung Sanh của Quán Kinh đã nói: “[Gió] thổi các hoa trời, trên mỗi hoa đều có hóa Phật, Bồ Tát, nghênh tiếp người ấy, như trong khoảng một niệm liền sanh trong hoa sen. Trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở, được Quán Âm, Thế Chí giảng kinh điển cho”.

Hỏi: Nay có kẻ chuyên tâm niệm Phật, trong Định hoặc trong mộng cũng chẳng thấy Phật. Lại có người suốt đời niệm Phật, nhưng đến lúc lâm chung cũng chẳng sanh về Tây phương, là vì sao vậy?

Đáp: Chuyên tâm niệm Phật nhưng trong Định lẫn trong mộng vẫn chẳng thấy Phật là do nghiệp chướng quá khứ nặng nề, thiện lực trong hiện tại yếu kém. Hơn nữa, Phật có hai thứ gia bị:

1) Một là đối với kẻ không có nghiệp chướng liền gia bị rõ ràng khiến cho kẻ ấy đích thân được thấy.

2) Hai là đối với kẻ chướng nặng liền ngầm gia bị, khiến cho kẻ ấy ngầm ngầm được lợi ích. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát nói: “Có những chúng sanh

trong tâm phát khởi, tỏa rạng hạnh Phổ Hiền, khi ấy những phân thân của ta đều đến chỗ người ấy. Nếu như người ấy do nghiệp chướng sâu đậm chẳng thấy ta, ta bèn thâm xoa đỉnh đầu người ấy, ủng hộ cho người ấy được thành tựu”.

Suốt đời niệm Phật nhưng chẳng sanh về Tây Phương là do niệm Phật chẳng tinh thành, sanh lòng ngờ vực, chẳng dốc trọn lòng tin, chẳng nguyện vãng sanh, chẳng thể đoạn tham, ái.

Hỏi: Thiện căn trong hiện tại cạn mỏng thì có thể tu tập để tăng thêm; nghiệp chướng trong quá khứ sâu nặng thì làm sao biết được để đối trị?

Đáp: Có hai cách chọn lựa:

1) Nếu trong tam-muội thấy có căn lành hiện tướng thì biết trong quá khứ đã gieo các nhân lành. Làm thế nào để điều thiện được phát khởi? Phân chia đại lược thành bốn thứ như sau:

a. Một là niệm Hóa Phật, thiện căn sẽ phát hiện. Trong Niệm Phật tam-muội, đột nhiên nhớ tới Phật tu Lục Độ vạn hạnh, thành tựu ba mươi hai tướng, thân có tướng hảo, quang minh, tâm có trí huệ, thuyết pháp lợi sanh, hàng phục ma oán. Lúc nghĩ như thế liền sanh lòng kính yêu, tam-muội được mở mang, phát khởi, tăng tấn Phật hạnh. Hoặc là trong Định thấy thân tướng của Phật, tâm liền tin hiểu trong sạch. Hoặc là trong mộng nghe Phật thuyết pháp liền giác ngộ Phật tâm.

b. Hai là niệm Báo Thân Phật, thiện căn sẽ phát hiện. Trong lúc niệm Phật, chợt nhớ tới đến thân quả báo viên mãn của Phật đều là do công đức vô lậu thành tựu. Tướng hảo, quang minh, mỗi mỗi đều vô lượng, thân thông, trí huệ tràn ngập pháp giới, luôn vắng lặng thanh tịnh đến cùng tột đời vị lai. Lúc nghĩ như thế, huệ giải phân minh, quyết định an ổn, thiện niệm liên tục. Hoặc là trong Định nghe nói cảnh giới Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, liền phát sanh vô lượng pháp môn trí huệ. Hoặc là trong mộng, thấy tám vạn bốn ngàn các tướng tốt lành màu nhiệm liền nảy sanh vô lượng nguyện hạnh công đức.

c. Ba là do niệm Pháp Thân Phật, thiện căn sẽ phát hiện. Trong tam-muội, chợt nhớ tới thân Chân Thật Tánh của Phật, thanh tịnh vô tướng dường như hư không. Chỉ là Đệ Nhất Nghĩa Đế, chẳng có cảnh giới Thế Đế, lìa sanh, rời diệt, vô tác, vô vi, chẳng đến, chẳng đi, chẳng giảm, chẳng tăng. Lúc nghĩ như thế, thiện tâm dấy lên, nhập Định an vui, thông đạt vô lượng pháp môn, hiện khởi vô biên cảnh Phật. Hoặc là trong Định do thấy Phật có Pháp Thân vi diệu trọn đủ các tướng tốt liền được giác ngộ, tuy xa lìa thường và vô thường, nhưng lại biến hiện thường và vô thường. Duy Thức giảng: *“Pháp Thân lấy năm pháp để làm tánh chứ không phải chỉ riêng tịnh pháp giới gọi là Pháp Thân”*. Lúc ngộ như thế, mở mang, phát khởi Thật Trí, ba thời hiện

tiền. Hoặc là trong mộng, thấy Phật dùng các pháp như nghĩa để làm thân, liền được giác ngộ, coi Chân Như là Phật, không cảnh gì chẳng phải là Phật. Đại Phẩm⁴⁸ chép: “*Các pháp như Thật Tướng. Chư pháp như thật chính là Phật. Là ngoài điều ấy, chẳng có Phật nào khác*”. Lúc ngộ như thế sẽ thanh tịnh sáu căn, pháp tánh hiện tiền.

d. Bốn là niệm mười thân của Phật, thiện căn phát hiện. Ở trong Thiên Quán, chợt nhớ đến mây pháp giới thân Phật, y báo, chánh báo viên dung, Chân và Ứng vô ngại, một và nhiều nhập vào nhau, lớn, nhỏ, ẩn, hiện, vừa là Lý, vừa là Sự, vừa là người, vừa là pháp, vừa là đây, vừa là kia, vừa là nhân, vừa là quả, cũng là chín pháp giới, cũng là Phật giới, cũng là ba thân, cũng là mười thân. Lúc nghĩ như thế, mở mang phát khởi vô tận thiện tâm, sanh ra vô tận tam-muội, diệt các thứ phiền não, hiển hiện tầng tầng pháp tánh. Hoặc là trong Định, thấy Phật vô chướng ngại, trong mỗi cõi, mỗi vi trần Phật đều hiện thân thuyết pháp, liền chứng biết môn Niệm Phật của ngài Đức Vân, xuất sanh hai mươi một môn Niệm Phật. Sau khi biết như thế rồi liền phát nguyện Phổ Hiền, hành hạnh Phổ Hiền. Hoặc là trong mộng thấy vô tận thân Phật thuyết pháp lợi sanh, liền được nhập Oai Quang Niệm Phật tam-muội, thông nhiếp vô tận tam-muội. Sau khi ngộ như thế, phát khởi [Tỳ Lô] Giá Na trí, trở thành cảnh của đức Tỳ Lô Giá Na Phật.

Các căn lành trên đây đều là [do đã gieo trồng] trong quá khứ, nay phát sanh, là tướng trạng của quả báo đạt được do tu tập niệm Phật vậy (Thấy các tướng hảo đều là do quả báo mà tướng phát hiện. Phát các thiện tâm đều là do cái nhân tu tập mà điều lành được phát hiện).

2) Nếu trong tam-muội thấy có tướng nghiệp chướng phát hiện liền biết trong quá khứ chẳng gieo trồng thiện căn. Nghiệp chướng phát hiện ra sao? Cũng chia ra bốn thứ:

a. Một là nghiệp chướng biến hiện thành tướng hôn trầm, tối tăm che lấp. Tức là lúc niệm Phật liền bị mê ngủ, trầm ám, trì trệ, không thể nhớ rõ ràng khiến cho các thứ Thiên Quán chẳng thể khai phát được.

b. Hai là nghiệp chướng biến hiện thành tướng vọng niệm tán loạn. Lúc muốn tu Quán, tuy chẳng hôn trầm, nhưng sanh tà tướng, muốn làm các chuyện Tứ Trọng, Ngũ Nghịch, Thập Ác, hủy phá giới cấm v.v... [những ý tướng tà vậy ấy] cứ lần lượt nói tiếp nhau phát sanh, không lúc nào tạm ngừng. Do vậy, tam-muội chẳng thể hiện tiền được.

c. Ba là nghiệp chướng biến hiện thành tướng cảnh ác bức bách. Lúc sắp nhập Định, tuy không có vọng niệm, nhưng lại có cảnh ác, hoặc thấy lửa cháy, nước chìm, hoặc nghe chấn động, hoặc không có đầu, không có tay, hoặc từ

núi té xuống, hoặc rơi xuống biển. Các thứ bức bách như thế khiến cho [người tu Định] hoảng sợ, đạo tâm đã phát liền bị chướng ngại chẳng thể khởi được.

d. Bốn là nghiệp chướng biến hiện thành tướng bệnh tật, hay sự việc khổ não. Lúc đang niệm Phật, tuy không có những cảnh [bức bách như đã nói] trong phần trên đây, nhưng thân chợt sanh ra các thứ bệnh tật, khổ não trăm chiều, hoặc bị các thứ sự vụ thế gian lôi kéo chẳng dứt. Do vậy, chẳng vắng sanh, chẳng thể chứng nhập được!

Những nghiệp chướng như vừa kể trên đây đều là tướng biến hiện của quả báo do những nhân chẳng lành trong quá khứ cảm thành. Do vì hai pháp lành và ác này hiện tướng sẽ liền có thể suy nghiệm căn tánh của chính mình là thiện hay ác, và cũng biết được chính mình trong đời trước đã trồng thiện hay không, đã làm ác hay không làm ác. Thấy như thế xong, hễ thiện thì tu thêm để được viên mãn, còn ác thì đối trị cho trừ diệt. Làm thế nào để đối trị thì cũng chia ra thành bốn môn:

1) Một là trị diệt Hôn Trầm Chướng: Hãy nên dạy hành nhân niệm ba mươi hai tướng của Hóa Phật, tùy ý chọn lấy một tướng, hoặc chọn lấy tướng Bạch Hào để nhắm mắt tự quán. Nếu tâm ám độn, tướng lơ lửng chẳng thành, hãy nên đối trước một bức tượng Phật đoan nghiêm để nương theo đó nhập quán. Nếu chẳng quán thấy rõ ràng, liền mở mắt quán, rồi lại nhắm mắt. Lúc tưởng như thế, tâm nhãn mở toang sẽ phá được chướng ấy, không còn bị hôn trầm nữa!

2) Hai là trị diệt Vọng Niệm Chướng: Hãy nên dạy hành nhân quán Báo Thân Phật vốn sẵn có mười công đức, bốn Vô Sở Úy⁴⁹, mười tám pháp Bất Cộng, tam-muội, giải thoát, Nhất Thiết Chứng Trí, vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn, hiện khắp các sắc thân để lợi ích hết thảy. Thân thông biến hóa, dẹp tan ma vương, ngoại đạo. Niệm pháp lành công đức của Phật như thế thì hết thảy những tà ác, những pháp thuộc về Tâm Số⁵⁰ trong Tâm sẽ tự nhiên tiêu diệt.

3) Ba là trị diệt Ác Cảnh Chướng: Hãy nên dạy hành nhân niệm Pháp Thân Phật. Pháp Thân Phật chính là pháp tánh bình đẳng, không tịch, vô vi, chẳng có hình tướng. Đã không hình tướng thì làm sao có cảnh giới bức bách nữa? Do cảnh giới là Không, cho nên trị diệt được chướng ấy.

4) Bốn là trị diệt Bệnh Sự Chướng: Hãy nên dạy hành nhân niệm mười thân của Phật. Nương theo oai thế, lực trì, bốn nguyện, công đức, Bồ Đề của Phật, chẳng bị sự việc thế gian lôi kéo, bó buộc, nương vào phước đức, tướng hảo trang nghiêm nơi tướng Ý Sanh Thân⁵¹ của Phật để chẳng bị hết thảy bệnh khổ gây phiền não. Niệm Pháp Thân của Phật dường như hư không, theo trí lực ứng hóa hết thảy, chẳng giống như chúng sanh phiền não lấp thân, tám

khổ cùng nung đốt, chuyện đòi ràng buộc như tầm kéo kén, chẳng có ngày ngoi đầu ra được. Lúc niệm như thế, chướng này liền diệt. Nên biết bèn lòng niệm Phật công đức rộng lớn không chi chẳng thành, nghiệp chướng sâu nặng không chi chẳng diệt.

Hỏi: Niệm Phật thì Phật hiện, nhưng cũng có thể là ma hiện hay chẳng? Căn lành do niệm Phật phát sanh cũng có thể là do ma biến hiện hay chẳng?

Đáp: Phật có sức thần thông, sức oai đức, sức bản nguyện, ở trong đại quang minh ắt chẳng có ma sự. Nếu có kẻ nào túc chướng sâu dày và chẳng khéo dụng tâm thì mới có ma dấy lên. Hãy nên hiểu biết rõ ràng! Kinh luận nói có hai thứ:

1) Tướng tốt hiện ra không phù hợp với kinh thì là ma sự.

2) Hai là sự chẳng hợp với sự tu hành của chính mình thì là ma sự.

Còn như đối với thiện căn phát hiện, muốn phân biệt là do ma biến hiện hay chẳng phải do ma biến hiện thì cũng có hai cách sau đây:

1) Một là ước theo tâm cảnh lâu hay mau. Tức là các sự như thấy Phật, nghe pháp v.v... nếu là do thiện căn phát khởi thì [lại có hai trường hợp]:

a. Nếu cảnh tượng do thiện căn làm cái nhân [cảm thành] quả báo thì [cảnh lành] tạm hiện rồi liền mất.

b. Còn như do thiện tâm tu tập cảm thành thì [cảnh lành ấy] sẽ liên tục chẳng dứt.

Nếu là cảnh do ma tạo thì [cũng có hai trường hợp]:

a. Nếu là cảnh tượng do quả báo làm nhân thì sẽ lâu dài chẳng dứt, hoặc biến đi lại hiện ra, gây nhiễu loạn.

b. Nếu là do tâm lành tu tập đã lâu thì [cảnh lành] tạm hiện ra liền mất, hoặc trong giây lát liền biến thành ác niệm.

2) Hai là ước theo phiền não nặng hay nhẹ. Tức là lúc thấy tướng lành phát sanh, tâm thức bị động loạn, phiền não nặng thêm, nhiều thứ gây trở ngại chẳng có lợi cho Định tâm thì [cảnh lành ấy] chắc chắn do ma biến hiện. Nếu thấy tướng lành hiện ra, tuy chưa chứng Thiên Định mà thân tâm sáng suốt, an tịnh, thiện niệm dấy lên, phiền não nhẹ mỏng, hoặc tam-muội khai thông, thân tâm vui sướng, trong ngoài an ổn, khí sắc tươi nhuận, phiền não vắng lặng, công đức vòi vọi, đây chính là tướng được phát khởi bởi thiện căn.

Nếu tà chánh chẳng hiểu rõ, hãy nên dùng hai pháp để đối trị:

1) Một là Chi pháp, tức là thâm nhập tam-muội, nhất tâm niệm Phật. Đối với tướng hiện ra, biết là hư dối, chỉ giữ tâm bình tĩnh trụ trong Định, chẳng chấp lấy, chẳng buông bỏ. Lúc lắng lòng, lặng lẽ chẳng khởi phân biệt như thế, nếu là thánh cảnh thì Định lực càng sâu, tướng lành sẽ đúng với pháp.

Nếu là cảnh ma, chẳng lâu sau tướng được biến hiện ấy sẽ tự mất. Nếu nó có dấy lên thì cũng chẳng đúng với pháp.

2) Hai là Quán pháp, tức là quán Chân Không pháp giới, niệm Pháp Thân Phật giống như hư không để suy nghiệm tướng đã biến hiện ấy, chẳng thấy chỗ sanh. Vì tướng không tịch nên tâm niệm cũng tịch, biết Ma Giới Như chính là Phật Giới Như, lìa ngoài Chân Như sẽ không có một pháp tướng nào. Quán niệm như thế, Phật pháp tự sẽ hiện tiền, ma cảnh tự nhiên tiêu diệt.

Nhưng niệm Phật mà gặp ma cũng là trong một vạn trường hợp mới có được một! Ấy là vì người tu Tịnh nghiệp trọn đủ ba thứ lực: Một là niệm lực, hai là bổn hữu Phật tánh lực (sức của Phật tánh sẵn có trong tự tâm), ba là Phật nhiếp thủ lực (sức nhiếp thủ của Phật) thì làm sao tà ma có dịp nhiều hại? Do vậy, kinh Xung Dương Công Đức Chư Phật dạy rằng: “*Nếu có ai được nghe danh hiệu A Di Đà thì A Di Đà Phật liền ở ngay trước mặt người đó, ma chẳng thể phá hoại tâm Chánh Giác của người ấy được*”. Vì thế chỉ nên nhất tâm niệm Phật, đừng ngờ vực, lo lắng gì!

Từ chữ “*nói nhất định*” trở đi chính là lời giải đáp cho câu cật vấn. Do gạn rằng: “Như Lai là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, làm sao có Phật hiện tiền?” nên ở đây nói chung rằng: Do có hai ý nên chắc chắn thấy Phật.

1) Một là ước theo Tha Phật. Nghĩa là Pháp Thân chân Phật vốn không sanh diệt, do từ Chân mà khởi lên sự ứng hiện nên đến đi chẳng trở ngại gì! Do vậy, tâm tịnh Phật hiện, tâm như Phật diệt. Ví như nước trong lặng, trăng liền hiện bóng; nước đục, ánh trăng liền mất.

2) Hai là ước theo Tự Phật (Phật ở trong tự tâm của chính mình), tức là đức Phật trong cái tâm Bổn Giác vốn chẳng đến đi, chỉ do giác hay không giác [mà nhận biết đức Phật ấy], hiện ra hay mất đi chẳng trở ngại gì. Do vậy, hễ tâm mê thì Phật ẩn, tâm ngộ thì Phật hiển hiện. Ví như gương đóng bụi thì tối tăm, gương sạch bèn tỏa sáng.

Từ chữ “*đoạn này*” trở đi cũng nhằm giải thích điều nghi. Gạn rằng: “Hai thứ thí dụ trong phần trước đều hàm ý Như Lai niệm chúng sanh, [trong thí dụ này] sao chẳng nhắc đến chuyện Phật niệm [chúng sanh] vậy?” Bởi vậy, giải đáp rằng: Do chúng sanh chẳng có tín nguyện nên ở đây đôi ba lần khuyên lơn [chúng sanh niệm Phật], còn Phật nghĩ tới chúng sanh chính là do Phật tự nguyện, cần gì phải nói tới nữa!

---o0o---

2.5.2.1.2.2.2. Chứng quả

- Gồm hai phần:
- Thuyết pháp
 - Dùng thí dụ để giảng rõ

---o0o---

2.5.2.1.2.2.2.1. Thuyết pháp

Chánh kinh:

Khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai.

(Cách Phật chẳng xa, chẳng cần phương tiện, tâm tự được mở mang)

Sớ: Câu thứ nhất tóm ý tu nhân đã nói trong phần trên. Câu thứ hai giảng rõ về quả tướng (tướng trạng của cái quả do tu nhân) vậy.

“*Bất viễn*” (chẳng xa): [Gồm hai cái thấy]:

1) Nếu hiện tiền thấy Phật thì đối với Sự niệm (niệm Phật theo mặt Sự) sẽ thấy Tha Phật, trước hết thấy đức Phật bằng cái thân sắc tướng, sau đây thấy được đức Phật thật sự nơi Pháp Thân. Nếu là Lý niệm sẽ thấy Tự Phật (đức Phật ở trong tự tâm của chính mình), trước hết sẽ thấy Phật bằng Phần Chứng Giác, sau đây thấy được Phật bằng Cứu Cánh Giác (sự giác ngộ rốt ráo).

2) Nếu là tương lai thấy Phật thì đối với Sự niệm sẽ thấy Tha Phật, tức là trước hết thấy Hóa Thân Phật rồi sau đây sẽ thấy Báo Thân Phật. Nếu là Lý niệm sẽ thấy Tự Phật, trước hết thấy được Bản Giác Phật, sau đây thấy Diệu Giác Phật. Do vậy, nói: “*Khứ Phật bất viễn*” (Cách Phật chẳng xa).

“*Bất giả phương tiện*” (Chẳng cần tới phương tiện): Nếu ước theo Sự thì pháp môn Niệm Phật là phương tiện thù thắng, dễ dàng, chẳng cần phải nhờ đến phương tiện nào khác để giúp hiển lộ bản tánh của chính mình. Nếu ước theo Lý, niệm Phật chính là niệm tâm. Tâm và Phật không khác, ta lẫn người chẳng hai. Há có cần rời lìa đức Phật chỉ ở ngay trong tự tâm để cậy vào đức Phật nào khác ở ngoài tâm nữa hòng làm phương tiện hay sao?

“*Tự đắc tâm khai*” (tâm tự được mở mang) là do tâm niệm Phật mà nhập tri kiến của Phật, viên mãn Bồ Đề, trở về vô sở đắc. Xét theo mặt Sự thì là thành tựu, chứng đắc Phật quả. Xét theo Lý thì chính là giác thể viên mãn hiển lộ. Ấy gọi là “*chỉ thấy Phật Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ?*”

Sao: Từ chữ “*câu thứ nhất*” trở đi là phần nêu vấn đề sơ lược. Từ chữ “*chẳng xa*” trở đi là phần giải thích chữ “*hiện tiền*” v.v...

Gạn rằng: Ở trên đã nói “*thấy Phật*”, nay sao lại nói “*cách Phật chẳng xa?*” Do vậy, ở đây bèn giải thích: “*Thấy Phật*” được nói trong đoạn trước chỉ là phần sắc tướng được hóa hiện (Hóa Thân) từ Bản (Pháp Thân); còn “*cách Phật*” được nói trong đoạn này chính là Pháp Thân rốt ráo và Báo Thân màu nhiệm nên ý nghĩa chẳng bị mâu thuẫn. Cũng có thể giải thích như sau: Do thấy Phật nên chúng sanh và Phật ở cùng một chỗ, ví như hình với bóng chẳng hề tách rời, mâu thuẫn nhau.

---o0o---

2.5.2.1.2.2.2.2. Dùng thí dụ để giảng rõ

Chánh kinh:

Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tác danh viết Hương Quang Trang Nghiêm.

(Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm).

Sớ: Hai câu đầu nêu thí dụ. Trong phần Pháp [vừa được nói trong đoạn trên đây] thì do thân gần gũi với thân Phật, tâm sẽ được mở mang, phát khởi thành tâm của Phật. [Trong đoạn này, lại đem phần Pháp] hợp với phần Dụ “người được thấm đượm hương thì thân cũng có mùi thơm”. Hai câu kế đó là nêu tên [của tam-muội và pháp môn], tức là dùng hương quang (mùi thơm và ánh sáng) nơi Pháp Thân của Như Lai để trang nghiêm Bản Giác Như Lai trong tự tâm. Như kinh Hoa Nghiêm dùng Chiên Đàn, trầm thủy hương v.v... để sánh ví Bồ Đề tâm; nay kinh này cũng dùng những loại danh hương của trời người để sánh ví hương thơm công đức nơi Pháp Thân của Như Lai vậy.

Sao: Từ chữ “*trong phần Pháp*” trở đi, nếu ước theo Pháp mà nói thì do sử dụng loại danh hương Niệm Phật, gần gũi với thân hương của Phật, nên khơi mở được tâm hương của Phật. [Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm], Chúc Hương trưởng giả nói tới loại hương “phát tâm niệm Phật” chính là nhằm diễn tả ý này.

Từ chữ “*hợp với phần Dụ*” trở đi là như luận Khởi Tín đã nói: “*Như y phục của thế gian quả thật không có mùi thơm. Nếu người ta dùng hương để xông ướp liền có mùi thơm. Vô minh nhiễm pháp quả thật không tịnh nghiệp, chỉ dùng Chân Như để xông ướp thì sẽ có tịnh dụng (tác dụng thanh tịnh)*”. Vô minh nhiễm hương chính là Bản Giác Phật sẵn có trong cái tâm bị ẩn giấu trong cái vỏ vô minh. Luận ấy (tức luận Khởi Tín) bàn về Như Lai Tạng tâm

còn đang bị phiền não vây bủa; nay kinh này nêu thí dụ để chỉ cho Như Lai Tạng tâm đã thoát khỏi triền phược, nên nói là “*tâm khai*”, tức là do tâm mở mang nên thành Phật bởi đã gần với Phật vậy. Như thân sạch sẽ trở thành thơm tho là vì dùng hương bôi lên. Nếu dựa theo Tướng tông để phán định thì nên nói như sau: Niệm Phật là pháp Có, do tâm Phật được mở mang. Luận về Nhân thì nói “*cách Phật chẳng xa*”; giống như trong thí dụ người nhiễm hương⁵². [Tương tự], hương và người là pháp Có, thân có hương quang trang nghiêm. Luận về Nhân thì nói “*nhiễm hương*”, về phần Dụ thì giống như trong đoạn “*nói về người niệm Phật*”.

“*Hai câu kể đó là nêu tên*” chính là nêu tên của tam-muội, đây cũng là tên của pháp môn. Từ chữ “*như kinh Hoa Nghiêm*” trở đi là như trong quyển bảy mươi tám của kinh ấy có nói:

“*Như hương Bạch Chiên Đàn nếu dùng để bôi thân sẽ trừ được nhiệt não, khiến cho được thanh lương; Bồ đề tâm hương có thể trừ nhiệt não tham, sân, si v.v... khiến cho đầy đủ trí huệ thanh lương.*”

Lại như hương Hắc Chiên Đàn cõi trời, nếu đốt một thù⁵³ sẽ xông khắp ngàn cõi; một niệm công đức của Bồ Đề tâm hương xông khắp pháp giới.

Lại như Chuyển Luân vương có món báu trăm hương tên là Tượng Tạng, nếu đốt hương này, bốn loại binh của vua đều bay lên không; Bồ Đề tâm hương nếu vừa được phát khởi sẽ khiến cho hết thấy thiện căn [được phát sanh], mãi mãi lìa khỏi ba cõi.

Lại như cây Ba Lợi Chát Đa La⁵⁴, hết thấy hoa hương chẳng thể sánh bằng mùi hương của vỏ cây ấy; cây Bồ Đề tâm phát ra mùi thơm đại nguyện công đức, hết thấy ngũ phận pháp hương của Nhị Thừa đều chẳng sánh bằng.

Lại như đem hoa Ba Lợi để xông ướp y một ngày, dầu đem các thứ hoa như Chiêm Bặc v.v... để xông ướp ngàn năm vẫn chẳng sánh bằng! Hương công đức vô lậu của Nhị Thừa dầu xông ướp trong trăm ngàn kiếp vẫn chẳng sánh được bằng hương công đức của Bồ Đề tâm hoa chỉ xông ướp trong một đời”.

“*Hương của trời người*” là như kinh Hoa Nghiêm đã chép:

“*Trong nhân gian có loại hương tên là Tượng Tạng, do rồng đánh nhau mà sanh ra. Nếu thiêu một hoàn, trời sẽ mưa hương bảy ngày. Nếu ai đeo hương ấy [thân] liền thành sắc vàng ròng. Chúng sanh ngửi được [mùi hương ấy] sẽ vui sướng bảy ngày, chẳng có các bệnh.*”

Núi Ma La Da sanh ra một loại hương Chiên Đàn tên là Ngưu Đầu, nếu bôi lên thân, lửa chẳng thể đốt được.

Trong biển có một loại hương tên là Vô Năng Thắng, nếu bôi vào ốc (tù và), trống, lúc [những thứ ấy] phát ra tiếng, địch quân đều tan vỡ.

Bên bờ ao A Na Bà Đạt Đa sanh ra một loại Trầm Thủy hương tên là Liên Hoa Tạng; nếu thiêu một hoàn, xông khắp cõi Diêm Phù, kẻ nguỉ thấy sẽ lìa tội, giới phẩm thanh tịnh.

Núi Tuyết có loại hương tên A Lô Na, nếu có ai nguỉ đợc sẽ lìa các cầu nhiễm.

Trong cõi La Sát có loại hương tên là Hải Tạng, lúc Luân Vương đót lên, vua cùng bốn đạo quân đều bay lên hư không.

Trong cõi trời Thiện Pháp có loại hương tên là Tịnh Trang Nghiêm. Nếu đót một hoàn để xông sẽ khiến cho khắp mọi chư thiên tâm niệm đợc Phật.

Trời Tu Dạ Ma có loại hương tên Tịnh Tạng, nếu đót lên để xông thì Dạ Ma thiên chúng tụ họp ở chỗ thiên vương để cùng nhau nghe pháp.

Trong trời Đâu Suất có loại hương tên là Tiên Đà Bà, nếu đót một hoàn, sẽ mưa khắp hết thấy các thứ vật cúng để cúng dường chư Phật, Bồ Tát.

Cõi trời Phổ Biến Hóa có loại hương tên là Đoạt Ý, nếu thiêu một hoàn thì trong bảy ngày sẽ mưa khắp hết thấy những món đồ trang nghiêm”.

Thanh Lương Sớ Sao giải thích đoạn kinh trên như sau:

“Đầu tiên là thí dụ Bồ Đề Tâm hương, tiếp đó là Nhân hương, lửa sân chẳng bốc cháy. Thứ ba là Tinh Tấn hương, ma quân lui tan. Loại thứ năm cũng như loại hương kế tiếp đó chính là Ngũ Phận Pháp Thân hương và Tứ Giới hương, có thể nhận biết dễ dàng. Loại hương thứ năm chính là Định hương, đặc Ly Cấu tam-muội, loại thứ sáu là Huệ hương. Vua cùng bốn đạo binh đều bay lên không là do Huệ mà chứng Không vậy. Loại thứ bảy là Giải Thoát hương, tâm niệm nơi Phật, thoát đợc Ngũ Dục. Loại thứ tám là Tri Kiến hương, nhóm họp giống như mây để nghe pháp chính là tri kiến vậy. Loại thứ chín là Xưng Pháp Giới hương. Tiên Đà Bà⁵⁵ còn có tên khác là Tứ Thật. Ở đây nên hiểu [Tiên Đà Bà] nghĩa là muối, hương giống như vậy. Loại thứ mười là hương mất hết cả Năng lẫn Sở nên gọi là Đoạt Ý”. Nay hương Pháp Thân của Phật có đủ các công đợc cũng giống như thế đó.

---o0o---

2.5.2.2. Lược thuật sự tu hành của chính mình

Gồm hai phần:

1. Tự lợi
2. Lợi tha.

---o0o---

2.5.2.2.1. Tự lợi

Chánh kinh:

Ngã bốn nhân địa, dĩ niệm Phật tâm nhập Vô Sanh Nhân.

(Lúc con tu nhân vốn là dùng tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân)

Sớ: “*Bốn nhân*” chính là nhân, Vô Sanh là quả. Câu kệ tiếp bóc trần cái quả để phô bày cái nhân. [Bồ Tát dùng chữ] “*tâm*” để thuật rõ chính mình niệm Phật chẳng dùng ý thức phân biệt để niệm mà là nhiếp trọn sáu căn, nhất tâm bất loạn để niệm. “*Nhập*” là chứng. “*Nhân*” là trí.

“*Vô Sanh*”: Ước theo Lý tánh để nói thì do huệ tâm an trụ trong Lý vô sanh, nên gọi là Vô Sanh Nhân. Thanh Lương Sớ giảng: “*Nếu ước theo Nhân thì lý vô sanh chính là Vô Sanh Nhân. Nếu ước theo trí vô sanh và phiền não chẳng sanh thì Vô Sanh chính là Nhân*”. Vô sanh pháp tánh từ đầu đến cuối chẳng khác, nhưng chứng nhập Pháp Nhân thì địa vị chẳng giống nhau. Lăng Nghiêm Kinh quyển thứ ba chép: “*Người ấy liền đắc Vô Sanh Pháp Nhân*”. Tín Lực Nhập Ân Độ Kinh 56 chép: “*Pháp Vô Sanh Nhân chính là địa vị Quán Huệ thanh tịnh thứ nhất, đạt được chỗ đại an ổn vô úy, tức là Bồ Tát sanh tâm như thế này: Ta đã trụ được trong Vô Sanh Nhân nên sanh tâm an ổn, vì làm cho người khác trụ Vô Sanh Nhân nên lòng được an ủi*”. Nhân Vương Kinh nói: “*Vô Sanh Nhân Bồ Tát chính là các Bồ Tát thuộc những địa vị Viên, Bất Động, Quán Huệ*”. Viên chính là địa vị thứ bảy, tức Viên Hành Địa (trong phẩm vị Thập Địa Bồ Tát). Bất Động chính là địa vị thứ tám, tức Bất Động địa. Quán Huệ chính là địa vị thứ chín, tức Thiện Huệ địa. Do vậy, biết Nhân bắt đầu là từ ba địa vị ấy mà tiến dần lên, đến cuối cùng là địa vị Đẳng Giác bởi lẽ ngài Thế Chí thuộc địa vị Bồ Xứ vậy.

Câu trên (tức câu “*dùng tâm niệm Phật*”) là tu chứng, còn câu này (tức câu “*để nhập Vô Sanh Nhân*”) chính là cái được Ngài ngộ chứng. Nghĩa là dùng tịnh niệm chân chánh trừ diệt vọng tưởng như đục, tà vạy, nội tướng chẳng khởi, ngoại cảnh tự vắng lặng, nội pháp lẫn ngoại pháp đều là Không, hết thấy vô sanh. Nhân Vương Kinh nói: “*Hết thấy pháp là Không nên đắc Vô Sanh Nhân*”. Hơn nữa, Vô Sanh Nhân còn gọi là Vô Diệt Nhân, hoặc Vô Trụ Nhân. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Vô Sanh Nhân là chẳng thấy có chút pháp nào sanh, mà cũng chẳng thấy chút pháp nào diệt. Vì có sao? Nếu vô sanh sẽ vô diệt. Nếu không sanh diệt sẽ không có trụ xứ*”. Nay niệm Hóa Thân Phật, chứng đắc Không Như Lai Tạng trí thì gọi là “*nhập Vô Sanh Pháp Nhân*”. Niệm Báo Thân Phật, chứng đắc Bất Không Như Lai Tạng trí thì gọi là “*nhập*

Vô Diệt Pháp Nhân”. Niệm Pháp Thân Phật, chúng đấng Không Bất Không Như Lai Tạng trí thì gọi là “*nhập Vô Trụ Pháp Nhân*”.

Đây cũng là nêu lên một pháp đề gồm thâu các pháp khác. Nếu chỉ nhận được Vô Sanh thì bậc thánh nhân bên Tiểu Thừa cũng có, há đủ để coi là Nhân sâu màu của bậc Đẳng Giác hay sao?

Sao: “*Nhiếp trọn sáu căn*” là xoay ngược trở về một, sáu công dụng [của sáu căn] đều chẳng hiện hành. “*Nhất tâm bất loạn*” là nương vào một tạng tâm nên các niệm khác chẳng sanh. Niệm nghĩa là tâm làm chủ thể để niệm, Phật là đối tượng được niệm. Niệm bao gồm cả Năng lẫn Sở. “*Nhẫn tức là trí*” [ý nghĩa đã rõ rệt nên] chẳng lập lại ý tưởng trong lời Sở.

Từ chữ “*Thanh Lương Sở*” trở đi, bèn có lời Sao như sau: Vô Sanh Nhân có hai nghĩa:

1. Một là cùng nói về Lý lẫn Trí.
2. Hai là chỉ nói riêng về Trí.

Lại có hai nghĩa:

1. Một là trí chẳng sanh, tức Vô Phân Biệt trí, bản thể của nó không có những ý niệm suy lường.
2. Hai là phiền não chẳng sanh do vọng tưởng chẳng dấy động.

Từ chữ “*Vô Sanh pháp*” trở đi là phán định địa vị. Từ chữ “*câu trên*” trở đi, nêu duyên do đấng Nhân. Từ chữ “*Hơn nữa, Vô Sanh Nhân*” trở đi là ước theo nghĩa Biệt tướng để giải thích [Vô Sanh Nhân]. Câu “*Nếu vô sanh sẽ vô diệt...*” nếu nói đầy đủ sẽ như sau:

Nếu vô sanh sẽ vô diệt. Nếu vô diệt sẽ vô tận. Nếu vô tận sẽ lìa cấu, nếu lìa cấu sẽ không sai biệt. Nếu không sai biệt sẽ không có xứ sở. Nếu không có xứ sở sẽ tịch tĩnh. Nếu tịch tĩnh sẽ ly dục. Nếu ly dục sẽ vô tác. Nếu vô tác sẽ vô nguyện. Nếu vô nguyện sẽ vô trụ. Nếu vô trụ sẽ không đến không đi. Vô sanh, chẳng đến, lìa dục, vô tác, vô nguyện là Không. Vô diệt, vô tận, chẳng đi là Bất Không. Lìa cấu, vô sai biệt, không xứ sở, tịch tĩnh, vô trụ là Không Bất Không. Từ chữ “*nay niệm Hóa Thân Phật*” trở đi, nếu đem phối hợp với ý trên đây sẽ hiểu được ý nghĩa.

Từ chữ “*đây cũng là*” trở đi là lời đáp cho câu vấn nạn. Nạn rằng: “Nếu đã có các pháp như Vô Diệt Nhân v.v... có sao chỉ nói một mình Vô Sanh Nhân?” Đáp rằng: Ở đây có hai ý:

- 1) Một là nêu cái chung để bao gồm những cái riêng, nên chỉ nói Vô Sanh.

2) Hai là dùng cái ban đầu để kể gộp những cái về sau nên chỉ nói tới Vô Sanh, chứ thật ra đúng lý là trọn đủ các Nhẫn.

Từ chữ “*nếu chỉ*” trở đi cũng là lời đáp cho câu vấn nạn. Nạn rằng: Chỉ ước theo Lý của pháp Vô Sanh, chẳng bao gồm các pháp như Vô Diệt Nhẫn v.v... sẽ phạm lỗi gì? Đáp rằng: Nhẫn của bậc Đăng Giác thuộc về những pháp như Vô Diệt Nhẫn v.v... nên chẳng phải là nông cạn, gàn gù. Nếu [Nhẫn của bậc Đăng Giác] chỉ là Vô Sanh thì Tiểu Thừa cũng chứng được, sao đủ để coi là sâu xa, huyền diệu!

---o0o---

2.5.2.2.2. Lợi Tha

Chánh kinh:

Kim u thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy u Tịnh Độ.

(Nay con ở trong thế giới này nhiếp người niệm Phật quay về Tịnh Độ).

Sớ: “*Thử giới*” (cõi này) chính là thế giới Sa Bà khổ sở, “*Tịnh Độ*” là cõi An Dưỡng vui sướng. “*Nhiếp*” là gìn giữ, tiếp dẫn. Lúc còn sống thì dùng oai lực để gia trì khiến cho [người niệm Phật] chẳng lui sụt sự niệm Phật ấy. Lúc lâm chung, dùng nguyện lực tiếp dẫn cho kẻ ấy được vãng sanh. “*Quy*” là trở về. Cõi này là chỗ quán trọ, cõi kia là quê nhà. Ví như có người vì có việc phải đi xa, chưa quay về được, nay gặp bạn thân chỉ cho đường nẻo, mau chóng trở về quê nhà. Người nhiếp là đức Thế Chí, kẻ được nhiếp là hành nhân. Nhiếp bao gồm cả Năng lẫn Sở, ý nghĩa của chữ Quy cũng như thế. Người quay về là hành nhân, chỗ để quay về là Tịnh Độ. Quy bao gồm cả Năng lẫn Sở, đây là pháp Niệm Phật. Có năm pháp môn để thấy được đức Phật trong năm cõi, tức là:

1) Ước tưởng ngoại cảnh niệm Phật thì sanh về cõi biến hóa (hóa độ), thấy thân biến hóa (tức Hóa Thân) của đức Phật.

2) Thân nhiếp cảnh quy về tâm để niệm Phật thì sanh vào Liệt Thọ Dụng Độ (cõi có thân Tha Thọ Dụng bậc kém), thấy thân Thọ Dụng bậc kém của đức Phật.

3) Tâm lẫn cảnh dung thông niệm Phật sẽ sanh về cõi Thắng Thọ Dụng độ, thấy được thân Thọ Dụng thù thắng của Phật.

4) Tâm lẫn cảnh đều mất mà niệm Phật sẽ sanh vào Pháp Tánh độ, thấy thân pháp tánh của đức Phật.

5) Viên thông vô tận niệm Phật sẽ sanh về cõi pháp giới vô chướng ngại, thấy thân pháp giới vô chướng ngại của đức Phật.

Chữ “*người*” [trong câu “*niếp người quay về Tịnh Độ*”] chỉ cho căn cơ. Có đủ ba diệp huệ Văn, Tư, Tu, có ba tư lương Tín, Hạnh, Nguyện thì được gọi là “*người niệm Phật*”.

Hỏi: Nếu làm hạnh Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhưng cũng có đầy đủ ba món tư lương và diệp huệ thì có được sanh về cõi ấy hay chăng?

Đáp: Tuy phạm các lầm lỗi, nhưng hễ có Tín - Nguyện - Hạnh đối với cõi Phật ấy thì cũng gọi là pháp khí; như trong Tam Bối (ba bậc vãng sanh) hoặc chín phẩm vãng sanh thì Hạ Bối Hạ Phẩm chính loại này.

Hỏi: Niệm Phật bao lâu mới được thấy Phật sanh về Tây phương?

Đáp: Tùy theo căn cơ, chẳng nhất định! Có người trì suốt đời, hoặc có người trì trong chín mươi ngày, hoặc bốn mươi chín ngày, hoặc bảy ngày, hoặc mười ngày, hoặc mười niệm, hoặc một niệm. Chỉ cần xưng danh, ắt được thấy Phật. Huống hồ còn có bổn nguyện của Phật Di Đà, lại được đức Thế Chí nhiếp thọ, há có kẻ niệm Phật nào mà chẳng sanh về Tây Phương ư?

Sao: “*Cõi này khổ sở, Tịnh Độ vui sướng*”, tức là cõi này có đủ tám nỗi khổ: Sanh thì ở trong thai ngục, tuổi già ngán ngẩm chân tay run rẩy, mắc bệnh trầm kha, chết thì đau xót bởi chia lìa, yêu thương muốn tụ họp thì lại bị chia phôi, oán ghét muốn trốn tránh mà cứ phải gặp gỡ, mong cầu hễ muốn được lại bị mất, cho đến năm Ấm lầy lưng. Còn trong cõi Cực Lạc: Hóa sanh trong hoa sen nên không bị khổ sở khi sanh; do lạnh nóng chẳng thay đổi nên không bị khổ vì già; thân xa lìa Phần Đoạn⁵⁷ nên không bị bệnh khổ; do thọ mạng vô lượng nên không khổ vì chết; không có cha, mẹ, vợ con nên không khổ sở vì yêu thương bị chia lìa; thượng thiện nhân tụ hội nên không khổ vì oán ghét mà cứ phải gặp gỡ; mong gì đều tự có nên không khổ vì cầu chẳng được; quán chiếu không tịch nên không khổ vì Ngũ Ấm lầy lưng.

Từ Vân sám chủ nói: “*Chẳng gặp Phật, chẳng nghe pháp, bạn ác buộc ràng, lũ ma nào loạn, hứng chịu luân hồi, đọa trong nẻo ác, trần duyên chướng đạo, thọ mạng ngắn ngủi, tu hành lui sụt, dẫu trải nhiều kiếp như bụi trần vẫn khó thể thành tựu. Đây chính là mười sự khổ trong cõi Ta Bà. Thường thấy Phật, luôn nghe pháp, thánh hiền tụ hội, rời lìa ma sự, dứt luân hồi, không ác đạo, duyên thù thắng trợ đạo, thọ mạng vô lượng, nhập Chánh Định Tu, hạnh viên mãn trong một đời. Đây chính là mười thứ vui cõi An Dưỡng vậy*”.

Từ “*nghĩa của chữ Quy*” trở đi, Thanh Lương Trinh Nguyên Số58 có đoạn: “*Hỏi: Chẳng sanh vào Hoa Tạng mà sanh về Cực Lạc, là vì sao vậy?*”
Đáp: Có bốn ý:

1. Một là do có duyên. Đức Di Đà nguyện sâu nặng, chuyên tiếp độ người Sa Bà.

2. Hai là khiến cho chúng sanh quy hướng tình thức về một mối. Nếu nói mười phương đều tốt đẹp, kẻ sơ tâm sẽ bối rối, không có chỗ để dựa nương.

3. Ba là do [Cực Lạc] chẳng rời khỏi Hoa Tạng. Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi, tức là thuộc tầng mười ba của Hoa Tạng thế giới, chưa ra ngoài sát chủng⁵⁹.

4. Bốn là vì [A Di Đà Phật] chính là Bốn Sư [Thích Ca Mâu Ni Phật]. Kinh chép: ‘Hoặc có kẻ thấy Vô Lượng Thọ Phật được Quán Tự Tại v.v... vây quanh, đã khen ngợi đức hạnh của bốn tôn [Tỳ Lô] Giá Na như thế’. Há chẳng phải là đức Bốn Sư đã dùng tên khác để hóa độ ư? Về Sư thì là từ cõi này sanh về cõi kia, thấy đức Di Đà ở trong Cực Lạc; nhưng trong Lý thì chỉ là bỏ cái Bất Giác, trở về với Bốn Giác, thấy tự tánh, trụ trong duy tâm!”

Hỏi: Đã là vạn pháp duy tâm, sao lại thấy cõi này vui, cõi kia khổ? Chúng sanh và Phật có đến và đi vậy?

Đáp: Cõi có khổ hay vui, tức là tâm tướng nhơ hay sạch. Chúng sanh có đến hay đi là do tâm mê hay ngộ. Nhơ, sạch, mê, ngộ như thế trọn chẳng rời lìa pháp giới! Cho nên nói: “Ngoài tâm không có pháp”. Kinh Lăng Già cũng dạy: “Nếu hết thấy đều là tâm, thế gian không có trụ xứ, có sao lại thấy đại địa, chúng sanh có đến đi? (đây là lời vấn nạn) Như chim bay (ví cho chúng sanh) trên hư không (ví cho tự tâm) tùy khả năng mà bay đi (ví như thức phân biệt. Nghĩa là trong hư không tự tâm về sau lại hiện ra chim chúng sanh. Những con chim chúng sanh ấy lại ở trong hư không tự tâm, thuận theo cái thức phân biệt mà đến đi, qua lại), không nương cũng không trụ giống như đi trên đất (nghĩa là hư không tự tâm tuy không có chỗ để nương tựa, ở, đậu, nhưng lại có thể khiến cho chim chúng sanh giống như đi trên đất bằng, dường như có chỗ để nương tựa, ở đậu). Chúng sanh cũng giống như vậy, tùy theo phân biệt hư vọng mà đi lại trong tự tâm giống như chim lượn trên hư không” (lời đáp chính là lời giải thích. Bốn câu trước là thí dụ, ba câu sau là Hợp).

“Văn, Tư, Tu”: Nghe nói danh hiệu của Phật là Văn Huệ. Nhớ tưởng trong lòng là Tư Huệ, trì niệm chẳng quên là Tu Huệ. Phật Địa Luận chép: “Bồ Tát mang đép Tam Diệu Huệ trở về Tịnh Độ”. Giải rằng: Do Văn, Tư, Tu mà được vào Tịnh Độ, cho nên người niệm Phật cần phải trọn đủ ba Huệ.

“Tín, Hạnh, Nguyện”: Nghe nói môn Niệm Phật tâm chẳng nghi ngờ thì là Tín. Tin rồi hiểu biết, dấy lòng ưa muốn thì gọi là Nguyện. Nguyện xong liền niệm, tâm siêng năng tinh tấn thì gọi là Hạnh. Kinh Di Đà dạy: “Nếu có kẻ nào tin tưởng, hãy nên phát nguyện, chấp trì danh hiệu”.

“Tuy phạm các lỗi” là như Quán Kinh Sao đã giảng: “Kẻ phạm phu sát đất trong cõi này thuộc Tà Định Tu. Kẻ phát tâm tu hành, chưa được Bất Thoái thì thuộc Bất Định Tu. Đã được Bất Thoái thì thuộc Chánh Định Tu. Nếu sanh về An Dưỡng sẽ chẳng luận cao hay thấp. Vì có sao vậy? Kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, lâm chung mười niệm, được vãng sanh thì cũng được Bất Thoái, trở thành Chánh Định Tu”. Dựa theo đây, biết là tội nhân niệm được mười niệm liền được coi là pháp khí, trái ngược với người đời, tuy hành các điều thiện nhưng đối với cõi Phật chẳng có Tín - Nguyện - Hạnh kia thì vẫn chẳng được gọi là pháp khí vậy.

“Tam bói, chín phẩm”:

- Nếu phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, chẳng hủy báng Tam Bảo, tu công đức lớn lao, chuyên niệm Di Đà, nguyện sanh về cõi kia thì Chân Phật sẽ đến đón, ngồi trên hoa sen bảy báu, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Đây gọi là Thượng Bói, kiêm thêm hạnh Lợi Tha.

- Nếu phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, chẳng hủy báng chánh pháp, tu chút công đức, chuyên niệm danh hiệu Phật, hồi hướng nguyện vãng sanh thì Hóa Phật đến đón, ngồi trong hoa sen, sanh về cõi kia, trụ Bất Thoái Chuyển, công đức trí huệ. Đây gọi là Trung Bói, chỉ có hạnh tự lợi.

- Nếu phát Bồ Đề tâm, cũng tin nhân quả, chẳng hủy báng chánh pháp, chẳng tạo tội Ngũ Nghịch, tuy không có công đức, chuyên niệm danh hiệu Phật mười tiếng hoặc một tiếng. Lúc lâm chung, mộng thấy đức Phật kia cũng được vãng sanh, công đức trí huệ. Đây gọi là Hạ Bói.

- Chẳng khuyết hai lợi hạnh (tự lợi và lợi tha), nếu bảy ngày bảy đêm lễ niệm danh hiệu Phật, tam tâm (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm) sáu niệm (niệm Phật, pháp, tăng, thiên, thí, giới), đọc kinh hiểu nghĩa, tin sâu nhân quả, trì giới, lợi sanh, phát tâm phát nguyện, hồi hướng cầu vãng sanh (đây là nhân), Chân Phật cùng Hóa Phật đến đón, ngồi đài kim cang, hoa sen liền nở, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, chư Phật thọ ký (đây là quả). Đây gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

- Nếu năm ngày năm đêm, chuyên dốc lòng niệm Phật, chẳng hủy báng Tam Bảo, khéo hiểu nghĩa lý, phương hướng, tin sâu nhân quả, trì giới, hoằng pháp, phát đại tâm nguyện, hồi hướng cầu sanh (đây là nhân), chân Phật và hóa Phật đến đón, ngồi đài tứ kim, qua một đêm hoa nở, thấy Phật, nghe pháp. Bảy ngày sau chẳng lui sụt Bồ Đề. Trong một tiểu kiếp, đắc Nhẫn, được Phật thọ ký (đây là quả). Đây gọi là Thượng Phẩm Trung Sanh.

- Nếu bảy ngày hoặc năm đêm, chí tâm niệm Phật, chẳng hủy báng Tam Bảo, tin sâu nhân quả, trì giới, lợi sanh, phát đại đạo tâm, hồi hướng cầu vãng sanh (đây là nhân), Chân Phật cùng Hóa Phật đến đón, ngồi tòa sen vàng, qua

một ngày một đêm hoa nở, trong vòng bảy ngày sẽ thấy Phật, hai mươi mốt ngày sau được nghe pháp. Sau ba tiểu kiếp mới trụ Hoan Hỷ địa (đấy là quả). Đây gọi là Thượng Phẩm Hạ Sanh.

Ba phẩm như thế thuộc về Thượng Bối như đã nói trong phần trên, đều kiêm hạnh lợi tha.

- Nếu ba ngày ba đêm, lễ niệm danh hiệu Phật, giữ các trai giới, phát tâm, phát nguyện, hồi hướng cầu vãng sanh (đây là nhân), Chân Phật đến tiếp dẫn, ngồi đài hoa sen, vãng sanh Tịnh Độ. Hoa sen liền nở, nghe pháp Tứ Đế, đắc quả La Hán (đấy là quả). Đây gọi là Trung Phẩm Thượng Sanh.

- Nếu một ngày một đêm, xưng niệm Di Đà, giữ tám giới hay mười giới, phát tâm, phát nguyện, hồi hướng cầu vãng sanh (đây là nhân), Chân Phật đến tiếp dẫn, ngồi trên hoa sen bảy báu. Qua bảy ngày hoa nở, đắc quả Tu Đà Hoàn. Sau nửa kiếp mới thành quả La Hán (đấy là quả). Đây gọi là Trung Phẩm Trung Sanh vậy.

- Nếu một ngày một đêm chuyên dốc lòng niệm Phật, hiếu dưỡng, nhân từ, lâm chung gặp thiện tri thức chỉ bày pháp môn Tịnh Độ (đây là nhân), mạng hết liền ngồi trên hoa sen sanh sang cõi kia. Bảy ngày sau nghe pháp, đắc quả Tu Đà Hoàn. Qua một tiểu kiếp, thành A La Hán (đấy là quả). Đây gọi là Trung Phẩm Hạ Sanh.

Ba phẩm như thế thuộc về Trung Bối đã nói trong phần trước, chỉ làm hạnh tự lợi.

- Nếu chẳng bán chánh pháp, cũng làm các điều ác, lúc mạng chung nghe tên kinh, xưng niệm Di Đà, cho đến nửa ngày hoặc nửa đêm (đây là nhân), Hóa Phật đến tiếp dẫn, ngồi trên hoa sen báu, qua bốn mươi chín ngày hoa nở, nghe pháp, phát tâm Bồ Đề, qua mười tiểu kiếp được nhập Sơ Địa (đấy là quả). Đây gọi là Hạ Phẩm Thượng Sanh.

- Nếu phá giới, trộm cắp, nhưng chẳng bán Tam Bảo, lúc lâm chung nghe pháp Tịnh Độ, xưng niệm danh hiệu Phật qua một thời một khắc (đây là nhân), Hóa Phật đến tiếp dẫn, ngồi trên hoa sen, qua sáu kiếp sau hoa sen mới nở, nghe pháp, phát tâm (đấy là quả). Đây gọi là Hạ Phẩm Trung Sanh vậy.

- Nếu tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, cũng chẳng bán chánh pháp, lâm chung nghe biết Phật, chí tâm mười niệm thậm chí một niệm (đây là nhân), lâm chung thấy hoa sen vàng. Trọn hết mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở, nghe pháp Thật Tướng, phát tâm vô thượng (đấy là quả). Đây gọi là Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Ba phẩm như vậy thuộc về Hạ Bối như trong phần trên đã nói, không có hai lợi hạnh.

Hỏi: Kinh Đại Bồn nói: “*Chỉ trừ Ngũ Nghịch*”, Quán kinh nói: “*Ngũ nghịch được vãng sanh*”. Hai nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Kinh Đại Bồn nói: “*Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” cho nên biết là nếu đã phạm tội Ngũ Nghịch lại còn kèm thêm báng pháp thì bị loại ra. Nếu chẳng kèm thêm báng pháp thì cũng chưa bị loại trừ. Bởi lẽ, hễ báng thì chẳng tin, chẳng tin sẽ chẳng vãng sanh; tức là: “*Hễ nghi, hoa chẳng nở*”. Quán Kinh chỉ nói Ngũ Nghịch, chẳng nói tới báng pháp nên biết là tuy phạm đủ tội Ngũ Nghịch, nhưng chẳng báng pháp ắt vẫn nhất định được vãng sanh. Nếu như kiêm cả báng pháp thì cũng chẳng được vãng sanh. Ấy là vì hễ tin thì không báng, chẳng báng thì hoa nở. Như câu nói: “*Tin thì quyết định được sanh*” chính là ý này vậy. “*Hạ Bối, hạ phẩm*” là nói hạ phẩm trong Hạ Bối, chẳng phải là Thượng hay Trung.

Hỏi: Đối với Tam Bối, kinh Đại Bồn thuận nêu thiện hạnh, chẳng nhắc tới kẻ ác, chỉ bằng với sáu phẩm trước trong Quán kinh, có sao nay lại đem Hạ Bối ghép với Hạ Phẩm?

Đáp: Có ba ý:

1) Một là ước theo hạnh, nhân, thiện, ác tuy khác, nhưng địa vị, thứ tự trong Bối và Phẩm đều giống nhau (ba lần ba là chín). Nay ở đây chỉ xét về địa vị, chẳng xét tới hạnh.

2) Hai là Hạ Bối và Hạ Phẩm có hạnh mười niệm giống nhau.

3) Ba là Ngũ Nghịch, Thập Ác nhưng chẳng báng pháp thì cũng kể như người lành trong Hạ Bối vậy. Kinh Đại Bồn dạy: “*Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng sanh trong cõi ta*”. Địa ngục chẳng phải là kẻ Ngũ Nghịch hay sao? Nếu chẳng gộp vào Hạ Bối thì nên đặt trong bối nào?

“*Trì suốt đời*” là như kinh Đại Bồn dạy: “*Một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*” nên biết là trì suốt đời. “*Chín mươi ngày*” là như kinh Bát Châu Tam Muội nói: “*Trong chín mươi ngày, thường đi, thường đứng, nhất tâm hệ niệm, ở trong tam-muội, được thấy Di Đà*”. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “*Trong chín mươi ngày, ngồi ngay ngắn hướng về phương Tây, chuyên niệm đức Phật, liền thành tam-muội*”. “*Bốn mươi chín ngày*” là như trong kinh Đại Tập dạy: “*Nếu chuyên niệm Phật tới bốn mươi chín ngày, thân hiện tại sẽ thấy Phật*”. “*Bảy ngày*” là như trong kinh Di Đà và Quán Kinh đều nói một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sanh. “*Mười ngày*” là như kinh Cổ Âm Vương nói: “*Thọ trì Phật hiệu mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, ắt được thấy Phật*”. Kinh Đại Bồn nói: “*Nhất tâm thường niệm, mười ngày đêm chẳng dứt, khi mạng chung ắt được sanh về cõi ta*”. “*Một ngày*” là như kinh Đại Bồn nói: “*Nhất tâm hệ niệm nơi ta, dầu chỉ một ngày đêm chẳng dứt, ắt sanh về cõi ta*”. “*Mười niệm*” là như Quán kinh nói: “*Người bị sự khổ bức bách,*

chẳng thể niệm Phật, xưng danh hiệu Phật mười tiếng liền được vãng sanh”.
“Một niệm” là như kinh Đại Bồn nói: “Tin ưa, chẳng ngờ vực, thậm chí một niệm, niệm đức Phật ấy, cũng được vãng sanh”.

Hỏi: Vì sao niệm đức Phật ấy một niệm mà cũng được vãng sanh cõi nước ấy? Một câu Di Đà có thể diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử ư?

Đáp: Nhất tâm niệm rõ ràng, vọng tưởng chừa liền mau chóng tan biến. Ví như một ngọn đèn tiêu diệt bóng tối ngàn năm trong nhà; một ngọn lửa có thể thiêu cháy trăm cỗ xe củi. Huống là nương theo bốn nguyện công đức của Như Lai, há có thể nghĩ bàn được sao? Do vậy, kinh Pháp Hoa nói: *“Xưng nam-mô Phật một tiếng, đều được thành Phật đạo”.* Kinh Phật Danh nói: *“Nghe danh hiệu Phật một lần, diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử”.* Kinh Đại Bi nói: *“Một lần xưng danh Phật thì do thiện căn ấy sẽ nhập cõi Niết Bàn chẳng thể cùng tận”.* Đại Trang Nghiêm Kinh Luận chép: *“Trong thời đức Phật tại thế, một ông già đến xin xuất gia, các vị như Xá Lợi Phất v.v... đều chẳng ưng thuận thế độ, do quán thấy ông ta trong nhiều kiếp chẳng có căn lành. Đức Phật tự độ ông ta, liền chứng đạo quả. Nhân đấy, bảo đại chúng: ‘Trong vô lượng kiếp trước, ông này làm người dẫn củi, bị mãnh hổ đuổi riết, quá hoảng hốt trèo lên cây, xưng ‘nam-mô Phật’. Do bởi căn lành ấy nên gặp ta liền đắc độ”.*

Từ chữ *“huống hồ còn có”* trở đi: Trong đoạn trên là nói về tự lực, còn câu này nói về tha lực. Tự lực lại có hai thứ: Một là do sức xưng niệm đức Phật lực ấy giống như buồm và bánh lái. Hai là sức Phật tánh vốn sẵn có giống như thuyền bè. Tha lực tức là sức nhiếp thủ của Phật nguyện giống như thuận gió. Ba sự cùng trọn đủ, chắc chắn sanh về Tịnh Độ.

Hỏi: Phật liền tự đến tiếp dẫn, sao lại phải nhọc công bao nhiêu Hóa Phật đưa tay tiếp dẫn nữa?

Đáp: Điều này nhằm hiển thị công hạnh người ấy sâu hay cạn. Như ngài Thiệu Đạo, một ngàn câu niệm liền phóng ra ngàn tia sáng, ngài Thiệu Khang niệm mười tiếng bay ra mười đức Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, Ly Cấu Tràng Bồ Tát nói kệ rằng: *“Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm chẳng buông bỏ, người này được thấy Phật, số ấy bằng với tâm”.*

---o0o---

2.5.3. Kết luận để đáp câu hỏi về pháp Viên Thông:

Chánh kinh:

Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trách, đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất.

(Phật hỏi pháp nào viên thông, con chẳng chọn lựa. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, đây là bậc nhất.)

Sớ: Câu đầu tiên nhắc lại lời hỏi. Bao hàm các thứ màu nhiệm gọi là Viên. Vào khắp các cõi gọi là Thông. Lại bao gồm chung muôn sự hóa độ, chẳng đình trệ một chỗ, gọi là Viên. Gộp chung hết thầy chúng sanh, chẳng có gián đoạn, cách ngăn thì gọi là Thông. Năm câu kế dùng để kết luận lời đáp. Từ chữ “*con chẳng*” trở đi là nêu bốn nhân (nhân địa của chính mình).

Trước hết là sự tu nhân.

“*Vô tuyền trạch*” (Không chọn lựa):

1. Một là sự chọn lựa của ngài Thế Chí chẳng phải là pháp tu Nhân Căn của ngài A Na Luật⁶⁰, không sanh khởi ý chọn lựa.

2. Hai là phía ngoài chẳng chọn lấy tướng của sáu căn (hai tướng trong sạch và thù thắng của các căn), trong chẳng chọn lấy tánh của sáu căn (tánh thấy, nghe, hay biết).

“*Đô nhiếp lục căn*” (Nhiếp trọn sáu căn) là để đối ứng ý trên, cũng có hai nghĩa:

1. Một là mắt chẳng chấp vào Sắc, cho đến ý chẳng duyên nơi Pháp.

2. Hai là chỉ y vào một tâm tinh minh⁶¹, công dụng của sáu căn chẳng hiện hành.

Các niệm khác chẳng sanh thì gọi là Tịnh bởi lẽ niệm mà vô niệm. Nhất tâm buộc ý nơi Phật thì gọi là Niệm vì vô niệm mà niệm vậy. “*Tuong kế*” (Tiếp nối): Nếu nói về Sự thì là ức niệm chẳng ngơi, về Lý thì là chiếu soi trọn vẹn không gián đoạn.

Từ chữ “*đắc Tam-ma-địa*” trở đi là chứng quả. Tiếng Phạn “Tam-ma-địa” (Samādhi) được cõi này dịch là Đẳng Chí. Đẳng tức là cân bằng, không hôn trầm hay lao chao; Chí là đạt đến, tức đạt đến Định thù thắng vậy. [Tam-ma-địa] còn dịch là Đẳng Trì, tức là giữ cái tâm bình đẳng hướng đến một cảnh. Tuy thông với nhân quả, nhưng điều này cũng chứa đựng một nghĩa là “*công dụng thuần thực*” cho nên gọi là “*đắc*”. Về Sự là thành tựu Niệm Phật tam-muội, về Lý là hiện thị bốn tánh Như Lai. Câu “*tư vi*” (đấy là) chính là lời khen ngợi sự thù thắng.

Hỏi: Kinh Đại Bồn Di Đà nói: “*Cực Lạc thanh tịnh chỉ kém Nê Hoàn*⁶²”. Nay trong phần chọn lựa Viên Thông của kinh này, ngài Thế Chí chọn pháp Niệm Phật, sau đó ngài Quán Âm lại chọn pháp Phản Văn thì làm sao gọi là đệ nhất được?

Đáp: Xét theo kinh Lăng Nghiêm, có ba ý:

1. Một là vì đức Văn Thù nói tới tánh của niệm là sanh diệt, nhân quả chiêu cảm khác nhau nên là đệ nhị; còn ngài Thế Chí nói tới “*nhất tâm tịnh niệm, thấy tự Phật (đức Phật trong tự tánh) ngay trong hiện tại*” nên là đệ nhất.

2. Hai là A Nan dõng theo âm thanh nên Phán Văn xứng hợp căn cơ của đương nhân (tức ngài A Nan) trong pháp hội Lăng Nghiêm; còn pháp Niệm Phật chẳng dành cho căn cơ của đương nhân trong pháp hội. Do nhìn từ phương diện thánh tánh thì hai pháp đều không, trở về nguồn cội, hai pháp này chẳng hai, cho nên đức Phật khen ngợi [pháp Viên Thông của] Quán Âm và Thế Chí đều không hơn kém.

3. Ba là do giáo thể của phương này trọng tại sự nghe âm thanh nên [ngài Văn Thù] chọn pháp Nhĩ Căn Viên Thông. Do vậy, nếu xét theo căn cơ của phương này, pháp Viên Thông của ngài Thế Chí ở bậc thứ, nhưng đối với pháp môn trong mười phương, Niệm Phật lại là bậc nhất. Bởi vậy, đối với căn cơ trong mười phương thì pháp Niệm Phật viên thông bằng với pháp Viên Thông của đức Quán Âm.

Ước theo pháp môn Niệm Phật, nếu là dùng Sự niệm để niệm Tha Phật nhằm giúp hiển lộ đức Phật trong tánh Bốn Giác thì thua kém Nê Hoàn, khác với Quán Âm. Chứ nếu dùng Lý niệm để niệm Tự Phật, hiển lộ trực tiếp đức Phật trong cái tâm Niết Bàn thì bằng với Nê Hoàn, giống như Quán Âm vậy. Nói: “*Bất giả phương tiện, tặc đắc tâm khai*” (Chẳng nhọc phương tiện, tâm tự được mở mang) chính là nhằm diễn tả ý này. Pháp môn Niệm Phật như thế chẳng gọi là đệ nhất, thì gọi là gì? Người tu tâm có sao lại coi thường nó vậy?

Sao: “*Nhắc lại lời hỏi*”: Kinh Lăng Nghiêm quyển năm chép [lời Phật hỏi đại chúng]: “*Ta nay hỏi các ông lúc phát tâm ban đầu, ngộ mười tám giới 63, những gì là viên thông? Từ phương tiện nào nhập tam-ma-địa?*” nên ở đây nhắc lại [câu hỏi ấy] bằng cách nói “*Phật hỏi pháp nào Viên Thông*”. Từ chữ “*bao hàm*” trở đi, ước theo nghĩa bao trùm, trọn khắp để giải thích chữ Viên Thông. Từ chữ “*lại*” trở đi, ước theo phương diện nhiếp thủ chúng sanh để giải thích chữ Viên Thông. Hơn nữa, do nhiều môn vào trong một môn, một môn chứa đựng nhiều môn nên gọi là Viên. Như hạt châu treo trên không, chiếu ra năm màu. Một nhập nhiều môn, nhiều môn chứa đựng trong một nên gọi là Thông, như suối chảy ngầm, xoi thủng mười phương.

Từ chữ “*nhiep trọn các căn*” trở đi thì Phật là năng nhiếp (tức dùng danh hiệu Phật để thâm nhiếp các căn), Căn là sở nhiếp (cái được thâm nhiếp bởi danh hiệu Phật). Lời Sớ giải thích chữ “*nhiep*” bao gồm hai nghĩa. Trong hai nghĩa ấy, nghĩa trước dựa theo Sự niệm, nghĩa sau dựa theo Lý niệm. Hai

nghĩa “không chọn lựa” được nói trong đoạn Số trước đó cũng dựa theo cách phán định ở đây để hiểu.

Từ chữ “*Đẳng Chí*” trở đi: Viên Giác Số64 dịch chữ Tam-ma-địa là Đẳng Chí. “*Đẳng*” tức là bình đẳng trụ trì (gìn giữ bình đẳng), cùng xa lìa hai thứ hôn trầm và lao chao. “*Chí*” là có thể đạt đến Định thù thắng và đạt đến địa vị thù thắng. Từ chữ “*Đẳng Trì*” trở đi là lời giải thích [ý nghĩa chữ Tam-ma-địa] theo Hội Huyền Ký65: Xét về Sự thì thành Đẳng Chí, xét theo Lý thời thành Đẳng Trì, cho nên lập ra hai nghĩa ấy.

Từ chữ “*Hỏi*” trở xuống là đáp lời gạn. Sư Huệ Giác nói: “*Nếu có kẻ nói Tịnh Độ là phương tiện quyền biến của thánh nhân nhằm tiếp độ kẻ độn căn, hóa độ căn khí phàm phu. Nếu vượt lên, vào thắng địa vị Như Lai, cần gì phải nhờ vào sức bên ngoài? Đáp rằng: Các vị Bồ Tát Mã Minh, Long Thọ, Thiên Thân v.v... đều phát nguyện vãng sanh, hết thấy các vị ấy có phải là độn căn hay chẳng? Trong kinh Đại Bảo Tích, đức Phật Thích Ca khuyên phụ vương Tịnh Phạn và sáu vạn người họ Thích đều cầu sanh về Tịnh Độ, há có phải hết thấy bọn họ đều là căn khí phàm phu hay chẳng? Một phen khởi tâm niệm Phật liền thấy tánh thành Phật, há chẳng phải là một phen siêu việt, trực nhập hay chẳng?*” Thanh Thảo Đường thân sau làm Tăng Lỗ Công, Giới Thiên Sư thân sau làm Tô Đông Pha, thân sau của Chân Như Triết Công66 nhiều nổi sào khỗ, thân sau của Thái Bình cổ lão đắm trong phú quý, thiền sư Hải Ấn Tín sanh làm con gái nhà Châu Phòng Ngự, há còn có thể một gậy tự lực được chẳng? Nếu coi pháp môn này là Quyền thì cái gì mới là Thật? Kẻ khinh rẻ pháp Niệm Phật chẳng thể không cẩn thận vậy thay!

Từ chữ “*nếu là*” trở xuống là kết luận những điều đã được trình bày trong lời Số. Nếu nói do một môn Niệm Phật sanh ra pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian thì:

1. Vì Ngũ Dục phát tâm niệm Phật thì là địa ngục giới.
2. Vì danh lợi phát tâm niệm Phật là ngã quý giới.
3. Vì quyền thuộc phát tâm niệm Phật là súc sanh giới.
4. Vì trối vượt người khác liền phát tâm niệm Phật là Tu-la giới.
5. Vì sợ ác đạo nên phát tâm niệm Phật là nhân pháp giới.
6. Vì cầu sự vui cõi trời nên phát tâm niệm Phật là thiên pháp giới.
7. Thích sự vui Niết Bàn phát tâm niệm Phật là Thanh Văn giới.
8. Vì hâm mộ Vô Sanh nên phát tâm niệm Phật là Duyên Giác giới.
9. Vì muốn độ người nên phát tâm niệm Phật là Bồ Tát giới.
10. Vì mong thành Phật nên phát tâm niệm Phật là Phật pháp giới.
11. Vui lòng niệm Phật là Địa đại.
12. Tâm vui mừng niệm Phật là Thủy đại.

13. Tâm thành thực niệm Phật là Hỏa đại.
14. Tâm siêng năng niệm Phật là Phong đại.
15. Trống lòng niệm Phật là Không đại.
16. Tâm linh thông niệm Phật là Căn đại.
17. Tưởng tâm niệm Phật là Thức đại.
18. Niệm Phật xoay chuyển được cái Nhìn là Nhãn căn.
19. Niệm Phật xoay chuyển cái Nghe là Nhĩ căn.
20. Niệm Phật chuyển cái Ngửi là Ty căn.
21. Niệm Phật xoay lại cái Nếm là Thiệt căn.
22. Niệm Phật thâm nhiếp sự cảm nhận là Thân căn.
23. Niệm Phật xoay ngược cái Biết là Ý căn.
24. Niệm Phật quán tượng là Sắc trần.
25. Niệm Phật nghe danh hiệu là Thanh trần.
26. Niệm Phật nhiễm hương là Hương trần.
27. Niệm Phật có mùi vị là Vị trần.
28. Niệm Phật được trang nghiêm bởi ánh sáng là Xúc trần.
29. Niệm Phật quán tượng là Pháp trần.
30. Nhãn căn chẳng phân biệt Sắc là Nhãn thức niệm Phật.
31. Tai chẳng phân biệt Thanh là Nhĩ thức niệm Phật.
32. Mũi chẳng phân biệt Hương là Ty thức niệm Phật.
33. Lưỡi chẳng phân biệt Vị là Thiệt thức niệm Phật.
34. Thân chẳng phân biệt Xúc là Thân thức niệm Phật.
35. Ý chẳng phân biệt Pháp là Ý thức niệm Phật.
36. Sợ sanh tử khổ là Khổ Đế niệm Phật.
37. Dứt các Hoặc nghiệp là Tập Đế niệm Phật.
38. Tu Giới Định Huệ là Đạo Đế niệm Phật.
39. Chứng Lý tịch diệt là Diệt Đế niệm Phật.
40. Phiền não chẳng sanh là Vô Minh duyên niệm Phật.
41. Chẳng tạo các nghiệp là Hành duyên niệm Phật.
42. Chẳng nương gá vào thai mẹ là Thức duyên niệm Phật.
43. Sắc, tâm đoạn diệt là Danh Sắc duyên niệm Phật.
44. Các căn đều nguội lạnh, mất hết là Lục Nhập duyên niệm Phật.
45. Lìa Căn, Trần, Thức là Xúc duyên niệm Phật.
46. Chẳng nhận lãnh Tiền Cảnh là Thọ duyên niệm Phật.
47. Chẳng tham tài sắc là Ái duyên niệm Phật.
48. Chẳng cầu những dục lạc trong cõi trần là Thủ duyên niệm Phật.
49. Nghiệp chẳng có thành là Hữu duyên niệm Phật.

50. Chẳng thọ Hậu Âm là Sanh duyên niệm Phật.
51. Trống rỗng, không có chín muôi, hư hoại là Lão Tử duyên niệm Phật.
52. Nhất tâm niệm Phật, vạn duyên tự bỏ là Thí độ.
53. Nhất tâm niệm Phật, các ác tự dứt là Giới độ.
54. Nhất tâm niệm Phật, tâm tự nhu thuận là Nhẫn độ.
55. Nhất tâm niệm Phật vĩnh viễn chẳng thoái chuyển là Tấn độ.
56. Nhất tâm niệm Phật, các tướng khác chẳng sanh là Thiền độ.
57. Nhất tâm niệm Phật, chánh trí phân minh, là Trí độ.
58. Nhất tâm niệm Phật, thành Chánh Biến Tri là Bồ Đề.
59. Nhất tâm niệm Phật thường lạc ngã tịnh là Niết Bàn.
60. Tịch tĩnh niệm Phật là Không Như Lai Tạng.
61. Tưởng đến hình tượng để niệm Phật là Bất Không Như Lai Tạng.
62. Viên thông niệm Phật là Không Bất Không Như Lai Tạng.
63. Mặt trời mọc niệm Phật là trước hết chiếu thời (xét soi thời khắc).
64. Khi ăn niệm Phật là chuyển chiếu sơ (xoay lại xét soi lúc ban đầu).
65. Giữa trưa niệm Phật là chuyển chiếu trung (xoay lại xét soi chặng giữa).
66. Buổi chiều niệm Phật là chuyển chiếu vào chặng sau.
67. Mặt trời lặn niệm Phật là hoàn chiếu thời (trở lại xét soi thời gian).
68. Niệm đức Phật ở ngoài cái tâm là Tiểu Giáo.
69. Niệm đức Phật trong tâm là Thi Giáo 70. Niệm đức Phật chính là tâm thì là Chung Giáo.
71. Niệm Phật chẳng phải là tâm thì là Đôn Giáo.
72. Niệm đức Phật viên dung trọn khắp là Viên Giáo.
73. Có Phật, có tâm, tịnh niệm liên tục là Sự pháp giới.
74. Không Phật, không tâm, chẳng cần tới phương tiện là Lý pháp giới.
75. Niệm Phật, niệm tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn là Sự Lý Vô Ngại pháp giới.
76. Dù Phật hay tâm đều chứa đựng khắp vô tận là Sự Sự Vô Ngại pháp giới.
77. Một môn Niệm Phật gồm vô tận nghĩa là Tổng Tướng.
78. Có bốn hay năm nghĩa môn, chẳng phải chỉ có một cách niệm Phật, là Biệt Tướng.

79. Mười sáu pháp quán v.v... cùng thành Niệm Phật là Đồng Tướng.
 80. Y báo thanh tịnh, chẳng phải là chánh báo trang nghiêm, chính là Di Tướng.
 81. Một môn niệm Phật bao quát các nghĩa thành tựu là Thành Tướng.
 82. Bốn thứ hay năm thứ, mỗi thứ đều trụ trong địa vị của mình là Hoại Tướng.
 83. Công đức của y báo lẫn chánh báo do niệm Phật liên trọn vẹn, đồng thời đầy đủ, đây là Tương Ứng môn.
 84. Các pháp trọn khắp chẳng rời niệm Phật, rộng hẹp tự tại là Vô Ngại môn.
 85. Một căn niệm Phật, sáu căn đều nhiếp là môn “một và nhiều dung chứa nhau chẳng đồng”.
 86. Niệm Phật tam-muội tức là hết thảy pháp là môn “các pháp tương tức tự tại”.
 87. Lúc đang niệm Phật, các môn khác chẳng hiện, đây chính là môn “bí mật ẩn hiển đều thành”.
 88. Môn niệm Phật này đều nhiếp hết thảy chính là môn “vi tế tương dung an lập”.
 89. Năm thứ niệm Phật nhiếp lẫn nhau trùng trùng là môn “cảnh giới lưới của Nhân Đà La (Indra: Đế Thích)”.
 90. Thấy môn Niệm Phật liền thấy vô tận, chính là môn “mượn Sự tỏ rõ pháp để sanh lòng hiểu biết”.
 91. Trước sau niệm Phật chẳng khác với đương niệm là môn “thập thể cách pháp dị thành”.
 92. Một pháp Niệm Phật mang vô tận pháp là môn “chủ bạn viên minh đầy đủ công đức”⁶⁷.
 93. Niệm đức Phật của tự tâm là Bản Giác.
 94. Niệm Phật tâm tin tưởng chính là Danh Tự trong Thi Giác.
 95. Niệm Phật hiểu được tâm là Tương Tự trong Thi Giác.
 96. Niệm Phật chứng tâm là Phần Chứng trong Thi Giác.
 97. Niệm Phật thành Phật là Cứu Cánh Giác.
 98. Lúc đang niệm Phật tịch mịch vô vi là Pháp Thân Phật.
 99. Lúc đương niệm Phật không đức gì chẳng đủ là Báo Thân Phật.
 100. Lúc đương niệm Phật, phàm thánh cùng vui là Hóa Thân Phật.
- Do vậy biết một pháp Niệm Phật nhiếp sạch hết thảy các pháp vậy.

---o0o---

III. Quy mạng hồi hướng

Kính lễ Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, các vị thánh hiền, ngưỡng nguyện sức Tam Bảo gia bị sẽ khiến cho kinh số này trọn khắp các cõi nhiều như số vi trần, kẻ thấy, nghe, tùy hỉ và vâng giữ, tuyên nói, rớt ráo được sanh về cõi An Lạc. Dem công đức này hồi hướng về pháp giới cùng thành quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lăng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Số Sao Quyển Hạ hết

(Phật lịch 2544, ngày 15 tháng Mười năm 2000, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch.

Ngày 06 tháng Giêng năm 2008, sửa chữa cáo bản lần thứ nhất)

---o0o---

Duyên khởi khắc bản Thế Chí Số Sao

Trong các đường lối tu hành, Niệm Phật là bậc nhất. Phương pháp Niệm Phật không chi hơn được kinh này. Soạn Số Sao cũng là chuyện chẳng đáng dừng mà thôi! Mùa Đông năm Mậu Ngọ (1678), tiên sinh Đới Phúc Trai ở vùng Kinh Triệu, ông Trương Nhân Trương tính mừng thọ cho cha bèn tổ chức pháp hội Hoa Nghiêm. Lúc ấy, tôi suất lãnh đại chúng, tụng đến môn Niệm Phật của ngài Đức Vân liền suy nghĩ chín chắn, quán niệm sâu xa, trong đêm hôm ấy mộng thấy hòa thượng bốn sư giảng cho tôi nghe chương Thế Chí. Sáng hôm sau, bèn nghiên cứu kỹ càng bộ Hoa Nghiêm Số Sao của ngài Thanh Lương rồi bắt đầu viết lời giải thích vào ngày mùng Tám tháng Chạp mãi cho đến hôm Nguyên Tiêu (Rằm tháng Giêng) mới gác bút. Tháng Năm mùa Hạ năm ấy, cầm sách đến thỉnh giáo tiên sinh Đới Phúc Trai. Rằm tháng Bảy năm nay, tiên sinh bảo con trai quyên mộ, khắc in. Con trai tiên sinh vui vẻ vâng lệnh, liền dùng chuyện này để làm công cứ hòng cầu lành bệnh, kéo dài cuộc sống, chuyện tặng thọ, tặng phước đều có các điều ứng nghiệm. Thọ khắc nói: “Đây là do Phật, Bồ Tát gia hộ hay không phải là do Phật, Bồ Tát gia hộ?” Tôi nói:

“Hãy nên biết rằng: Kinh này ý nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do bởi lẽ ấy, nếu là những tác phẩm khơi gợi năm thứ dục lạc, hoặc xiển dương sáu trần cảnh, hoặc nhằm thu hút tiếng tăm, hoặc nhằm

kết thành cái quả cái nhân của tài sản trong thế gian thì thí tiền để khắc bản in như thế sẽ bị tổn hại vô ích. Nay khắc pháp môn Niệm Phật tặng cho một người thì một người được lợi ích, tặng cho ngàn vạn người thì sẽ có ngàn vạn người được lợi ích. Trong một thời, một chỗ thì một thời một chỗ được lợi ích. Tới cùng tận đời vị lai trọn khắp các cõi số lượng nhiều như cát thì sẽ có lợi ích trong các phương nhiều như cát đến ức kiếp. Đây chính là sức giống như ngài Thế Chí, nguyện sánh với Di Đà, nhiếp thủ người niệm Phật quay về cõi An Dưỡng. Công đức vô lậu ấy bằng với hư không, há có thể dùng tâm suy nghĩ, lời lẽ bàn luận được hay chăng? Hơn nữa, đã lãnh hội Phật tâm, khiến cho Tam Bảo thường trụ, nếu Phật chẳng gia hộ, ai sẽ gia hộ đây? Vì thế, đối với những dấu hiệu nhỏ nhoi, vật vãnh này chớ nên sanh lòng nghi!”

Mọi người đều chấp nhận là đúng, bảo tôi soạn văn để khuyến đời, nhằm dấy lên tín tâm cho khắp hết thầy mọi người. Tiên sinh Phúc Ông nghe vậy bèn nói: “Chuyện này mờ mịt chẳng cần phải gấp rút nêu ra. Tín tâm thì ai nấy đã sẵn có, khuyên rộng rãi làm gì?” Tôi nói: “Chẳng phải vậy. Sanh tử là chuyện lớn. Pháp môn này có thể thoát được sanh tử há bảo là nhỏ nhoi ư? Người tin tuy nhiều, nhưng chẳng thể thường trọn khắp, nay phô bày ra hồng khiến kẻ chưa tin sẽ tin tưởng, người đã tin sẽ thêm tin tưởng, khuyên lơn lẫn nhau nào có hại gì?” Do vậy bèn viết vào cuối bản Số Sao để giúp cho sự lưu thông vậy.

Ngày Mười Một tháng Mười năm Canh Thân (1680) đời Khang Hy, Quán Đảnh hành giả Tục Pháp viết tại Từ Vân Quán Đường.

---oOo---

HẾT

¹ Đại sư Tục Pháp (1641-1728) là cao tăng đời Thanh, người huyện Nhân Hòa (nay là Hàng Châu), tỉnh Chiết Giang, họ Trần, pháp tự là Bách Đình, hiệu là Quán Đảnh. Ngài

còn có tên là Thành Pháp. Năm lên chín tuổi xuất gia với ngài Minh Nguyên chùa Từ Vân ở núi Thiên Trúc, Hàng Châu. Mười chín tuổi thọ Cụ Túc Giới, hai mươi tuổi liền tập giảng kinh. Năm 27 tuổi, được ngài Minh Nguyên phó chúc trở thành pháp tôn đời thứ năm của Tổ Liên Trì Châu Hoàng. Sư nghiên cứu trọn khắp các kinh điển, dung hội mọi thuyết, chẳng câu nệ một pháp nào. Mỗi khi nhóm chúng thuyết pháp, thính chúng tụ tập đông nghệt, cực thịnh một thời. Ngài lần lượt trụ trì các chùa Từ Vân, Sùng Thọ, Thượng Thiên Trúc. Các đệ tử truyền pháp như Bồi Phong, Từ Duệ, Chánh Trung, Thiên Hoài đều lừng danh. Ngài để lại các tác phẩm như Hiền Thủ Ngũ Giáo Nghi, Viên Giác Chiết Nghĩa Sớ, Hoa Nghiêm Tông Phật Tổ Truyền v.v... hơn sáu trăm quyển.² Tứ Trọng (gọi đủ là Tứ Trọng Cấm Giới hoặc Tứ Trọng Tội, hay Tứ Ba La Di) là bốn trọng tội căn bản không được vi phạm, tức là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Ba La Di (pārājika) là một trong bảy tiểu loại Giới của luật tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Giới này còn được phiên là Ba La Thị Ca, Ba La Xa Dĩ Ca, dịch nghĩa là Cực Ác, Trọng Cấm, Đọa, Đoạn Đầu (đứt đầu), Vô Dur (không còn sót), Khí (vứt bỏ). Người tu hành phạm phải những giới cấm này sẽ không còn đủ tư cách là tăng sĩ nữa, phải bị trục xuất khỏi tăng đoàn, chết đọa địa ngục. Nội dung giới này xoay quanh Tứ Trọng như vừa nói trên đây.

³ Tam Tai: ba tai nạn lớn khi thế giới sắp bước vào kiếp Hoại: Thủy Tai, Hỏa Tai và Phong Tai.

Bát nạn (Astāvaksanāh): Tám thứ chướng nạn gồm: Sanh trong địa ngục, sanh trong loài ngựa quý, đọa làm súc sanh, sanh trong chốn Biên Địa hoặc sanh vào châu Uất Đan Việt (trong châu này quá sướng, tuổi thọ quá dài, nên không có lòng mong muốn tu tập), tàn tật (đuôi, ngọng, câm, điếc), Thế Trí Biện Thông, và sanh trước Phật hay sau Phật. Nếu hiểu đặc biệt theo nghĩa thọ giới của Tăng sĩ (như trong Tứ Phần Luật đã quy định) thì tám nạn là tám thứ chướng nạn khiến tăng chúng không thể thọ giới, tụng giới hay Tự Tứ được tức là nạn vua, nạn giặc cướp, lụt lội, hỏa tai, bệnh tật, bị kẻ xấu quấy nhiễu, bị phi nhân ngăn trở, bị độc trùng ngăn trở.

⁴ Sư dùng chữ “Tông Trí” trong nguyên văn. Trí là đạt đến, giống với ý nghĩa chữ Thú trong cách phán định Ngũ Trùng Huyền Nghĩa thông thường nên chúng tôi dùng chữ Thú cho giống với phần sau.

⁵ Sớ: Lời giải thích chánh kinh gọi là Sớ, phần giải thích lời Sớ gọi là Sao.

⁶ “Thể” là thể tánh (bản thể, bản chất). Thể tánh của một bản kinh được gọi là Giáo Thể, đôi khi còn gọi một cách tổng quát là Lý Thể. Theo pháp sư Bản Tông: “*Lìa hết thấy các tướng thì gọi là Tánh; chõ hết thấy các nghĩa quy về gọi là Lý. Nghĩa trọng yếu của các pháp gọi là Thể*”. Phô bày minh bạch yếu chỉ của một bản kinh, nêu rõ chỗ quy hướng của các giáo nghĩa được dạy trong kinh ấy thì gọi là “hiển thể”. Nói một cách khác, “hiển thể” một bản kinh chính là minh định chân lý nào sẽ được phô diễn bởi bản kinh ấy.

⁷ Tướng (Laksana), có nghĩa là hình tướng hoặc trạng thái của các pháp. Nói cách khác, Tướng là những gì có thể nhận thức được bằng giác quan hay suy tưởng. Trong cách phán định kinh điển, Tướng có nghĩa là những phạm vi tác động của một pháp môn hay một bản kinh hoặc phạm vi bao trùm các pháp sẽ được diễn tả bằng bản kinh ấy.

⁸ Đê (satya) có nghĩa là chân thật, không dối, chỉ cho sự thật vĩnh viễn không biến đổi, Đê chính là tên gọi khác của chân lý. Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 17 giảng: “*Các Lý pháp do đức Như Lai đã nói chân thật chẳng dối nên gọi là Đê*”.

⁹ Tướng độ: Cõi Tịnh Độ được nhận biết qua mặt sự tướng, tức các cõi Phạm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư.

¹⁰ Như (Tathā) còn gọi là Như Như, Chân Như, Như Thật, chính là bản tánh chân thật bất biến của hết thảy vạn vật. Bởi lẽ, vạn vật tuy có đủ mọi tánh chất khác biệt, nhưng những tánh chất chỉ là những tánh riêng biệt được cảm nhận qua lăng kính chấp trước chứ không phải là thật sự có. Hết thảy mọi vật đều lấy Không làm Thể nên bản tánh (thật tánh) của các pháp được gọi là Pháp Tánh, hoặc Chân Như hoặc Thật Tế.

¹¹ Tức bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ của đại sư Thanh Lương Trùng Quán.

¹² A-tăng-kỳ (Asamkhyā) còn được phiên âm là A Tăng Xí Da, Tăng Kỳ, dịch nghĩa là Bất Khả Toán Số, Vô Lượng Số, hoặc Vô Ương Số. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm. Một A-tăng-kỳ là một ngàn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (chín chữ Vạn). Thế nhưng, theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 177, lại có ba loại A-tăng-kỳ:

1. Kiếp A-tăng-kỳ lấy một kiếp làm một A-tăng-kỳ.
 2. Sanh A-tăng-kỳ tức là trong mỗi một kiếp trải qua vô số đời.
 3. Diệu hạnh A-tăng-kỳ tức là trong mỗi một kiếp tu hành vô số diệu hạnh.
- Luận Tỳ Bà Sa cho rằng hành nhân phải tu tập trọn đủ cả ba loại A-tăng kỳ như thế mới thành Vô Thượng Chánh Giác. Do vậy, ngoài cách giải thích thông thường “tam A-tăng kỳ là thời gian tu tập trải qua ba A-tăng-kỳ”, còn có qua điểm giải thích “tam kỳ” chính là tu tập trọn đủ ba loại A-tăng-kỳ như luận Tỳ Bà Sa đã giảng.

¹³ A Già Đà (Agada) còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là Kiện Khang, Trường Sanh Bất Tử, Vô Bệnh, Phổ Khử (trừ khử khắp mọi thứ bệnh), Vô Giá là một loại thuốc linh nghiệm có khả năng trị mọi thứ bệnh.

¹⁴ Theo phẩm Tỳ Lô Giá Na (tức phẩm thứ sáu) kinh Hoa Nghiêm, vào đời quá khứ, trong thế giới Thắng Âm thuộc thế giới hải Phổ Môn Tịnh Quang Minh có rừng Ma Ni Hoa Chi Luân, trong rừng ấy có đạo tràng tên Bảo Hoa Biến Chiếu, trong đạo tràng ấy lần lượt mười Tu Di sơn vi trần số Như Lai xuất hiện trong cõi đời. Đức Phật thứ nhất tên là Nhất Thiết Công Đức Sơn Tu Di Thắng Vân. Khi ấy, Đại Oai Quang là thái tử của Chuyển Luân Vương Hỷ Kiến Thiện Huệ, do thấy quang minh liền chứng đắc mười thứ pháp môn. Sau đó, nghe Phật giảng pháp bèn chứng vô tận môn tam-muội.

¹⁵ Đây là hai mươi một môn Niệm Phật giải thoát được ngài Đức Vân tỷ-kheo nói tới trong phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm khi Thiện Tài đến học hỏi về pháp giải thoát. Hai mươi một môn Niệm Phật ấy chính là Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, Linh Nhất Thiết Chúng Sanh Niệm Phật, Linh An Trụ Lực Niệm Phật, Linh An Trụ Pháp Niệm Phật, Chiếu Diệu Chư Phương Niệm Phật, Nhập Bất Khả Kiến Xứ Niệm Phật, Trụ Ư Chư Kiếp Niệm Phật, Trụ Nhất Thiết Thời Niệm Phật, Trụ Nhất Thiết Sát Niệm Phật, Trụ Nhất Thiết Thế Niệm Phật, Trụ Nhất Thiết Cảnh Niệm Phật, Trụ Tịch Diệt Niệm Phật, Trụ Viễn Ly Niệm Phật, Trụ Quảng Đại Niệm Phật, Trụ Vi Tế Niệm Phật, Trụ

Trang Nghiêm Niệm Phật, Trụ Năng Sự Niệm Phật, Trụ Tự Tại Niệm Phật, Trụ Tự Nghiệp Niệm Phật, Trụ Thần Biến Niệm Phật, Trụ Hư Không Niệm Phật.

¹⁶ Thủy Thanh Châu là một loại ngọc theo truyền thuyết có khả năng khiến cho nước đục biến thành trong. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự có đoạn nói về Thủy Thanh Châu như sau: “*Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật. Tây thiên hữu bảo, danh viết Thanh Châu. Vị thử châu đầu nhập trước thủy trung, nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trước thủy tức tiện thanh khiết. Thử châu nhập thủy, tự thốn chí xích, nãi chí ư đở, tắc trước thủy diệc tùy chi nhi trừng trạm*” (Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể không thành tâm Phật. Tây Vực có vật báu tên là Thanh Châu. Loại châu này gieo vào nước đục, chìm xuống nước một tấc thì một tấc nước đục liền thành thanh khiết. Châu ấy gieo vào nước từ tấc tới thước, cho đến tận đáy thì nước đục cũng lắng trong theo.)

¹⁷ Tùy Thuận Nhẫn (Anulomikī-dharma-ksānti) là tên gọi khác của Nhu Thuận Nhẫn. Nhẫn này còn có tên gọi khác là Tư Duy Nhu Thuận Nhẫn, hàm nghĩa Huệ tâm nhu nhuyễn, có thể tùy thuận chân lý. Nói cách khác, Nhu Thuận là tâm mềm mỏng, trí thuận thảo, chẳng trái nghịch lý Thật Tướng. Nhẫn là an trụ nơi địa vị ấy. Trong bài giảng về cuốn Di Đà Sớ Sao Diễn Nghĩa, Hòa Thượng Tịnh Không giảng khái niệm này rất dễ hiểu như sau: “*Tùy Thuận Nhẫn là đối với hết thảy sự việc, quan hệ, hoàn cảnh đều có thể tùy thuận, tức là không khởi lên phân biệt, chấp trước*”.

¹⁸ Khái giáo: khơi gợi, giảng giải giáo pháp hoặc là người thỉnh cầu Phật, Bồ Tát, thiện tri thức giảng giải giáo pháp.

¹⁹ Tam khoa là Uẩn, Xứ, Giới (hay còn gọi là Âm, Nhập, Giới), tức:

1. Ngũ Uẩn.

2. Thập Nhị Xứ (Thập Nhị Nhập) tức sáu Căn phối hợp với sáu Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc).

3. Thập Bát Giới: tức đem sáu căn phối hợp với sáu trần và sáu thức.

²⁰ Theo kinh Lăng Nghiêm, Sắc Pháp và Tâm Pháp xét về thể tánh chia ra thành bảy loại lớn (Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức). Địa, Thủy, Hỏa, Phong và Không là thể tánh của Sắc Pháp. Đại có nghĩa là trọn khắp pháp giới. Vạn pháp sanh thành chẳng rời khỏi bốn Đại đầu, nương vào hư không (Không đại) để kiến lập. Do Kiến mà cảm nhận, do Thức mà hay biết. Năm Đại đầu, phi tình cũng có, nhưng hai Đại sau chỉ hữu tình mới có. Nói cách khác, Địa là tánh chất cứng chắc, Hỏa là tánh chất ấm áp, Thủy là tánh chất thấm ướt, Phong là tánh chất di động, Không là tánh chất không ngăn ngại, Kiến đại là tánh cảm nhận, hiểu biết, Thức đại là tánh phân biệt. Năm Đại đầu thuộc về Lục Cảnh, Kiến Đại nương tựa vào Ý căn, Thức Đại nương tựa vào sáu thức (theo từ điển Phật Quang Sơn).

²¹ Như Lai Tạng (Tathāgata-garbha) chỉ bốn tánh thanh tịnh Như Lai Pháp Thân (tự tánh thanh tịnh) ẩn kín trong cái tâm phiền não của chúng sanh, chẳng bị phiền não ô nhiễm, trọn đủ bản tánh vĩnh viễn bất biến tuyệt đối thanh tịnh. Do ẩn kín, chưa hiển lộ nên gọi là Tạng.

²² Chi (Śamatha), còn phiên âm là Xa Ma Tha, hoặc Sá Ma Tha, hoặc dịch là Chi Tịch, Đẳng Quán, là danh xưng khác của Thiền Định. Chi có nghĩa là dứt hết mọi suy

lượng, dồn tâm chuyên chú vào một cảnh. Từ khái niệm này tông Thiên Thai đem phối hợp với Không, Giả, Trung lập ra ba thứ Chi, rồi lại phân biệt ra rất nhiều môn Chi rất phức tạp, sợ phiền phức nên không ghi vào đây.

²³ Thanh (Śabda) là những âm thanh, là đối tượng cảm nhận của Nhĩ Căn, là một trong sáu trần.

Danh (Nāman) là danh xưng. Duy Thức Học giải thích Danh là những âm thanh xưng hô có tác dụng khiến cho người nghe hình dung được hình tướng của sự vật. Do mỗi một Danh thường liên quan đến một nội dung xác định nên còn gọi là “danh nghĩa”. Câu Xá Luận còn chia Danh ra những khái niệm Danh, Danh Thân, Đa Danh Thân như sau: Những từ ngữ chỉ có một chữ thì gọi là Danh như Sắc, Hương v.v... Những từ ngữ gồm hai chữ gộp lại thì gọi là Danh Thân, ba chữ trở lên thì gọi là Đa Danh Thân.

Cú nghĩa (Padārtha): những nghĩa lý được phân biệt, chọn lựa dựa theo từng câu nói, hay những nghĩa lý được trình bày bởi một câu nói. Một cách giải thích khác là: Cú là quan niệm, tức những sự vật được hiển thị trong nội dung của quan niệm ấy gọi là Nghĩa. Khái niệm Cú Nghĩa rất gần với khái niệm “phạm trù” trong triết học Tây Phương. Triết học Ấn Độ cũng gọi những loại lớn trong cách phân loại những nguyên lý, đặc tánh của sự vật là Cú Nghĩa. Chẳng hạn phái Thắng Luận chia những nguyên lý của vạn hữu thành mười Cú Nghĩa.

Do Thanh, Danh, Cú Nghĩa đều nằm trong phạm vi đối đãi, còn phân biệt, chưa đạt đến mức độ Pháp Không nên chỉ được coi là thuộc phạm vi Tiểu Thừa. ²⁴ Tức bốn đại châu: Diêm Phù, Tây Ngưu, Đông Thắng và Bắc Câu.

²⁵ Nguyên văn “Đao thuyền” một loại thuyền nhỏ có hình dáng thon dài như chiếc dao thường dùng để bơi trong sông nhỏ.

²⁶ Thọ Dụng Phật là chính là Thọ Dụng Thân (Sambhoga-kāya) của Phật. Tức là thân viên mãn hết thảy công đức, trụ trong cõi nước thuần tịnh, thường hưởng pháp lạc nên gọi là Thọ Dụng, chia thành hai loại:

1. Tự Thọ Dụng: tức thân Phật vô biên công đức, sắc thân thường trọn khắp, vô lượng phước trí để hưởng dụng pháp lạc, còn gọi là Thật Trí thân, do thức thứ tám vô lậu tương ứng với Đại Viên Kính Trí biến thành. Đây là thân cảm bởi sự tu các hạnh tự lợi trong khi tu nhân. Do vậy, thân này còn gọi là Báo Thân.

2. Tha Thọ Dụng: thân công đức thanh tịnh vi diệu do Bình Đẳng Tánh trí biến hiện để các căn tánh thuộc địa vị Thập Địa chiêm ngưỡng được, khiến họ hưởng thụ pháp lạc. Do vậy thân này đôi khi còn gọi là Ứng Thân.

²⁷ Đây là các loại thuyền xưa phân định theo quan tước, phẩm trật. Thuyền của vua ngự gọi là Tào Thuyền. Dùng bốn chiếc kết lại thì gọi là Duy Thuyền, dành cho tước Hầu trở lên. Hai chiếc kết lại gọi là Phương Thuyền, dành cho hàng đại phu. Thuyền chỉ một chiếc thì gọi là Đặc Thuyền dành cho bậc nhân sĩ. Xin lưu ý đừng hiểu lầm ý Ngài Tục Pháp, khi nói Trì Danh chỉ là Thanh Văn thừa ở đây là nói cách Trì Danh thông thường của pháp Thanh Văn, chứ không phải pháp Trì Danh Niệm Phật Viên Thông của ngài Thế Chí.

²⁸ Tập Âm là một quy chế theo đó con của quan lại được thừa hưởng tước hiệu và quan vị của cha sau khi cha đã mất. Theo quy chế từ đời Minh, những người được tập âm gọi là Âm Sinh chỉ được hưởng tước hiệu, chứ không hưởng quan vị, và được cho học Quốc Tử Giám rồi mới bổ làm quan theo đúng khả năng.

²⁹ Đăng Địa: Bồ Tát đã chứng từ địa vị Sơ Địa trở lên.

³⁰ Tất Cánh Không (Atyanta-sūnyatā), còn dịch là Chí Cánh Không, là một trong mười tám thứ Không được kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật nói tới. Tất Cánh Không có nghĩa là các pháp rốt ráo chẳng thể được, nhằm phá rỗng toang các pháp chẳng còn để sót gì.

Trí Độ Luận quyển 18 phân biệt giữa Tất Cánh Không và Tánh Không như sau: Tất Cánh Không là không còn gì sót thừa, trong khi Tánh Không là bản tánh vốn thường như thế. Nói cách khác, Tất Cánh Không là chẳng chấp trước vào một vật nào, ba đời thanh tịnh. Các pháp do các duyên hòa hợp, dường như có, nhưng nếu các duyên tách rời thì chẳng có thể tánh, đó là Tánh Không.

³¹ Hữu Tác: Có tạo tác, đối lập với Vô Tác. Vô Tác không phải là không làm gì hết mà là làm các thiện sự nhưng không chấp trước, không thấy có người làm, hành vi được làm, không mong cầu quả báo tốt đẹp v.v... Do Hữu Tác là chấp trước, mong cầu nên quả báo

của nó là hữu hạn, nhỏ hẹp, nên mới nói “cuối cùng sẽ thành bại hoại” ³²

Tứ Không (bốn thứ Không) có hai cách hiểu:

1. Theo Đại Phương Quảng Đại Tập Kinh và Đại Phẩm Bát Nhã Kinh thì Tứ Không nhằm để phá sự chấp trước nơi Có của chúng sanh, gồm:

a. Pháp Pháp Tướng Không (Pháp Tướng Không): Phá tướng Có của các pháp như Ngũ Uẩn. Toàn bộ những pháp hữu vi hay vô vi đều gọi là “pháp tướng”. Pháp tướng ấy không có thật pháp, không có thực thể, giống như ánh nắng đọng đầu Xuân, thấy dường như có nước nhưng thật sự chẳng có nước.

b. Vô Pháp Vô Pháp Tướng Không (Vô Pháp Tướng Không): Phá trừ kiến chấp thấy Vô Tướng. Vô Tướng vốn không có thực thể, chỉ do phá trừ Hữu Tướng mà thành lập, chứ không có tự tánh. Hữu Tướng đã không thì Vô Tướng cũng chẳng có tướng!

c. Tự Pháp Tự Pháp Tướng Không (Tự Pháp Không): pháp tánh và tự thể của hai thứ không trên đây vắng lặng, chứ không phải vì hành nhân gắng sức vận dụng trí huệ để quán tướng mà chúng trở thành Không!

d. Tha Pháp Tha Pháp Tướng Không (Tha Pháp Không): Chúng sanh tuy trước đây đã nghe nói về pháp tánh và pháp Thật Tế, nhưng lại chấp trước rằng những pháp hữu dư ở ngoài là có, nên gọi là Tha Pháp. Nay để phá chấp bèn quán Chân Như trọn không có pháp nào khác, không có tướng của pháp nào khác.

2. Theo phẩm Pháp Cúng Đường trong kinh Duy Ma Cật thì Tứ Không là Không (pháp không có tướng nhất định), Vô Tướng (pháp không có tướng nhân duyên), Vô Tác (pháp không có tướng mà cũng chẳng tạo quả), Vô Khởi (pháp không khởi lên).

³³ Tam Hiền: Ba địa vị trước khi đạt đến Thập Địa, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng.

³⁴ Thập thân là mười thân của đức Như Lai như phẩm Ly Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm đã minh định: Bồ Đề thân (thân Phật thị hiện tám tướng thành đạo), Nguyên thân (thân Phật

nguyện sanh vào trời Đâu Suất), Hóa thân (thân sanh trong vương cung), Trụ Trì thân (thân xá-lợi sau khi nhập diệt nhằm duy trì Phật pháp), Tướng Hảo Trang Nghiêm thân (thân Phật có đủ vô lượng tướng hảo trang nghiêm), Thế Lực thân (thân dùng từ bi nhiếp khắp hết thảy chúng sanh), Như Ý thân (thân hiện ra trước các Bồ Tát thuộc địa vị địa tiền hay địa thượng), Phước Đức thân (thân Phật thường trụ trong tam muội), Trí thân (tức bốn Trí như Đại Viên Kính Trí v.v...), Pháp Thân (bản tánh của Trí thân).

³⁵ Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (Viśeṣacintabrahma-pariprcchā), bốn quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Trong kinh này đức Phật giảng cho các vị Bồ Tát và Tư Ích Phạm Thiên về lý “các pháp không tịch”. Kinh này còn có các bản dịch khác với danh xưng Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn), Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Bắc Ngụy). Thiên Thân Bồ Tát đã viết Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh Luận (do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch) để chú giải kinh này.

Ngoài ra, kinh này còn các bản chú giải khác như Trì Tâm Phạm Thiên Kinh Lược Giải (do ngài Đạo An soạn), Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh Giản Chú (do Viên Chứng soạn) v.v...

³⁶ Theo phẩm Đại Bồ Thí và phẩm Bồ Tát Thọ Ký của kinh Bi Hoa, trong hàng hà sa số A Tăng Kỳ kiếp về quá khứ, có một thế giới Phật tên là San Đê Lam, trong cõi ấy có Chuyển Luân Vương tên Vô Tránh Niệm. Vua có một đại thần tên là Bảo Hải rất tài trí. Bảo Hải có một người con tên Bảo Tạng, xuất gia trở thành Phật. Vua Vô Tránh Niệm cùng một ngàn vương tử hoan hỷ nghe Phật giảng pháp, bèn phát nguyện. Bảo Tạng Phật bèn thọ ký cho vua sẽ thành Phật trong tương lai hiệu là A Di Đà. Con trưởng của vua là thái tử Bất Thuần cũng phát ra thế nguyện rộng lớn, được Phật thọ ký sẽ thành Bồ Tát hiệu Quán Thế Âm, làm Phật nối ngôi của A Di Đà Phật. Vương tử thứ hai do được ngài Bảo Hải khuyên lơn, cũng phát đại nguyện được Phật đặt hiệu là Đắc Đại Thế (một cách dịch khác của chữ Đại Thế Chí), rồi thọ ký sẽ thành Phật sau khi ngài Quán Âm nhập diệt. Các vương tử còn lại đều lần lượt phát nguyện và được đặt các danh hiệu như Văn Thù, Phổ Hiền v.v...

³⁷ Trí Đoạn: có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Dùng trí huệ Bát Nhã để đoạn trừ phiền não.
2. Trí Đoạn là nói gộp của Trí Đức thì gọi là Đoạn Đức, tức Niết Bàn.

Theo ngữ ý, ở đây phải hiểu Trí Đoạn theo nghĩa thứ hai.

³⁸ Thời cổ coi ngôi ở hướng Bắc ngoảnh mặt về phương Nam (“tọa Bắc triều Nam” hoặc “Nam diện”) là tôn quý, nên thiên tử, chư hầu, các đại phu khi tiếp bầy tôi đều ngồi ở phương Bắc ngoảnh mặt về phương Nam, nhằm tỏ sự tôn quý. Sau đời Tàn Thủy Hoàng chỉ mình thiên tử được quyền ngồi như thế.

³⁹ Vô Nhiệt Nảo (Anavatapta) còn được phiên âm là A Nậu Đạt, A Na Đạt hoặc A Na Bà Đáp Đa, dịch nghĩa là Thanh Lương Trì hoặc Vô Nhiệt Nảo. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 15 và Câu Xá Luận quyển 11, ao này chính nằm ở phía Bắc của Đại Tuyết Sơn, nằm phía Nam của Hương Túy Sơn (nay là núi Kailana), kích thước rộng đến tám trăm dặm, dùng bốn báu làm bờ. Ao này là phát nguồn của bốn con sông Hằng, Tín Độ (Sindhu), Phục Sô (Vaksa), và Tỳ Đa (Sītā). Nếu nhìn bằng mắt tục nhân, chỉ thấy ao này là một vùng tuyết mênh mông vĩnh cửu.

⁴⁰ Thi Giác: do tu tập, dần dần đoạn phá vọng nhiễm từ vô thủy đến nay, thấu hiểu nguồn tâm vốn sẵn có, thì gọi là Thi Giác. Do tu hành theo thứ tự, đoạn trừ vô minh, phiền não, trở về với tánh thể thanh tịnh nên gọi là Thi Giác (sự giác ngộ đến bây giờ là lúc đã đoạn sạch mọi vô minh mới phát hiện). Còn Bản Giác là sự giác ngộ sẵn có trong tự tâm, tịch tĩnh, bất động, vô nhiễm gọi là Bản Giác. Nói cách khác, Thi Giác là sự giác ngộ do tu chứng, nhận biết được Bản Giác. Còn Bản Giác là cái sẵn có, thường được gọi bằng Tự Tánh Phật, Pháp Thân v.v... Đại Thừa Khởi Tín Luận chia Thi Giác thành bốn địa vị:

1. Bất Giác tức địa vị Thập Tín, tuy đã biết do ác nghiệp chiêu cảm khổ quả, không còn tạo tác sự ác nơi thân và miệng, nhưng vẫn chưa sanh khởi được Đoạn Hoặc trí.
2. Tương Tự Giác tức Nhị Thừa thánh nhân và những vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, tuy đã xa lìa Ngã Chấp, nhận biết lý Ngã Không, nhưng vẫn chưa bỏ được ý niệm phân biệt Pháp Chấp.
3. Tùy Phận Giác: Từ bậc Sơ Địa đến Cửu Địa, hiểu rõ hết thấy các pháp chỉ do tâm biến hiện, nhưng chưa hiểu trọn vẹn lý Chân Như Pháp Thân.
4. Cứu Cánh Giác: Chính là Thập Địa Bồ Tát.

⁴¹ Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới, Giải Thoát Trưởng Giả là vị thiện tri thức thứ năm trong năm mươi ba vị thiện tri thức mà Thiện Tài đồng tử đến tham học. Vị trưởng giả này dạy cho Thiện Tài môn tam-muội Như Lai Vô Ngại Trang Nghiêm Giải Thoát.

⁴² Cao Tề là một triều đại ở miền Bắc Trung Hoa tồn tại khá ngắn ngủi chỉ trong 27 năm (550-577) do Cao Dương (vốn thuộc sắc tộc Tiên Ty) soán đoạt ngôi nhà Đông Ngụy lập ra. Sử thường gọi là nhà Bắc Tề hoặc Cao Tề để phân biệt với nhà Nam Tề (497-502) do Tiêu Đạo Thành sáng lập. Lãnh thổ nhà Cao Tề thuộc địa phận lưu vực Hoàng Hà thuộc các tỉnh Hà Bắc, Hà Nam, Sơn Đông và Sơn Tây.

⁴³ Theo phẩm Vô Thường thuộc quyển 4, kinh Đại Thừa Nhập Lăng Già (bản dịch của ngài Thật Xoa Nan Đà), chính đức Phật đã giảng về Tứ Bình Đẳng như sau: *“Này Đại Huệ! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào bốn ý bí mật bình đẳng mà ở giữa đại chúng nói như thế này: Ta trong thuở xưa đã làm Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật. Thế nào là bốn? Chính là Tự bình đẳng, Ngữ bình đẳng, Thân bình đẳng, và Pháp bình đẳng. Thế nào là Tự bình đẳng? Chính là ta có danh hiệu là Phật, hết thấy Như Lai cũng có danh hiệu là Phật. Danh hiệu Phật không sai biệt thì gọi là Tự bình đẳng. Thế nào là Ngữ bình đẳng? Chính là ta phát ra lời nói gồm sáu mươi bốn thứ Phạm âm thanh, hết thấy Như Lai cũng nói như vậy. Tánh của Phạm âm thanh giống như tiếng chim Ca Lăng Tần Già ấy chẳng tăng, chẳng giảm, không sai biệt, đấy là Ngữ bình đẳng. Thế nào là Thân bình đẳng? Chính là Pháp Thân, sắc tướng và tùy hình hảo của ta và chư Phật bình đẳng không sai biệt, trừ khi vì điều phục chúng sanh mà tùy loại hiện thân. Đấy gọi là Thân bình đẳng. Thế nào là Pháp bình đẳng? Chính là ta và chư Phật đều cùng chứng được ba mươi bảy phần pháp Bồ Đề. Đấy gọi là Pháp bình đẳng”*.

⁴⁴ Thân Ngũ Âm trong khi còn sống gọi là Hiện Âm, trong giai đoạn từ khi tắt hơi đến khi tái sanh trong kiếp khác thì gọi là Trung Âm, thân tái sanh ấy gọi là Hậu Âm. 45 Cái lưới của Đế Thích kết bằng một ngàn hạt châu Ma Ni, soi bóng lẫn nhau, trùng trùng biến hiện.

46 Túc Không Như Lai Tạng, Bát Không Như Lai Tạng, Không Bất Không Như Lai Tạng.

47 Kinh này có tên đầy đủ là A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni Kinh, mất tên người dịch. Trong kinh này, đức Phật ở thành Chiêm Bà giảng nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới và công đức trang nghiêm. Cõi nước của A Di Đà Phật tên là Thanh Thái, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con trai tên Nguyệt Minh, thị giả tên Vô Cầu Xung, đệ tử trí huệ tên Hiền Quang, và nói ra bài Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà La Ni cũng như cách thức thọ trì để được thấy A Di Đà Phật. Theo cổ đức phán định, do trong kinh này nói A Di Đà Phật có cha mẹ, con cái v.v... nên cõi Thanh Thái chỉ là cõi ứng hóa chứ không phải là cõi Cực Lạc (báo độ) như trong ba kinh Tịnh Độ, vì trong Cực Lạc toàn là liên hoa hóa sanh làm sao còn có cha mẹ, vợ con khi Phật còn chưa thành đạo!

48 Túc kinh Đại Phẩm Bát Nhã (Pañcavimsati Sāhasrikā Prajñāpāramitā), còn gọi là Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát Nhã, do ngài Cưu Ma La Thập dịch từ năm Hoằng Thi thứ tư (402) đến năm Hoằng Thi 14 (412) đời Diêu Tần. Kinh này thường được gọi tắt là Ma Ha

Bát Nhã Kinh. Theo Đại Trí Độ Luận, sáu mươi sáu phẩm đầu thuộc Bát Nhã Đạo, còn hai mươi bốn phẩm sau thuộc Phương Tiện Đạo. Kinh này còn có ba bản dịch là Quang Tán Bát Nhã Ba La Mật Kinh (do ngài Pháp Hộ dịch dưới thời Tây Tấn), Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh (do ngài Vô La Xoa dịch cũng vào thời Tây Tấn), và hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã Kinh của ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường.

49 Tứ Vô Sở Úy (Catvāri Vaiśāradīyāni) chính là bốn thứ tự tin không hề sợ hãi của Phật, Bồ Tát:

1. Chư Pháp Hiện Đăng Giác Vô Sở Úy (Nhất Thiết Trí Vô Sở Úy): Hiểu biết hết thấy pháp, trụ trong chánh kiến, không bị khuất phục nên trọn đủ lòng tự tin không sợ hãi.
2. Nhất Thiết Lưu Tận Vô Sở Úy (Lưu Vĩnh Tận Vô Úy): Đoạn trừ hết thấy phiền não không còn sợ hãi.
3. Chư Pháp Bất Hư Quyết Định Thọ Ký Vô Sở Úy (Chư Pháp Đạo Vô Úy): Chỉ bày những pháp chướng ngại trong việc tu hành, không hề sợ hãi bất cứ chướng nạn nào.
4. Chứng Nhất Thiết Cụ Túc Xuất Đạo Như Tánh Vô Úy (Xuất Đạo Vô Úy): Tuyên nói đạo xuất ly không sợ hãi.

50 Tâm Số là danh xưng khác của Tâm Sở (Caitta hoặc Caitasika), còn được gọi là Tâm Sở Hữu Pháp, Tâm Sở Pháp, chính là thuật ngữ để chỉ những tác dụng phức tạp của tâm (Tâm Vương). Do những tác dụng này phụ thuộc vào cái tâm nên gọi là Tâm Sở, do được Pháp Tướng Tông hoặc Nhất Thiết Hữu Bộ biện định gồm nhiều pháp khác biệt, nên gọi là Tâm Số. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Xúc v.v... là những Tâm Số thường được nhắc tới.

51 Ý Sanh Thân (Mano-maya-kāya), còn dịch là Ý Thành Thân hoặc Ý Thành Sắc Thân, Ma Nậu Thân, Ma Nô Mạt Na Thân, tức cái thân không phải do cha mẹ sanh ra, mà là do bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên vì muốn hóa độ chúng sanh bèn dựa theo ý muốn để biến hiện ra. Từ ngữ Ý Sanh Thân còn dùng để chỉ những thân của người vào lúc kiếp sơ, chư Thiên Sắc Giới, Vô Sắc Giới, thân Trung Âm v.v...

52 Đây là cách lập luận dựa theo Nhân Minh Học. Mỗi một điều lập luận sẽ gồm ba phần: Tông, Nhân và Dụ. Tông là mệnh đề khẳng định một luận điểm, Nhân là phần giải thích vì sao điều ấy đúng, còn Dụ là phần thí dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa. Chẳng hạn, trong

câu này thì Tông là “Niệm Phật là pháp Có”, còn Nhân là “vì cách Phật chẳng xa”. Dụ là người nhiễm hương.

53 Thù là đơn vị đo lường thời cổ, một lượng là 24 thù, tức khoảng chừng 1,57 gram.
54 Ba Lợi Chất Đa La (Paricitra), dịch nghĩa là Hương Biến Thụ (cây tỏa mùi thơm trọn khắp) hoặc Thiên Thụ Vương, là một loại cây trên cõi trời Đao Lợi. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa cuốn Hạ giảng: “*Ba Lợi Chất Đa La, gọi đủ là Ba Lợi Đa Đát La Câu Đà La, ở đây dịch là Hương Biến Thụ, nghĩa là rễ, thân, cành, lá, hoa, trái cây này đều thơm sực khắp cõi trời Đao Lợi. Ba Lợi nghĩa là trọn khắp, Chất Đa La là xen kẽ trang nghiêm*”.
55 Tiên Đà Bà (Saindhava) dịch nghĩa là Thạch Diêm (muối cứng như đá) là một loại muối ven bờ Ấn Độ giang (sông Indus). Theo kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 9, mật ngữ của Như Lai sâu xa khó hiểu. Ví như có vị quan hầu cận đại vương, vua muốn tắm bèn đòi Tiên Đà Bà, vị đại thần ấy có trí biết liền dâng nước. Vua muốn ăn, đòi Tiên Đà Bà bèn dâng muối. Khi vua muốn uống, đòi Tiên Đà Bà, vị đại thần bèn dâng ly. Khi vua muốn du ngoạn, đòi Tiên Đà Bà, bèn dâng ngựa. Vị đại thần có trí ấy khéo hiểu ý bốn thứ mật ngữ của vua. Do vậy, cổ nhân thường dùng thuật ngữ “*nhất danh tứ thật*” (một tên mà chứa đựng bốn thực chất) để sánh ví mật ngữ rất sâu khó hiểu của đức Như Lai. Loại hương Tiên Đà Bà ở đây giống như muối đọng thành khối nên gọi là Tiên Đà Bà. Do vậy, ngài Thanh Lương mới giảng: “*Ở đây nên hiểu [Tiên Đà Bà] nghĩa là muối, hương giống như vậy*”.

56 Đây chính là Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Nguyên Ngụy, được xếp vào hệ thống kinh Hoa Nghiêm trong Vĩnh Lạc Bắc Tạng.

57 Phần Đoạn Thân chính là cái thân gánh chịu Phần Đoạn Sanh Tử, do nghiệp nhân thiện ác cảm lấy thọ mạng có ngắn dài khác nhau, hình thể khác biệt, nhưng thọ lượng có hạn, rốt cuộc phải suy hoại, đoạn diệt nên gọi là Phần Đoạn.

58 Trước sau, đại sư Thanh Lương Trừng Quán đã viết nhiều bộ sách số giải kinh Hoa Nghiêm. Từ tháng Giêng năm đầu niên hiệu Hưng Nguyên (784), đại sư soạn số giải cho kinh Hoa Nghiêm suốt bốn năm gồm 20 quyển, gọi là Hoa Nghiêm Kinh Số (nay thường gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Số, hoặc Thanh Lương Số). Sau đây, Sư lại vì các đệ tử như Tăng Duệ v.v... viết lời diễn giảng cho bộ Thanh Lương Số gồm mấy chục quyển, về sau hai bộ này được gộp in chung thành Hoa Nghiêm Kinh Tùy Số Diễn Nghĩa Sao (thường được gọi tắt là Thanh Lương Số Sao hay Hoa Nghiêm Kinh Số Sao). Năm Trinh Nguyên 12 (796), do triều đình triệu Sư về kinh đô tham gia dịch trường bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm (tức phẩm Nhập Pháp Giới do quốc vương Ô Trà tiến cống). Sư vâng chiếu viết số cho bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm vào năm Trinh Nguyên 14 (798). Để phân biệt với bộ số trước, Sư đặt tên là Trinh Nguyên Tân Dịch Hoa Nghiêm Kinh Số (do vậy, bộ này thường được gọi tắt là Thanh Lương Trinh Nguyên Số).

59 Theo Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Số, quyển thứ 16, “sát chủng” được giảng như sau: “*Sát chủng nương vào sát hải, các sát-độ (cõi Phật) nương vào sát chủng thì sự rộng hẹp ắt biết được cái tên này do đâu mà có. Muốn nói rõ thế giới vô biên bèn lập ra cái tên này nhằm tạo phương tiện để chỉ rõ sự đông nhiều ấy. Nghĩa là tích tụ nhiều thế giới vào cùng một chỗ, thu tóm các loại hiện hữu nên gọi là Chủng. Do các chủng loại như thế lại có rất nhiều, sâu rộng vô biên nên gọi là Hải*”. Do Hoa Tạng thế giới gồm nhiều Phật sát (sát độ) khác biệt nên còn gọi là Hoa Tạng Sát Chủng. Do Cục

Lạc và Sa Bà ở trong cùng một tầng trong Hoa Tạng nên bảo là “chẳng ra ngoài sát chủng”.

- 60 A Na Luật (Aniruddha), còn phiên âm là A Ni Lô Đà, A Nậu Lô Đà, A Nan Luật hoặc A Lô Đà, dịch nghĩa là Vô Diệt, Như Ý, Vô Chướng, Vô Tham, Tùy Thuận Nghĩa Nhân, Bất Tranh Vô Hữu v.v... là em họ của đức Phật, đồng thời là một trong mười đại đệ tử của đức Phật. Ngài là con của Học Phạn Vương (chú của đức Phật). Khi Phật thành đạo, A Na Luật cùng xuất gia một lúc với Nan Đà, A Nan, Ưu Bà Ly v.v... Trong khi đức Phật thuyết pháp, Ngài thường ngủ gục, bị quả trách bèn lập thế không ngủ đến nổi mù cả hai mắt, nhưng do tinh tấn tu hành, tâm nhãn khai thông, trở thành bậc thiên nhãn đệ nhất trong các đại đệ tử của đức Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài trình bày sở chứng là Nhân Căn Viên Thông.
- 61 Tinh minh tâm là một tên gọi khác của Chân Tâm, dùng chữ “tinh minh” nhằm diễn tả đặc tánh của chân tâm. Chân tâm ấy sáng suốt, nhận biết sự vật rõ ràng nên gọi là “minh”, nhận biết sự vật vạn pháp đúng như thật không bị xen tạp, ô nhiễm bởi vọng tưởng, thành kiến nên gọi là “tinh”.
- 62 Nê Hoàn là cách phiên âm khác của chữ Nirvāna (Niết Bàn).
- 63 Thập Bát Giới (Astādaśa Dhātavaḥ) là mười tám pháp do nương vào sáu thức, sáu căn và sáu trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) để thành lập. Giới có nghĩa là chủng loại.
- Ngụ ý: Tự tánh của mười tám chủng loại khác nhau, nên gọi là Thập Bát Giới.
- 64 Tứ bộ Viên Giác Kinh Lược Sớ của ngài Khuê Phong Tông Mật soạn.
- 65 Tứ bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm Hội Huyền Ký do ngài Phổ Thụ soạn. Bộ sách này được đánh số 236 trong tập tám của Vạn Tục Tạng.
- 66 Ngài Chân Như Triết đời sau làm Tống Khâm Tông. Tống Khâm Tông (Triệu Hoàn) được vua cha là Huy Tông nhường ngôi, lấy niên hiệu là Tĩnh Khang, nhưng đến đầu năm Tĩnh Khang thứ hai (1127), quân Kim đánh xuống phía Nam Hoàng Hà, chiếm đóng kinh đô Khai Phong, Sử gọi là “*Tĩnh Khang chi biến*”. Tháng Hai năm ấy, cha con Huy Tông và Khâm Tông bị bắt. Kim Thái Tông hạ lệnh đánh tuột hai vua Tống làm thường dân, ra lệnh lột long bào hai vua giữa chợ, rồi sai giải về Trung Kinh (tức Bắc Kinh hiện thời), bắt hai vua mặc áo trắng quỳ gối trước Thái Miếu của nhà Kim, đích thân dắt dê cho nội thị hiến tế, rồi vào châu Kim Thái Tông. Vua Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Công, Khâm Tông làm Trùng Hôn Hầu rồi đày đi Yên Châu (nay thuộc tỉnh Cát Lâm), rồi lại đày lên thành Ngũ Quốc (thuộc tỉnh Hắc Long Giang hiện thời) cho đến khi chết. Như vậy, cả đời Khâm Tông chỉ là tù đầy, nhục nhã, sầu não.
- 67 Từ môn 83 đến môn 92 là cách phán định pháp Niệm Phật dựa theo Thập Huyền Môn do ngài Thanh Lương lập ra để phán định cảnh giới kinh Hoa Nghiêm. Xin xem chi tiết về Thập Huyền Môn trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.